

Số 147

VĂN HÓA

P HẬT G I Á O

Sống
an vui

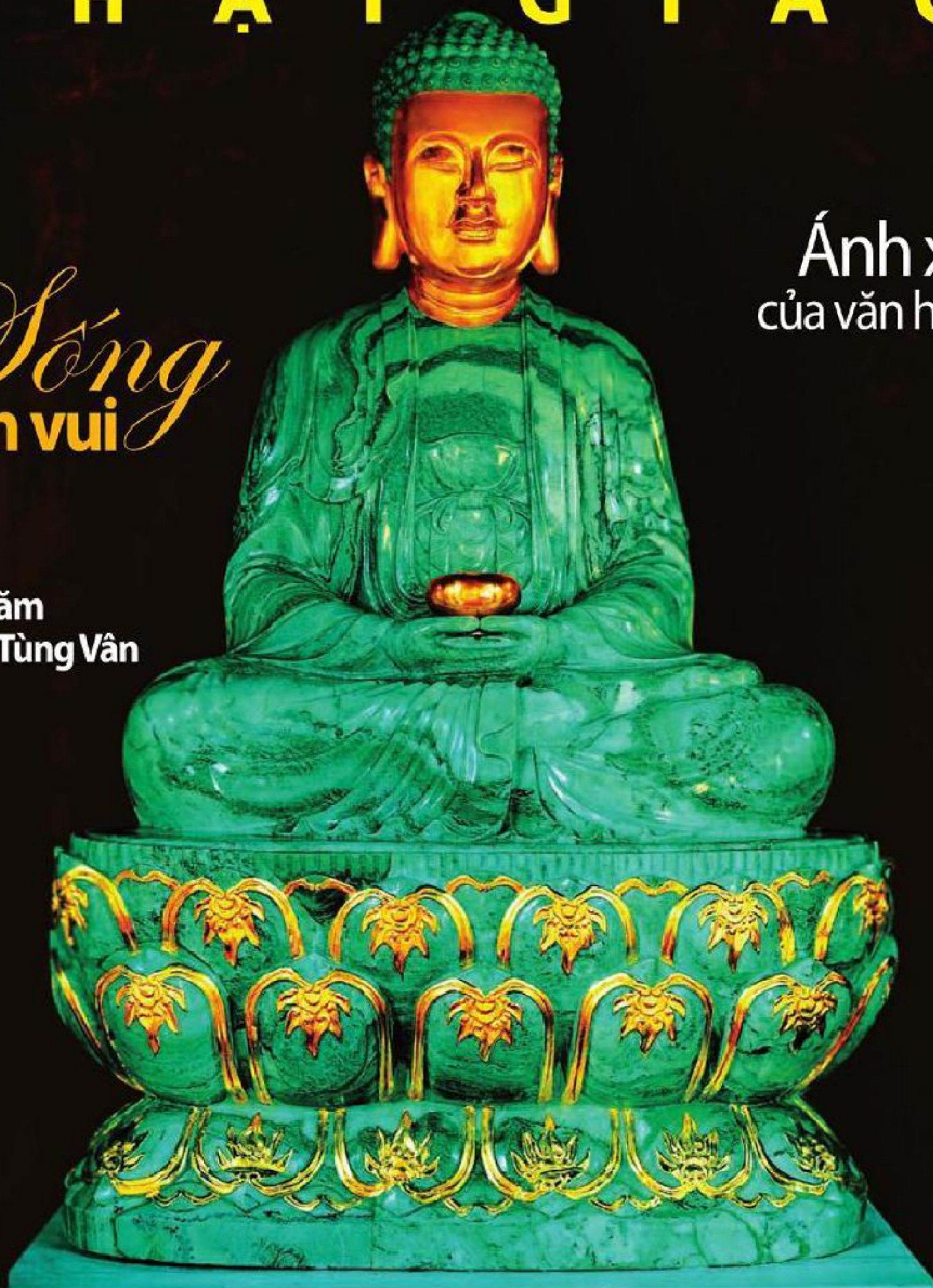
Tr. 17

**Về thăm
chùa Tùng Vân**

Tr. 56

**Ánh xạ
của văn hóa**

Tr. 3





TÔN HOA SEN

Mái ấm gia đình Việt

**TÔN LẠNH - TÔN KẼM - TÔN LẠNH MÀU - TÔN KẼM MÀU
ỐNG THÉP - THÉP HỘP MẠ KẼM - XÀ GỖ MẠ KẼM**



Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ



TRỤ SỞ CHÍNH

Số 9 Đại Lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần 2, P. Dĩ An, TX. Dĩ An, T. Bình Dương
Tel: (+84 650) 3790 955 - Fax: (+84 650) 3791 792

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN

94 - 96 Nguyễn Du, Quận 1, Tp. HCM * Tel: (+84 8) 3822 9693 - Fax: (+84 8) 3827 7962

www.hoasengroup.vn

Đón đọc

VĂN HÓA

P HẬT G I Á O

Số 148

Phát hành ngày 1 - 8 - 2012

CÁC ĐỊA ĐIỂM PHÁT HÀNH:

HÀ NỘI

Cửa hàng sách Hồng Vân
74 Quán Sứ, Hà Nội
ĐT: 0913 017 920

Cửa hàng Chân Tịnh 1
Chuyên viên Phòng Tổng hợp
Trường Đại học Kiến trúc
Km 10, đường Nguyễn Trãi,
Quận Thanh Xuân, Hà Nội
Liên hệ: Bà Nguyễn Thị Xuân
ĐT: 0904 990 666

Cửa hàng Chân Tịnh 2
A38 TT8 khu đô thị Văn Quán,
Hà Đông - Hà Nội
Liên hệ: Bà Nguyễn Thị Xuân
ĐT: 0938 071 188

QUẢNG BÌNH

Cô Nguyễn Phước
Phòng phát hành Hoa Ưu Đàm
226 Trần Hưng Đạo, TP. Đồng Hới - QB
ĐT: 0917 703 325

THỪA THIÊN-HUẾ

Anh Trần Văn Tý
Tuệ Tĩnh đường Hải Đức
182 Phan Bội Châu, TP. Huế
ĐT: 0905 168 411

ĐÀ NẴNG

Chị Thủy, 200 Tô Hiến Thành,
Q. Sơn Trà - TP. Đà Nẵng
ĐT: 0905 278 527

Thượng tọa Thích Từ Nghiêm,
chùa Phổ Đà
340 Phan Chu Trinh, TP. Đà Nẵng
ĐT: 0914 018 093

Phòng Kinh sách chùa Pháp Lâm
(Thành hội Phật giáo Đà Nẵng)
500 Ông Ích Khiêm, TP. Đà Nẵng
ĐT: 05113873128

Cửa hàng Thanh Nhã
124 Lê Đình Dương, TP. Đà Nẵng
ĐT: 05113565021
(Chị Ty)

QUẢNG NGÃI

Phòng phát hành
Văn hóa phẩm Phật giáo
334 Trần Hưng Đạo, TP. Quảng Ngãi
ĐT: 055 2221 819 - 0905 427 211
(Chị Linh)

BÌNH ĐỊNH

Chị Hoàng
Phòng phát hành Hiền Nam
3 Trần Thị Kỳ, TP. Quy Nhơn
ĐT: 0935 272 261

Anh Hùng
Thư quán chùa Long Khánh
141 Trần Cao Vân, TP. Quy Nhơn
ĐT: 0987 219 374

KHÁNH HÒA

Chị Hương,
Thư quán Hy Mã Lạp Sơn, chùa Long Sơn
số 20 đường 23 tháng 10,
TP. Nha Trang
ĐT: 058 2241 868 - 0168 2552 374

NINH THUẬN

Sư cô Mỹ Đức, Ban Văn hóa Ninh Thuận,
chùa Diệu Nghiêm, số 54 đường 21 tháng 8,
Phan Rang. Ninh Thuận. ĐT: 068 3820 806

ĐAKLAK

Thầy Thích Nguyên Huân,
chùa Sắc tứ Khải Đoan, 117 Phan Bội Châu,
TP. Buôn Ma Thuột
ĐT: 0500 3853837 - 0913 434 138

LÂM ĐỒNG

Thầy Thích Minh Tuệ
90B/32 Vạn Hạnh P.8, TP. Đà Lạt
ĐT: 063 3552 922

Phòng phát hành chùa Phước Huệ
697 Trần Phú, TP. Bảo Lộc
ĐT: 0169 8287 177
(Cô Hương)

BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Cô Văn, chùa Từ Quang
102 Hà Long, P.1, TP. Vũng Tàu
Bà Rịa-Vũng Tàu
ĐT: 064 3856 415

Tỉnh Thất Long Thiên
Núi Dinh, xã Hội Bài, huyện Tân Thành,
Bà Rịa Vũng Tàu
LH: Sư cô Liên Đức. ĐT: 0643 941 099

Sóc TRĂNG

Đại đức Thích Trung Hữu
22 Ngô Gia Tự, Sóc Trăng
ĐT: 0907 465 073

CÁN THƠ

Chị Tâm, Phòng phát hành
128 Nguyễn An Ninh, Q. Ninh Kiều,
ĐT: 0939282636

Thầy Thích Minh Thông,
chùa Phật Học, 11 Đại lộ Hòa Bình,
TP. Cần Thơ
ĐT: 0918800707 - 07103827685

TIỀN GIANG

Ni sư Tịnh Nghiêm, chùa Tịnh Nghiêm
145 ấp Mỹ An, xã Mỹ Song,
TP. Mỹ Tho
ĐT: 0733.874.469 - 0913.601.656

Đại lý Mây Hồng, 57 Lý Thường Kiệt
TP. Mỹ Tho
ĐT: 0733.877.054

VĨNH LONG

Nhà sách Khánh Tường
135B đường 2 tháng 9, P.1
thị xã Vĩnh Long
ĐT: 070. 834 653 - 070. 834 654
(Chú Tư Nở)

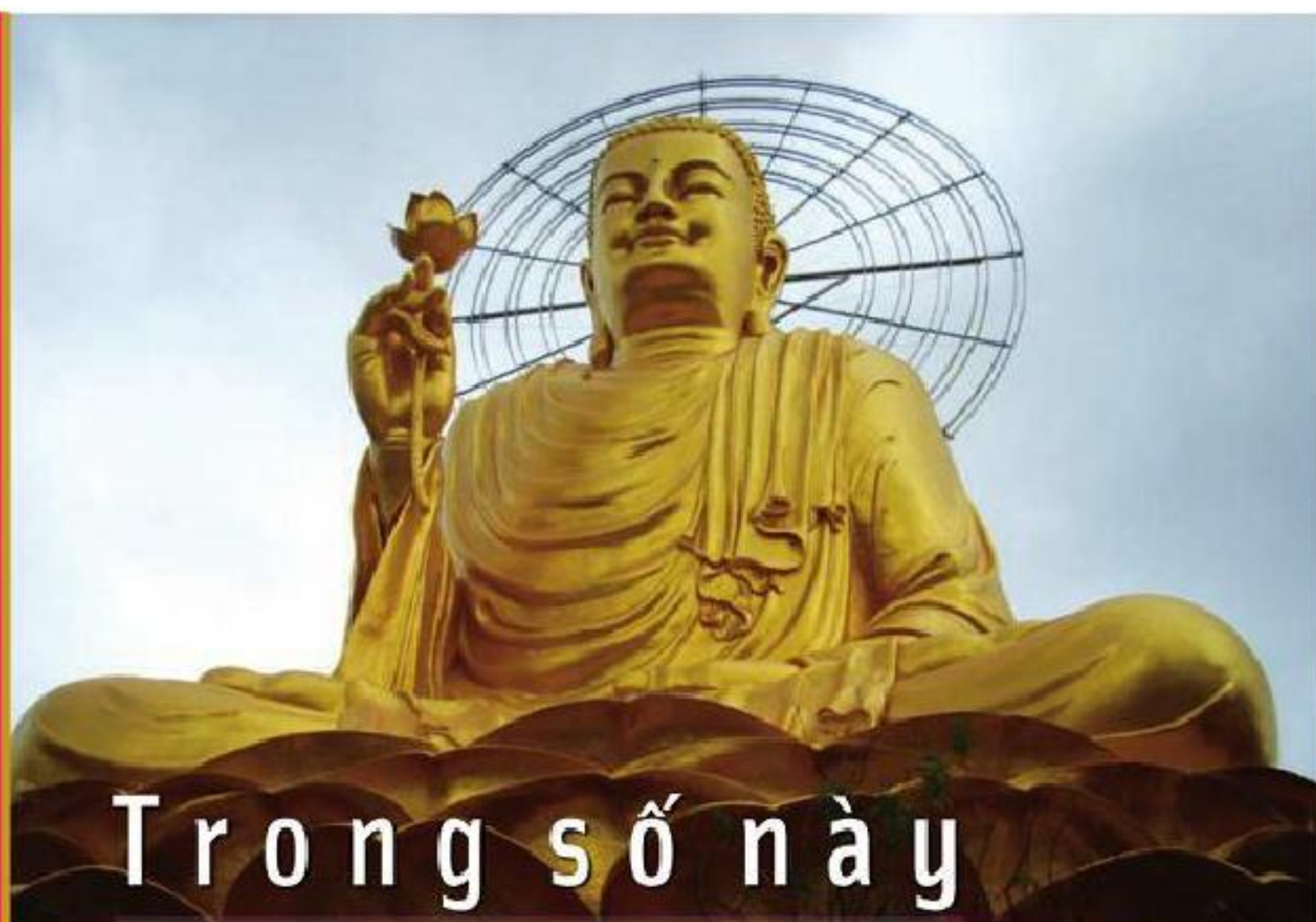
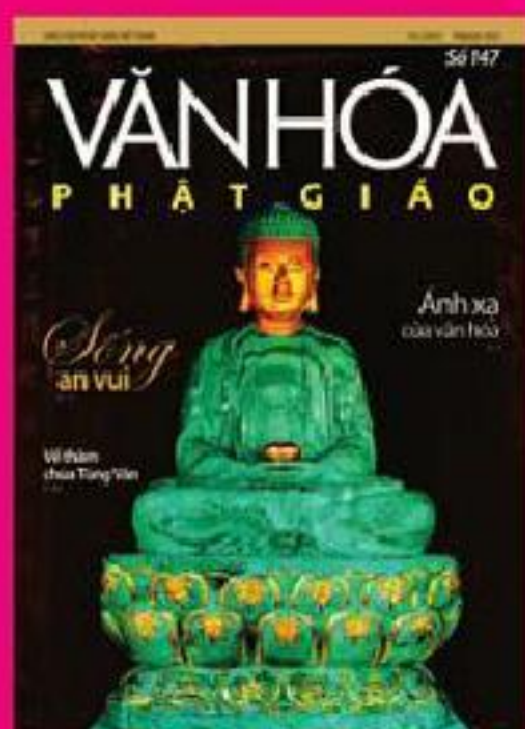
TP. HỒ CHÍ MINH

Tại tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. 8, Q. 3
ĐT: 38.484.335

VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách
và các sạp báo trong thành phố.

Giá: 17.000 đồng

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG



Trong số này

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO
Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập
THÍCH CHƠN THIỀN

Phó Tổng Biên tập Thường trực
kiêm Thư ký Tòa soạn
TRẦN TUẤN MÃN

Phó Tổng Biên tập
THÍCH TRUNG HẬU
THÍCH MINH HIỀN

Trị sự
NGUYỄN BÔNG

Trình bày
MAI PHƯƠNG NAM

Phòng Phát hành
Trụ sở Tòa soạn VHPG
ĐT: (84-8) 3 8484 335
Cô Hồ Thị Phương Châu, DD: 0907 164 066
0914 063 669

Quảng cáo
Cô Thu Suong, DD: 0918 032 040

Tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-8) 38484 335 - 38484 576
Fax: (84-8) 35265 569

Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn

Tên tài khoản:

Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo - Ban Văn hóa
Số tài khoản: 1487000000B
Ngân hàng VPBank, Chi nhánh TP. HCM

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Thông tin và Truyền thông
Số 1878/GP. BTTTT
Ghi bán & in tại Nhà in Trần Phú
Q.1 TP. Hồ Chí Minh

Ánh xạ của văn hóa (Nguyễn Căn)	3
Sương mai	6
Ngôi chùa trẻ (Cao Huy Hóa)	7
Giới thiệu vài nét về văn bia chùa Chúc Thánh (Đổng Dương)	10
Tản mạn văn hóa đọc (Huỳnh Kim Bửu)	12
"Tâm không động, không sầu" (Mỹ Huệ)	14
Sống an vui (Nguyễn Thế Đăng)	17
Từ nay xin chùa (Tấn Nghĩa)	20
Viếng chốn tổ Vĩnh Nghiêm (Phạm Thanh Tùng)	23
Sông Hương - dòng sông hoa (Diệu Hà)	26
Ý nghĩa một nụ cười (Cầu Đất)	28
Nhớ về mái chùa xưa (Phan Minh Đức)	30
Câu chuyện một con đường (Hoang Phong)	32
Không biết chính là điều sâu sắc nhất (John Tarrant, Trần Khiết Bách dịch)	36
Ngày xuân nhớ cụ Giang Văn Minh (Nguyễn Phúc Vĩnh Ba)	38
Huyền thoại khúc Nghê thường (Lê Hải Đăng)	40
Tiếng chuông chùa (Phạm Thanh Chương)	43
Trở về với cát bụi (Hoàng Tá Thích)	44
Cuộc gặp không định trước (Hà Thị Hạnh)	46
Lên chùa hái lộc ngày xuân (Hoa Xuyên Chi)	48
Thơ	49
Tình nghĩa so đo (truyện ngắn của Mẫu Đơn)	51
Ấm áp tình người (Lâm Hạnh Nhiên)	54
Về thăm chùa Tùng Vân (Quảng Tâm - Diệu Mỹ)	56
Lời cảm ơn cuộc sống	57

Bìa 1: Phật ngọc, chùa Tùng Vân, Vĩnh Phúc. Ảnh: Quảng tâm - Diệu Mỹ.

Thư tòa soạn

Kính thưa quý độc giả,

Sau khi phát hành số báo kỷ niệm bảy năm Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo tham gia hoạt động truyền thông Phật giáo, tòa soạn lại tiếp tục nhận được nhiều ý kiến của độc giả khích lệ tinh thần Ban Biên tập, nhìn nhận VHPG luôn thể hiện sự tôn trọng độc giả và giữ vững tôn chỉ hoạt động. Chúng tôi chân thành cảm ơn thiện ý của quý vị, nguyện luôn xứng đáng với lòng tin yêu ấy.

Cùng lúc, thể hiện sự quan tâm đến tình hình lễ hội đang diễn ra trên cả nước, đặc biệt là những lễ hội chốn cửa chùa, đã có độc giả hỏi rằng VHPG nghĩ gì trước hiện tượng hiện nay người ta đua nhau việc xây chùa to, dựng tượng lớn, tổ chức lễ hội hoành tráng.

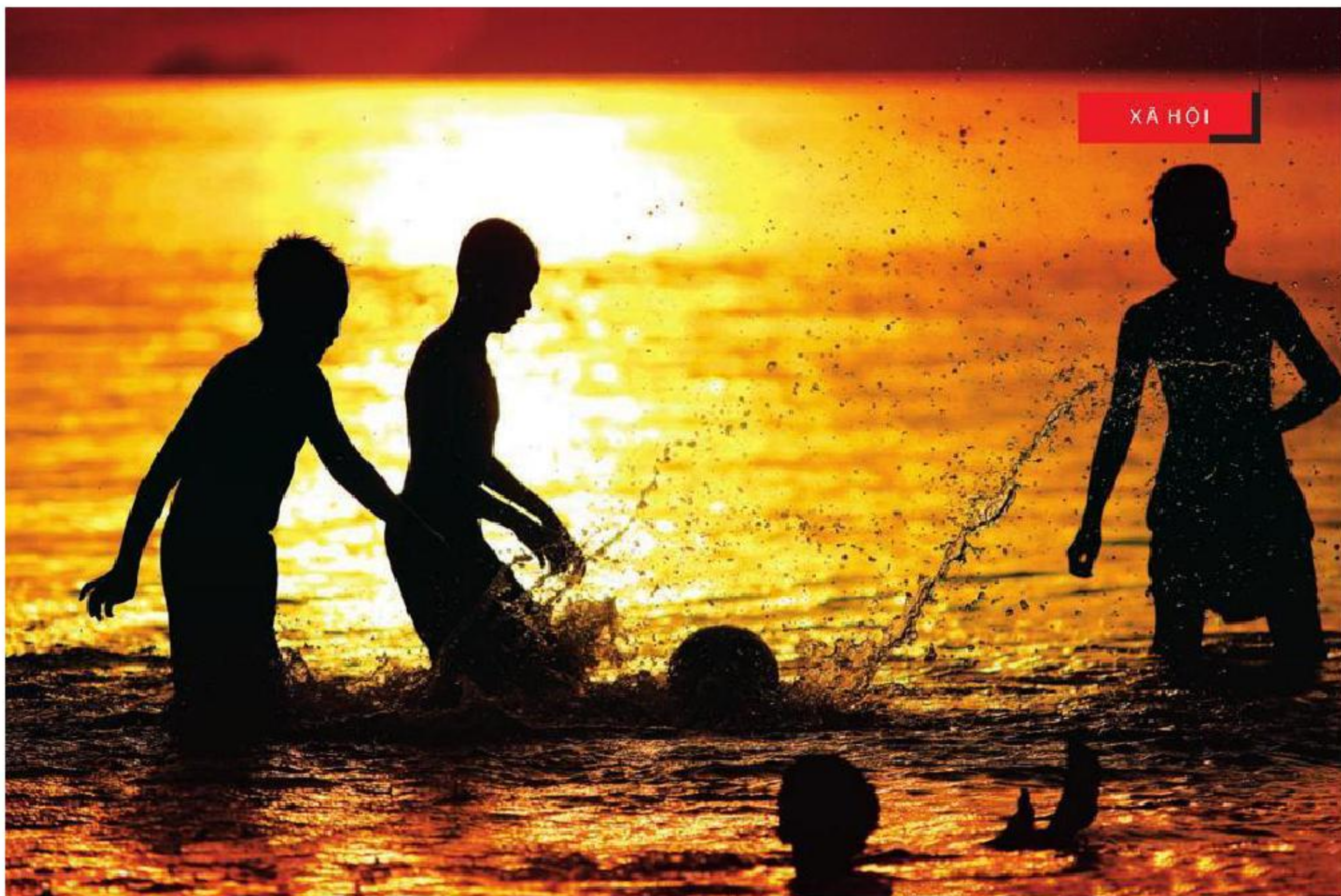
Chúng tôi khẳng định, VHPG luôn kính ngưỡng công đức của những người xây chùa dựng tượng; VHPG cũng đồng tình với việc tổ chức lễ hội. Xây nơi thờ tự, dựng tượng danh nhân vĩ nhân và các đấng đáng được tôn thờ, tổ chức lễ hội để ghi nhớ công ơn tiền nhân... là những hoạt động thể hiện sinh hoạt tâm linh của một dân tộc, cần xiển dương và tôn trọng, nhưng phải được diễn ra trong sự hài hòa với hoàn cảnh của đất nước.

Vài năm trở lại đây, đất nước ta đã có những phát triển vượt bậc, nhưng tình trạng nghèo đói ở một bộ phận dân cư không nhỏ vẫn còn đó; ở nhiều nơi, những vấn đề dân sinh cấp thiết nhất vẫn chưa được giải quyết. Trong hoàn cảnh ấy, việc xây dựng những công trình xa xỉ là đi ngược với tinh thần từ bi của nhà Phật. Sự xa xỉ thường đi liền với mê tín, cổ võ việc cầu cúng dựa dẫm vào thần linh và các dạng hồn vía dị đoan, trái với tinh thần phát triển trí tuệ chân thật của nhà Phật. Về tổ chức lễ hội, lấy né phục dựng truyền thống, nhiều nơi đã bày đặt những hình thức xa lạ đối với truyền thống tốt đẹp của người Việt là không khoa trương, không chuộng hình thức, không trưng bày những hình ảnh thô tục. Như vậy, điều cần phê phán là sự xa xỉ, tính mê tín và khuynh hướng xa rời truyền thống tốt đẹp của văn hóa Phật giáo và dân tộc chứ không phải là bản thân việc xây chùa dựng tượng hay tổ chức lễ hội.

Trong không khí náo nức của những lễ hội mùa xuân, VHPG chân thành chúc quý độc giả có những ngày tham gia lễ hội thực sự mang ý nghĩa văn hóa trên tinh thần biết đủ và ít ham muốn để ngày càng đi đến gần nhận thức chân thiện mỹ. Kính chúc quý độc giả thân tâm thường an lạc.

Văn Hóa Phật Giáo





Ánh xạ của văn hóa

NGUYỄN CẦN

Nói đến văn hóa, nhiều người nghĩ ngay đến những định nghĩa cầu kỳ, phức tạp, trừu tượng, những khái niệm ở tầm "vĩ mô" như bản sắc văn hóa, như hiện tượng xã hội, hay những giá trị truyền thống; nhưng cũng có khi bình tâm, nhìn lại ta thấy văn hóa hiện ra như một thứ kính vạn hoa có thể soi chiếu, phản ánh nhiều mặt của cuộc sống.

Đức Phật và Sacombank

Có một giảng viên Anh ngữ ở Hội Việt Mỹ, vốn là người sử dụng tiếng Anh như tiếng mẹ đẻ, nhân ngày đầu năm hỏi học viên lớp mình: Trình bày một khía cạnh của văn hóa Việt Nam và cho biết giá trị nền tảng

của nó? Khi các học viên còn đang lúng túng, ông ta hỏi tiếp, "Tại sao các bạn đi chùa đầu năm?". Sau đó ông đưa ra nhận xét: "Các bạn xem Đức Phật chẳng khác nào Sacombank, bỏ ra ít tiền lễ, cầu mong lấy lãi thật nhiều(!)". Ông ta ngờ rằng ít có ai thật sự không cầu mong giàu có trong ngày đầu năm khi đến cửa chùa... Nhận định ấy đúng hay sai?

Thử đọc vài trang báo đầu năm: "Hàng trăm mét kéo dài từ ngoài đường vào tận cổng chùa Đậu, không biết cơ man nào là lều bạt dựng lên, dây buộc tử tung.... Mùi cá nướng, mùi dầu mỡ đặc quánh không gian chùa... không riêng gì các cô cậu choai choai, ngay cả những người được gọi là trưởng thành cũng vấy bẩn cùn cùn, quốccao gót lợc cộc vào chùa. Có cơ quan tổ chức đi chùa,

đàn ông đàn bà nói chuyện cứ oang oang như ở nhà... Tôi nghe được những lời khẩn khẩn, xin xỏ của họ: 'Xin người ban lộc ban tài, ban cơm ban áo, ban gạo ban tiền, cho nhiều người trong gia trung chúng con có lộc có tiền có danh có tiếng có nhà có xe...' Một bà ủ rũ: 'Con mới cho người ta vay lãi, bốn tháng nay chưa lấy được đồng nào, đến đòi tiền thì nó không trả, xin Ngài phù hộ độ trì cho con lấy lại được tiền, cho những đứa vay tiền của con mà không trả đi tàu chết tàu, đi xe chết xe...' (Sơn Nam Thương – bài Những đồng tiền lẻ trên tay Đức Phật, báo Tuổi Trẻ và Đời Sống 2.2.2012).

Đi đến bất cứ lễ hội nào như lễ hội chùa Hương, Bà Chúa Kho, Yên Tử, Đền Hùng... đều có dịch vụ sập lễ thuê, thậm chí cúng thuê. Những quầy hàng bày la liệt, sát nhau lấn chiếm cả các lối đi lên di tích khiến cho quang cảnh linh thiêng trở nên bụi bặm, chơ búa, khó chịu và thực sự mất mỹ quan. Sau Tết Nguyên đán, ở Khu di tích Đền Hùng, từ cổng chính dẫn lên khu di tích có đến hàng chục phụ nữ cầm những xấp tiền giấy loại 200, 500 đồng mời khách đổi tiền để dâng lễ, mời mua đồ lễ. Đến Hạ là nơi mẹ Âu Cơ sinh hạ trăm trứng, khu nội điện chật ních người dâng lễ với các mâm ngũ quả đầy đặn bắt mắt. Vào chính hội thì thăm cảnh chen lấn còn khốc liệt hơn nhiều. Ai cũng muốn mình đặt được một vài tờ tiền lẻ mệnh giá 200, 500, 1.000 đồng lên ban thờ dù những hòm công đức được bố trí ở khắp nơi, lại có bàn ghi công đức có người trực cả ngày. Nhưng bàn ghi công đức rất vắng lặng. Ở giếng cổ, tương truyền là nơi tắm cho các con của mẹ Âu Cơ, người ta cũng ném tiền lẻ xuống làm tiền vãi tứ tung, rồi các hiện tượng như nhét tiền vào kẽ chân thần linh, thánh tượng, hay các biểu tượng trang trí, ngẫu tượng... Ở chùa Mía (Sơn Tây), các tượng thánh cũng chịu chung "kiếp nạn", bị nhồi nhét tiền lẻ vào kẽ tay. (thoisuphatphap.worldpress.com)

Về mặt kinh tế, theo một thống kê, tỷ lệ trung bình của tiền lẻ được một người dùng vào dịp Tết Nguyên đán thông thường như sau: đặt lễ ở đền chùa chiếm gần 75%, dùng vào việc mừng tuổi, làm từ thiện chiếm 20%, chi trả ở siêu thị và chợ chỉ chiếm trên 5%.

Như vậy, một lượng tiền lẻ rất lớn đã không thực sự tham gia trong cơ cấu lưu thông tiêu dùng thông thường. Sự gia tăng những đồng tiền mệnh giá nhỏ không những làm tổn kém về khối lượng vật tư in ấn cho ngành ngân hàng, mà còn làm dư thừa, mất cân đối nghiêm trọng theo vùng và nhịp độ thời gian lưu thông tiền lẻ trong năm.

Vì thế, kho tiền của Ngân hàng Nhà nước Hà Nội, bên cạnh những bao tiền cũ đã quay nhiều vòng trong lưu thông có một lượng lớn là các bao tiền mới chỉ được sử dụng một lần. Vào thời gian cao điểm của mùa lễ hội, tiền lẻ về nhiều đến nỗi kho của Ngân hàng Nhà nước Hà Nội chẳng thể chứa nổi.

Ngay tại khu vực chùa Hương, vào mùa lễ hội đầu đầu cũng thấy bạt ngàn tiền lẻ. Tiềm thức cúng dường, tiền giọt dầu để cầu may, cầu phúc, cầu tài, cầu lộc

được hiện hữu bằng việc người dân rải tiền khắp mọi nơi. Từ tay Phật, tay thánh, ban thờ thậm chí là gieo luôn dưới chân mình khi không chen chân được vào trong bàn để lễ. Đến Bà Chúa Kho và nhiều đền chùa khác như chùa Bái Đính, Yên Tử, phủ Tây Hồ... đâu đâu cũng một thảm cảnh tương tự. Những đồng tiền rơi vãi đặt không đúng chỗ, không chỉ làm mất đi cảnh quan trang nghiêm nơi cửa Phật mà còn làm xấu đi hình ảnh đồng tiền vốn được coi là một thương hiệu quốc gia.

Như vậy, nhận xét của giảng viên nước ngoài nọ về thứ văn hóa cầu lợi cũng đáng cho chúng ta suy ngẫm. Phải chăng đó chính là biểu hiện của một thứ tín ngưỡng "lệch lạc" suy đồi. Ngoài ra, ta băn khoăn tự hỏi tại sao một đất nước như Campuchia có thể cấm du khách không mặc quần short, váy ngắn trên gối vào hoàng cung hay chùa chiền vì đó là phép lịch sự tối thiểu của một người có "văn hóa" (!), một sự tôn trọng đối với văn hóa và với chính tư cách cá nhân mình.

Văn hóa trên nòng súng hoa cải

Không biết từ lúc nào hay chỉ trong khoảng 10 năm trở lại đây, dù chiến tranh đã lùi xa, nhưng người ta lại có thói quen dùng súng giải quyết những bất đồng khúc mắc trong quan hệ con người. Thì ra trong tâm thức người ta chiến tranh vẫn còn đó, ý niệm lấy bạo lực làm phương tiện giải quyết mọi vấn đề đang diễn ra ngày một nhiều. Không ngày nào không có những chuyện như vào quán, nhìn nhau thấy khó ưa là "xử", va chạm giao thông, không cần đôi co, "giải quyết" luôn bằng dao, hận tình cũng thanh toán, thậm chí anh chị em trong nhà hăm hực vì hành vi lối sống của nhau cũng gài chất nổ phanh thây...

Cả đến quan hệ chính quyền-nhân dân cũng nhuốm màu bạo lực mà vụ cưỡng chế đất của dân ở Tiên Lãng (Hải Phòng) đang là đề tài "nóng" bàn tán khắp nơi khiến đích thân các quan chức cao cấp phải tham gia giải quyết. Lý do chỉ vì các bậc phụ mẫu của dân sử dụng vũ lực quá đà khiến người dân bất mãn và họ cũng không vừa khi gây sát thương cho 6 công an viên...(!).

Người ta không còn dùng lời nói, ngôn ngữ để giao tiếp, thậm chí tranh luận để tìm ra chân lý mà vội lao ngay vào vũ lực như một kế sách giải quyết nhanh gọn nhất nhưng cũng "tàn bạo" nhất dù đó là cách giải quyết hoàn toàn không "văn hóa" vì không dùng ngôn ngữ. Ta hiểu "Văn hóa là một công cụ giao tiếp quan trọng. Chức năng giao tiếp là chức năng thứ ba của văn hóa. Nếu ngôn ngữ là hình thức của giao tiếp thì văn hóa là nội dung của nó; điều đó đúng với giao tiếp giữa các cá nhân trong một dân tộc, lại càng đúng với giao tiếp giữa những người thuộc các dân tộc khác nhau và giao tiếp giữa các nền văn hóa" (Trần Ngọc Thêm, *Bản sắc văn hóa Việt Nam*).

Tình trạng bạo lực đang trở thành nỗi nhức nhối



trong lòng mọi người khi ra ngoài đường hay ở nơi công cộng như sân vận động, quán xá... Chúng ta dần quen với thuật ngữ “bạo lực học đường, bạo lực sân cỏ, bạo hành gia đình...”.

Văn hóa thủ đoạn...

Đó là một cụm từ “khiên cưỡng” vì văn hóa mang tính lịch sử với bề dày thời gian và chiều sâu tâm linh thì không thể hàm nghĩa “thủ đoạn” được.

Chúng ta tạm dùng để chỉ ra tình trạng thực giả mập mờ hiện nay ở mọi mặt. Cụ thể như xăng giả, gas giả, thuốc tây giả, phân bón giả... trù tượng như bằng cấp giả, khai báo tài sản giả, nguy hơn là niềm tin, lý tưởng giả. Thậm chí người ta còn dùng “gia đình văn hóa, làng văn hóa dù bên trong có thể chưa hội đủ chất “văn hóa”.

Tính thủ đoạn ấy đang làm hại chúng ta khi hàng xuất khẩu bị nước ngoài kiểm định gắt gao như những mặt hàng thủy sản, nông sản... bị khách hàng hoài nghi về tạp chất, trọng lượng. Tính thủ đoạn ấy đang khiến du lịch Việt Nam chứng kiến cảnh du khách trong nước đi nước ngoài còn nước ngoài thì ngần ngại đến Việt Nam theo đường du lịch vì sự gian dối của taxi, việc chèo kéo của những người bán hàng, tình trạng lên giá bất thường, vô tội vạ của các loại dịch vụ... Tỷ lệ quay trở lại rất thấp: 14% (?) .

Vì đâu và tại sao?

Chúng ta biết rằng văn hóa có tính lịch sử thể hiện ở chỗ nó bao giờ cũng hình thành trong một quá trình và được tích lũy qua nhiều thế hệ.

Tính lịch sử của văn hóa được duy trì bằng truyền thống văn hóa. Truyền thống (truyền = chuyển giao, thống = nối tiếp) là cơ chế tích lũy và truyền đạt kinh nghiệm qua

không gian và thời gian trong cộng đồng. Truyền thống văn hóa là những giá trị tương đối ổn định (những kinh nghiệm tập thể) thể hiện dưới những khuôn mẫu xã hội được tích lũy và tái tạo trong cộng đồng người qua không gian và thời gian và được cố định hóa dưới dạng ngôn ngữ, phong tục, tập quán, nghi lễ, luật pháp, đư luận... (Trần Ngọc Thêm, Sđd).

Truyền thống văn hóa tồn tại được nhờ giáo dục. Chức năng giáo dục là chức năng quan trọng thứ tư của văn hóa. Nhưng văn hóa thực hiện chức năng giáo dục không chỉ bằng những giá trị đã ổn định (truyền thống), mà còn bằng cả những giá trị đang hình thành.

Như vậy chúng ta có thể nói giáo dục hiện nay không hay chưa làm tròn sứ mệnh chuyển giao, đào tạo văn hóa, xây dựng những giá trị cốt lõi, tạo nền tảng cho việc hình thành nhân cách. Giáo dục phải làm nên sự khác biệt giữa một đứa trẻ sống trong gia đình, được đi học với một đứa bé sống trong rừng, trên hoang đảo, hay mồ côi từ nhỏ, thiếu tình thương và sự giáo dục ban đầu như ý nghĩa của từ “culture” (gieo cấy, chăm bón...).

Nếu nói bóng đá, văn chương hay lễ hội là ánh xạ của cuộc sống thì những biểu hiện của nó cũng chính là ánh xạ của văn hóa. Như vậy thì rất đáng báo động khi “gien” di truyền văn hóa dường như đang biến dạng hay đứt khúc, khi những giá trị đạo đức kế thừa đang phôi pha, thiếu liên lạc giữa các thế hệ. Có yếu tố khách quan do sự hội nhập thiếu chọn lọc, nhưng yếu tố chủ quan do giáo dục từ gia đình đến nhà trường đang... lệch hướng với dòng chảy của thời đại và dân tộc khi ta đang muốn xây dựng lại những thế hệ tim trong, óc sáng, ứng xử văn minh và biết trân trọng giá trị nhân văn muôn đời của dân tộc và nhân loại. ■

Này các Tỷ-kheo, nếu sát sinh được thực hiện, được luyện tập, được làm cho sung mãn thì sẽ đưa đến địa ngục, sẽ đưa đến bàng sinh, sẽ đưa đến cõi ngạ quỷ.

(Tăng Chi III, A.230)

Ảnh: **Đoan Trang**



Ảnh: Ngô Văn Thông

Ngôi chùa trẻ

CAO HUY HÓA

Nghe tin thầy có ý định tạo một cảnh chùa, tôi cứ nghĩ chuyện còn xa, vì đất đai là chuyện khó, nhưng không ngờ, thầy đã sớm có đất và chỉ một năm sau, ngôi chùa đã hình thành về căn bản. Cách đây khoảng nửa năm, tôi đến thăm, thấy chỉ móng của nhà bếp đang lên mấy tấc, công trình do chính thầy làm thợ nề; tôi hỏi: “Thợ đâu rồi, thưa thầy?”, thầy than: “kiếm thợ khó quá, thôi thì mình làm cũng được”.

Trong tình hình giá đất leo thang, dân cư đông đúc và nhiều nơi thôn quê đã dần dần đô thị hóa, tìm đâu cho có mảnh đất dựng chùa? Chi bằng đi ra xa thành phố, về phía núi hẻo lánh một chút, và thật may, đất như chờ đợi thầy, đâu là đất không đủ xây chùa quy mô, đâu thế đất cheo leo, nơi cao nơi thấp cách đến hàng mét. Thấy khởi sự từng bước: đầu tiên là đổ đất san mặt bằng, dựng tạm nơi ở, che chắn vật liệu xây dựng, rồi đến nhà chính mà phần lớn là điện thờ Phật,



làm sân, xây kè, dựng hàng rào... Thế mà mái chùa đã hiển hiện trên nền trời, từ xa đã nhận ra, với hoa văn trang trí như mọi chùa truyền thống khác. Phía trước chùa xa xa là núi xanh, là rừng thông và keo tai tượng, bạch đàn. Chùa ở trên cao nhìn xuống là ruộng lúa, nương rẫy, điểm tô mấy cây cau, dừa, mít. Phía trước nền thờ là thế, chằng bù lại phía sau, chùa kề cận với mái nhà dân.

Dấu sao nơi đây là chốn thanh tịnh, thuận tiện cho người tu hành tĩnh tâm, xa lánh phồn hoa mà ngày nay nhiều ngôi chùa nội thị và vùng ven đã không tránh khỏi, nhưng vẫn gần với những người dân lam lũ sống nhờ mảnh vườn, đất núi, mà sau này, chùa chắc sẽ nhận lãnh một cách tự nhiên nhiệm vụ hoằng pháp. Tiếng chuông chùa nơi thôn xóm xa xôi là đồng vọng tâm linh ngàn đời hướng về nẻo thiện.

Để cho công việc xây dựng chùa được hoàn thành mỹ mãn, thấy còn nhiều việc trước mắt, từ việc thiết kế chánh điện đến các công trình phụ trợ, từ tôn trí điện thờ, chuông trống cho đến sân chùa, cây cảnh, cổng, lối vào... Nhưng cái khó nhất đã vượt qua, rồi một ngày không xa, mọi sự đầu vào đấy trong ngày lạc thành vui tươi, hoan hỷ.

Về phần tôi, tôi cũng mong ngày đó đến, vì tôi cũng

như những Phật tử bình thường đều nghĩ rằng, một ngôi chùa xuất hiện là Chánh pháp của Đức Phật được hiển dương, là niềm hỷ lạc mang đến cho cư dân trong vùng, là đạo từ bi, trí tuệ lan tỏa xóa đi những góc tối của mê tín. Dẫu cho ngày nay, rất nhiều dư luận hoài nghi về những cảnh chùa to tượng lớn, về vẻ lộng lẫy hào nhoáng của những cơ sở thờ tự, thích hợp với những người cầu giàu sang phú quý, và đứng dưng với dân thường, nhưng tôi vẫn nghĩ dựng chùa là phước đức lớn, nếu chùa thật sự đúng nghĩa là phương tiện hoằng dương Chánh pháp, là nơi tu hành của bậc xuất gia. Hơn nữa, niềm vui của tôi là rất cá nhân, thỉnh thoảng đến thăm chùa, thăm thầy, được thưởng thức chén trà hay bát nước chè xanh, chùa không xa mà con đường đến chùa thật thú vị: từ đại lộ tấp nập người xe để phải chăm chăm cẩn thận đi đường, chuyển qua đường bê tông lên núi với tầm mắt ngút ngàn màu xanh, chỉ để ý một chút đàn bò thủng thẳng trên đường hoặc đàn gà nháo nhác khi xe đi qua.

Tôi cũng mong ngày đó qua đi để thấy cho trôi đi những chuyện tính toán đời thường: xi măng lên giá bao nhiêu, thợ sao ngày nay không đến, thợ kếp ở đâu, bao nhiêu tiền san mặt bằng, bao nhiêu mét khối gỗ, hàng rào nên làm thế nào, cổng xây ở đâu... Ai

xây nhà cũng ẽ ầm mình mẩy, nhức đầu nhức óc vì lo lắng không biết bao nhiêu thứ, thấy xây chùa cũng vậy thôi. Cũng may, thấy tự tại trước những đòi hỏi thông thường phải hoàn thành ngôi chùa cho đàng hoàng, và thấy vẫn có thể bình thản để còn tiếp tục việc học.

Thời thế đổi thay, với nền kinh tế thị trường thâm nhập vào ngõ ngách của đời sống, với các phương tiện truyền thông hiện đại và nhanh chóng, với ảnh hưởng qua lại giữa các vùng miền, với nhiều trào lưu văn hóa và tâm linh thâm nhập như sóng vào bờ, nhà chùa cũng như mọi định chế xã hội cũng đổi thay về đời sống vật chất, kể cả phương tiện hành đạo. Trong bối cảnh đó, một số chùa đã trở nên khang trang hơn, quý thấy có nhiều phương tiện hơn, đồng thời sắc thái sinh hoạt của chùa hào nhoáng đáp ứng nhu cầu tâm linh của những bốn đạo, trong đó có một số ăn nên làm ra nhanh chóng; nhưng mặt khác, một số đồng Phật tử càng ít đến chùa, xem chùa không còn thiết thân với mình. Tuy nhiên, đó chỉ là cái nhìn chưa đầy đủ, thật ra, thành phần quý Tăng Ni trẻ vừa gìn giữ tinh hoa của truyền thống thiền môn, vừa dày công học tập, trong đạo cũng như kiến thức thế học, là càng ngày càng nhiều, có thể đó là thành phần chủ đạo của đường lối hành trì đáp ứng nhu cầu hoàng pháp ngày nay.

Mỗi giai đoạn lịch sử phải có những mẫu người tương ứng, biết kế thừa giá trị tốt đẹp của giai đoạn trước và khế lý khế cơ với thời đại đang sống. Thế hệ thấy sắp sửa vào độ tuổi trung niên đang có cơ duyên để đáp ứng thời đại mới. Trước hết, thấy đã vững vàng trên con đường đạo vì đã vào chốn thiền môn từ khi hành điệu, tóc để chỏm, lại có bốn sư là bậc Hòa thượng tiếng tăm từ lâu, thấy đã trôi qua mấy mươi năm hành trì, công phu, kinh kệ, thuyết pháp, cầu an, cầu siêu,... theo thấy bốn sư chủ lễ, chứng minh không biết bao nhiêu đạo tràng, đến không biết bao nhiêu chùa và niệm Phật đường,... song song với tu hành, thấy cũng đã theo học thế học đến nơi đến chốn, lại đã xuất dương theo học Phật học, làm nghiên cứu sinh và đang giảng dạy một số học phần tại một đại học Phật giáo, thấy thông thạo tiếng Anh, chữ Hán, sử dụng thành thạo các phương tiện truyền thông và tin học. Như thế thấy có thể giảng pháp, bàn chuyện đạo chuyện đời với mọi người có độ tuổi và trình độ hiểu biết khác nhau, nhất là vị Tăng như thấy thì mọi người, đặc biệt là thanh niên, dễ tiếp cận với thấy để học đạo. Gần gũi với thấy cũng có nghĩa là gần gũi với ngôi chùa của thấy. Ngôi chùa trẻ không xa thành phố, với không gian xanh thoáng đãng khác lạ với bộ mặt đô thị, sẽ trở thành quen thuộc với tuổi trẻ, và chuyện vui chơi ban đầu nơi cảnh chùa sẽ là cái duyên đến với đạo Phật.

Thật ra, chuyện đó không phải là mới mẻ. Đáng mừng là nhiều chùa đã có những sinh hoạt tươi vui, bổ ích, hấp dẫn tuổi trẻ như tổ chức các khóa tu ngắn ngày, trại hè, câu lạc bộ, sinh hoạt văn hóa, từ thiện,

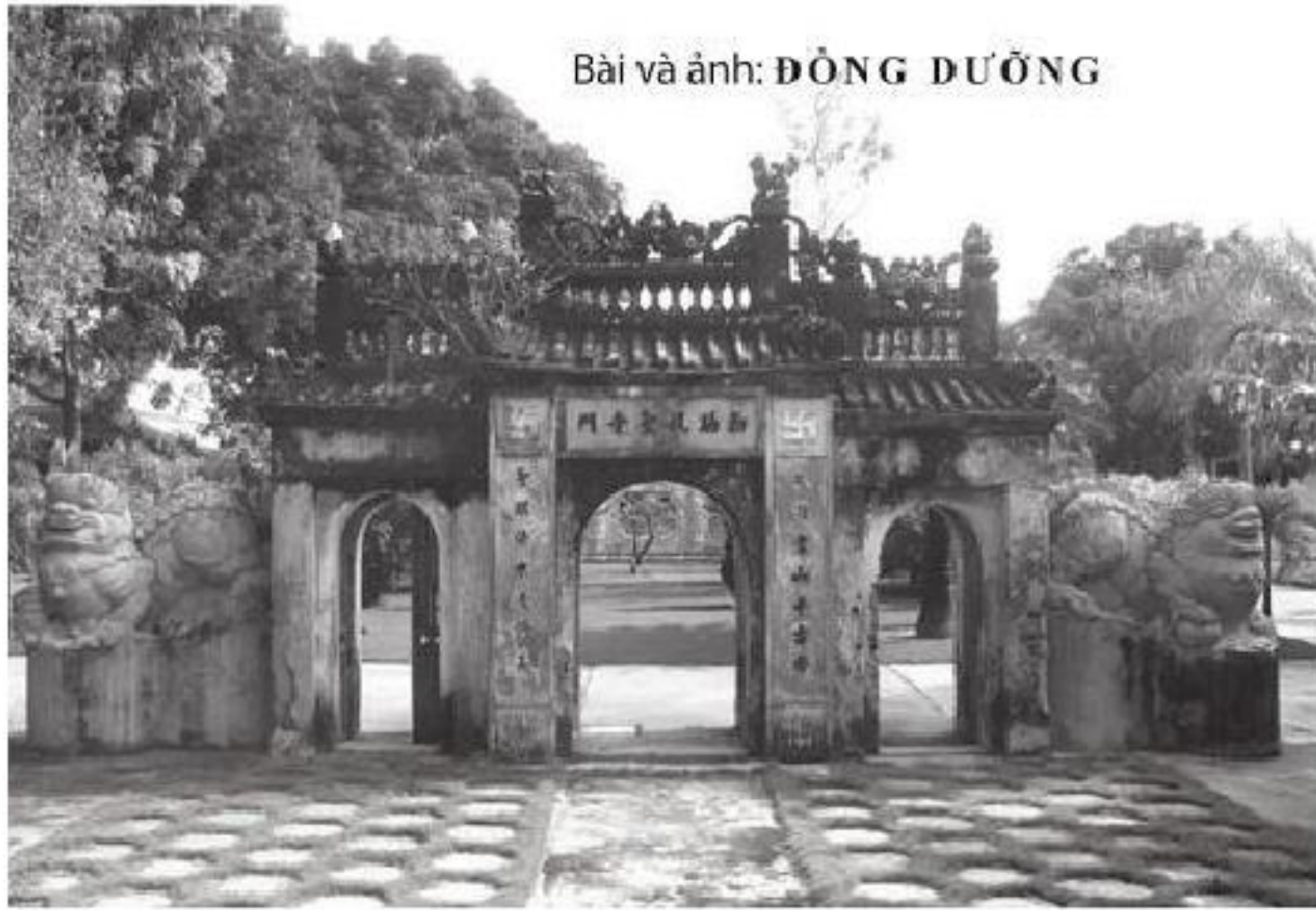
những lớp dạy tiếng Anh, vi tính... Lại có nhiều chùa tổ chức lễ hằng thuận, đây là dịp để đôi bạn trẻ nguyện trước Phật và trước thấy cô chủ lễ sống hạnh phúc trong niềm kính tín Tam bảo. Không hẳn chỉ là những sinh hoạt bề ngoài, tuổi trẻ cần giáo lý, cần sống đạo trong môi trường thích hợp với lứa tuổi, chứ phần đông thanh niên và cả trung niên không gia nhập các khóa tu như hội viên khuôn hội. Bài của tác giả Trần Kiêm Đoàn: *"Thiền... giữa đường"* trên giai phẩm Giác Ngộ Xuân Nhâm Thìn (2012) cho tôi ấn tượng sâu sắc về ảnh hưởng của đạo Phật lên đời sống người con gái của tác giả đang ở Mỹ, *"đạo này thích ăn chay và thường tu học thiền tịnh với các nhà sư Tây Tạng sau giờ làm việc hơn cả năm nay rồi"*. Tác giả thuật lại, trong dòng xe cộ hối hả trên xa lộ, mưa gió tơi bời, lại thêm nỗi bồn chồn của những người thân ngồi trên xe đang lo trẻ giờ dự lễ cưới (chính cô cũng có tham gia tổ chức tiệc cưới đó), cô vẫn điềm tĩnh, tự tại lái xe, trấn an mọi người; thái độ đó là một bài học hay cho biết bao thanh thiếu niên phóng nhanh, vượt ẩu, coi thường luật giao thông ở các đô thị lớn.

Hiện nay, con người đang có chiều hướng mất niềm tin vào các giá trị đạo đức cao đẹp, trong đó có niềm tin tôn giáo. Không những thành phần trẻ, mà rất nhiều người không mấy thiết tha về chốn thiền môn. Tuy nhiên, phần lớn đó là do suy giảm niềm tin gửi gắm nơi con người, nơi hiện tượng, hoặc do cơ duyên chưa đến, chứ những giá trị của đạo Phật và ánh sáng rạng ngời của Đức Phật thì không ai chối từ. Vấn đề là xiển dương đạo pháp một cách thuyết phục trong thời đại giàu có về tri thức nhưng đầy cám dỗ vật chất, và những người có đạo tâm tin tưởng ở quý Tăng Ni giàu sức trẻ có thể vực dậy niềm tin của xã hội.

Trước mắt tôi, chùa xa lánh chốn phồn hoa chứ không phải lánh đời. Chùa mới còn thơm mùi đất mới, vườn chùa đang cải tạo để bớt hoang dại và trồng một vài cây quen thuộc, đặt vào một số chậu cây cảnh. May thay những cây chè Huế vẫn còn đó, tuy có chỗ phải bị chặt bớt, hoặc vô tình đất vùi dập hay bàn chân dẫm nát. Ôi, cây chè đi vào bát nước chè xanh nuôi dưỡng cuộc đời mình từ thuở nhỏ để bây giờ tôi vẫn xem là thức uống ngon nhất, đã khát nhất. Cây chè đó vẫn cứ sống mãi với vườn chùa Huế, nhất là chùa vùng núi. Lá chè cho thức uống, hoa chè lại thơm và có vẻ đẹp dung dị với cánh trắng nhị vàng. Hương chè như phảng phất hương đạo. Biết rằng thế nào thấy cũng phải bỏ bớt một số cây chè, tôi ngó ý xin thấy một gốc đem về trồng trong chậu để thưởng thức chơi, lạ lạ nơi phố phường, nhưng các đạo hữu can: không được mô! Cây chè không sống nổi mô! Cây chè phục vụ cho đại chúng, ai ai cũng thưởng thức được bát chè xanh, nhưng cây chè có chỗ đứng riêng, rễ bám sâu vào lòng đất, đầu là đất sỏi đá của núi đồi, chứ không thích hợp với chốn thị thành. ■

Giới thiệu vài nét về văn bia chùa Chúc Thánh

Bài và ảnh: ĐỒNG DƯƠNG



Chùa Chúc Thánh tọa lạc phường Tân An, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam, do Thiền sư Minh Hải Pháp Bảo (1670-1746) khai sơn khoảng niên hiệu Vĩnh Thịnh (1705-1719) đời Lê, tức khoảng đầu thế kỷ XVIII. Từ đó đến nay, chùa đã trải qua mười mấy đời trụ trì, tiêu biểu là các Tổ Thiết Diệu Chánh Hiển, Toàn Đăng Bảo Nguyên, Toàn Nhâm Quán Thông, Ấn Bính Phổ Bảo, Chơn Chứng Thiện Quả. Các vị Tổ sư kế đăng đã xây dựng, trùng tu, mở rộng chùa trở thành một ngôi danh lam nổi tiếng xứ Quảng.

Hiện nay, chùa Chúc Thánh còn lưu trữ khá nhiều tư liệu Hán Nôm như hoành phi, câu đối, ván khắc, văn bia, kinh điển... Những tư liệu đó giúp ích nhiều cho các nhà nghiên cứu trong công việc tìm hiểu ngôi chùa cũng như dòng thiền Lâm Tế Chúc Thánh. Trong bài viết này, chúng tôi xin giới thiệu vài nét về một số tấm bia được gắn vào thành chùa. Theo thống kê của chúng tôi, chùa có 10 văn bia, không tính bia tháp các thiền sư được làm giống dạng bia mộ, ít có giá trị bằng bi văn¹.

Văn bia ở đây chủ yếu là bia công đức trong các đợt trùng tu chùa, chỉ có một tấm văn bia của ngài Phổ Bảo ghi chép truyện cao tăng. Các bia được làm bằng đá trắng Non Nước, không có trang trí hoa văn, kích thước khá lớn, gắn trên thân tường. Bia ít thấy đề tên, chỉ có hai bia có tên là *Triều Âm phổ bi văn* và *Trí tự hà môn tiên linh minh bi*². Bia không tên, chúng tôi y cứ nội dung, cũng như một vài chữ đầu để đặt tên nhằm dễ phân biệt. Bia ở đây ra đời muộn từ niên hiệu Duy Tân, Khải Định. Xin sơ lược từng bia.

1. Trùng tu Chúc Thánh tự bi: lập năm Duy Tân Ất Mão (1915) do sư Thiện Quả dựng. Bia có ghi lại một số lần trùng tu chùa dưới sự chủ trì của các vị thiền sư, chiếm 6 dòng. Sau đó là danh sách chư sơn cúng dường trùng tu chùa.

2. Liên Hoa phổ bi: Bia do phổ Liên Hoa lập năm Khải Định thứ 4 (1919), thuộc loại bia công đức, ghi chép danh sách các phổ viên ủng hộ tiền của. Trong đó, có cung thỉnh một số cao tăng đương thời chứng minh.

3. Triều Âm phổ bi văn: Bia do Phổ Triều Âm lập năm Tân Dậu Trung Hoa Dân Quốc thứ 10 (1921). Bia ghi chép danh sách phổ viên và có nghị định một số điều.

4. Trí tự Hà môn tiên linh minh bi. Bia do con cháu họ Hà lập năm Tân Sửu, dưới sự chứng minh của Hòa thượng Thiện Quả. Đây là văn bia ký kỷ nên có ghi danh sách cúng ruộng đất, tiền của để lo việc cúng giỗ cho tiên linh tại chùa.

5. Công đức bi I: Bia ghi danh sách công đức trùng tu chùa Chúc Thánh. Bia chép các vị thiền sư rồi đến viên chức.

6. Công đức bi II: Bia ghi danh sách công đức các tín chủ tiền cúng, có thể nối tiếp bia trên.

7. Công đức bi III: bia không đề năm do thí sinh Trần Đình xã Minh Hương viết chữ.

8. Công đức bi IV: bia ghi danh sách công đức cúng tiền trùng tu chùa, lập năm Kỷ Tỵ (1929).

9. Khải Định lục niên bi: bia do Tăng cang Thiện Quả lập vào năm Khải Định thứ 6 (1921). Bia ghi chép tín chủ cúng ruộng, tiền để lo thờ phụng tổ tiên tại chùa.

10. Bia tháp Thiền sư Phổ Bảo: Bia ghi chép sơ lược hành trạng Thiền sư Phổ Bảo (1865 – 1914), được gắn phía sau tháp Tổ. Bia do Hồ Doanh Thăng pháp danh Chơn Cẩn soạn và lập năm Giáp Dần niên hiệu Duy Tân thứ 8 (1914).

Về nội dung, trước hết văn bia ghi chép quá trình khai sáng cho đến trùng tu. Ở đây, chỉ thấy một tấm bia *Trùng tu Chúc Thánh tự bi* ghi rõ:

祝聖寺其南州諸山均稱祖庭焉。追昔明朝景泰甲子年福建省泉州府同安縣明海和尚祖師振錫南來營成本寺。五尊七派永久以流芳。花甲幾經相傳而歷世。遞於紹治乙巳嗣德己丑號貫通和尚平定省人幾番修補功德不可思議。成泰壬辰號廣圓住持維川縣人再整規模堂宇依然增壯。成泰甲午年正寺號證道維川縣人副寺廣達維川縣人同居整焉。嗣而維新辛亥號普寶住持

Tạm dịch: Chùa Chúc Thánh được chư sơn ở Nam châu tôn xưng là tổ đình. Xưa do Tổ sư Minh Hải người huyện Đồng An phủ Tuyên Châu tỉnh Phúc Kiến chống

gây đến đây xây dựng vào năm Giáp Tý thuộc niên hiệu Cảnh Thái triều Minh. Năm tổng bảy phái mãi mãi lưu truyền, truyền trao cho nhau nhiều đời. Đến năm Thiệu Trị Ất Ty, Tự Đức Kỷ Sửu hòa thượng hiệu Quán Thông người tỉnh Bình Định mấy phen tu bổ, công đức không thể nghĩ lường. Năm Thành Thái Nhâm Thìn, trụ trì hiệu Quảng Viên người huyện Duy Xuyên lại chỉnh đốn qui mô, nhà cửa trang nghiêm. Năm Thành Thái Giáp Ngọ chính tự hiệu Chứng Đạo, phó tự Quảng Đạt người cùng huyện Duy Xuyên cùng ở chỉnh chu. Kế thừa mà đến năm Duy Tân Tân Hợi trụ trì hiệu Phổ Bảo...

Văn bia cho biết chùa do Tổ Minh Hải lập năm Giáp Tý niên hiệu Cảnh Thái triều Minh, khá giống với cây xà cò mà trước được đặt trên nóc chùa³. Minh văn trên cây xà cò xác định rõ năm Cảnh Thái ngũ niên tức Cảnh Thái thứ 5. Tra vào niên biểu Trung Quốc, niên hiệu Cảnh Thái nhà Minh kéo dài từ 1450 đến 1457, như thế năm Cảnh Thái thứ 5 phải là năm 1454. Năm 1454 không phải là năm Giáp Tý, mà là năm Giáp Tuất. Niên hiệu Cảnh Thái không có năm tương ứng với năm Giáp Tý. Do đó, ghi chép và cách tính có thể nhầm? Chỉ khi xác định được niên đại Thiền sư Minh Hải thì may ra có thể biết rõ. Theo một bài nghiên cứu mới đây, Thiền sư Minh Hải sinh năm 1670, viên tịch năm 1746⁴. Bia ghi chép khá nhầm, chưa phản ánh đúng niên đại thiền sư nên về năm khai sơn chùa Chúc Thánh khó xác định được.

Theo bản in *Sa Di luật nghi yếu lược tăng chú* do sư Minh Hải tự Đắc Trí chùa Chúc Thánh khắc in năm Vĩnh Khánh thứ 4 (1732) thì biết chùa Chúc Thánh đã được lập trước đó rồi. Tờ kê khai của sư Lê Văn Thế, trụ trì chùa Phước Lâm vào năm Khải Định thứ 8 cho biết Thiền sư Ân Triêm lúc 9 tuổi được cha mẹ đưa xuống học đạo tại chùa Chúc Thánh. Thiền sư Ân Triêm sinh năm Nhâm Thìn (1712) suy ra năm sư được 9 tuổi phải là năm 1720. Như thế, chùa Chúc Thánh phải lập trước năm 1720. Như thế, niên đại lập chùa có thể xảy ra trong niên hiệu Chính Hòa, Vĩnh Thịnh nhà Lê. Bia cho biết đến đời tổ Quán Thông, Chứng Đạo có trùng tu nhiều lần.

Trong 10 văn bia, chúng ta biết có hai văn bia do hai phổ Liên Hoa và Triều Âm lập. Loại Phổ này ra đời trên cơ sở có chung tín ngưỡng, tức thờ tự một vị thánh, thần hoặc Phật, Bồ-tát. Tại các chùa thuộc Hội An có lập các phổ để sinh hoạt. Các phổ này tương trợ lẫn nhau, chủ yếu là đến các lễ vía thì góp tiền lại lo cúng lễ. Phổ Triều Âm có được 18 hội viên ít hơn Phổ Liên Hoa. Phổ Triều Âm tôn thờ Bồ-tát Quan Âm và phổ Liên Hoa có thể thờ Đức Phật Di-đà nên đến ngày vía hai vị này, toàn phổ lo việc cúng lễ khá chu tất. Nhờ sinh hoạt các Phổ mà tổ đình có được nhiều bổng đạo, nhiều vị bỏ tiền mua đất hương hỏa cho chùa. Trong các đợt trùng tu, các Phổ ủng hộ khá mạnh, giúp cho các vị trụ trì có tiền chi phí công việc.

Bia chùa còn phản ánh các gia đình gởi linh ký kị vào chùa, tiêu biểu là Trí tự Hà môn tiên linh minh bi. Văn bia ghi rõ duyên khởi, quá trình cúng đất ruộng, tiền của để nhà chùa lo việc cúng giỗ hằng năm. Theo văn

bia, đó là đạo hiếu của con cháu muốn đền đáp công ơn sinh thành của ông bà tổ tiên.

Bia còn chép danh sách các vị cúng tiền giúp chùa trùng tu. Có một số tấm ghi chép có thứ lớp, từ các vị cao tăng đến những vị sư ở các chùa, rồi mới đến quan viên, tín chủ, Phật tử. Danh sách này giúp chúng ta có cái nhìn khá toàn diện về quá trình giao lưu, bố giáo của các vị trụ trì bốn tự mới được mọi người xuất tiền của lo trùng tu.

Một văn bia khá hay ghi chép về hành trạng Thiền sư Phổ Bảo (1865-1914), một vị trụ trì đã có công xây dựng và để lại vị pháp tử kế nhiệm ngài. Văn bia cho biết sư sinh năm Ất Sửu niên hiệu Tự Đức (1865). Vào tiết Trung nguyên năm Kỷ Mão (1879), ngài xin xuất gia tại chùa Tam Thai với Hòa thượng Mật Hạnh. Năm Giáp Thân (1884) niên hiệu Kiến Phước, ngài được ban pháp tự là Tổ Thuận. Năm Kỷ Sửu (1889) niên hiệu Thành Thái, Hòa thượng Qui Trú chùa Thiên Tôn Phú Yên khai giới đàn, Ngài thọ tam đàn cụ túc giới. Năm Quý Tị niên hiệu Thành Thái thứ 5 (1893), Ngài được Hòa thượng Vĩnh Gia chùa Phước Lâm phó chúc, cho Pháp hiệu là Phổ Bảo đại sư. Năm Tân Sửu niên hiệu Thành Thái thứ 13 (1901), Ngài được chư sơn cùng cử chức vị trụ trì chùa Chúc Thánh. Năm Tân Hợi thuộc niên hiệu Duy Tân thứ 5 (1911), Ngài đứng ra trùng tu chùa khang trang. Ngài thị tịch vào giờ chính Ngọ ngày 11 tháng 2 năm Duy Tân thứ 8 (1914)⁵.

Tóm lại, qua khảo sát văn bia chùa Chúc Thánh, chúng ta đã từng bước bóc tách một số nội dung khá hay. Tuy văn bia ra đời muộn nhưng cũng cung cấp cho chúng ta cái nhìn toàn diện về ngôi chùa qua các thời kỳ xây dựng. Đây là những tư liệu Hán Nôm đáng trân trọng cần được triển khai tìm hiểu, giúp ích cho công việc nghiên cứu lịch sử Phật giáo tại Quảng Nam và dòng thiền Lâm Tế Chúc Thánh.



Chú thích:

1. Văn bia tháp có bia tháp Tổ Minh Hải, Thiệt Diệu, Đại Đồng Siêu Căn, Kim Liên... là có giá trị trong việc tìm hiểu các văn bia thời các chúa Nguyễn.
2. Bia lập năm Tân Sửu (1901)
3. Lời văn ghi: "Minh triều Cảnh Thái ngũ niên, tuế thứ Giáp Tý, Phúc Kiến tỉnh, Tuyên Châu phủ, Đồng An huyện Minh Hải hòa thượng Lương tổ sư thủy tạo".
4. Thích Như Tịnh, *Bổ chính sử liệu về thiền sư Minh Hải Pháp Bảo* trong *Suối Nguồn*, số 2, năm 2011.
5. Chúng tôi sẽ công bố bản dịch văn bia này trong một bài khác. ■



Tản mạn văn hóa đọc

HUỲNH KIM BỬU

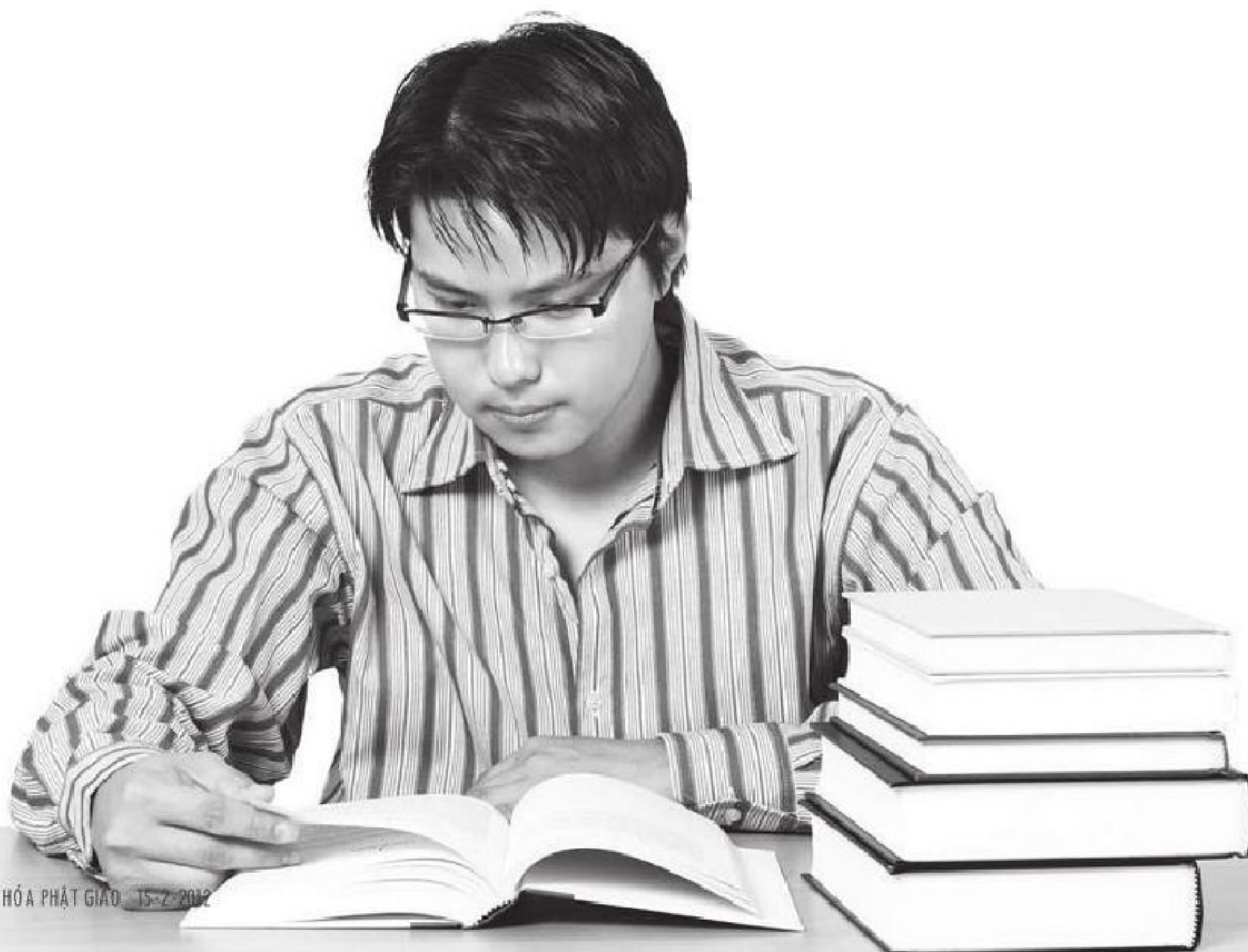
“Thư trung hữu nữ nhân như ngọc”

Văn hóa đọc đang là câu chuyện thời sự được nhiều người quan tâm, có không ít người đã liên hệ chuyện đọc sách của các cụ thời xưa với cái văn hóa đọc thời nay để biết xưa sao, nay thế nào mà buồn vui mà trần trở cùng người.

Ở quê tôi hồi xưa, không ít bà nội trợ mỗi lần đi chợ mua sắm, thường không quên ghé lại hàng cùm, chọn mua vài cuốn sách bỏ trong rổ đi chợ đem về. Khi mua sách, các bà không khỏi thăm bảo: “Bắt con cháu

đọc nghe chơi”. Tại sao, các bà không tự đọc sách mà bắt con cháu đọc cho nghe? – Đó là do họ sống trong thời dân ta tới hơn 90% dân số bị nạn mù chữ, mười bà mua sách kia, tới hơn 9 bà không hề biết đọc.

Những sách các bà (cũng có khi các ông) đi chợ mua về, thường là các tiểu thuyết Trung Quốc (*Tam quốc chí, Thủy hử, Thuyết Đường, Tây du ký...*) viết theo lối chương hồi, rồi truyện thơ Việt Nam (*Lục Vân Tiên, Kim - Vân - Kiều truyện...*), truyện dân gian Việt Nam diễn bằng văn vần (*Thoại Khanh - Châu Tuấn, Chàng Nhái - Kiếng Tiên, Mực Kiến Liên...*) Còn phải kể thêm, họ cũng thích đọc những



tiểu thuyết Việt Nam viết những chuyện diễm tình mà duyên nợ éo le, không thành, khiến ai đọc cũng động mỗi thương tâm, như: *Giọt máu chung tình* (tác giả Tân Văn Tử), *Tổ Tâm* (Song An Hoàng Ngọc Phách), *Bến dòng sông Trẹm* (Dương Hà)... Những sách trên đều do nhà Tín Đức Thư Xã, trong Chợ Lớn – Sài Gòn in, theo công nghệ hồi đó, không đẹp, bán với giá vài hào một tập mỏng. Còn những cuốn sách giáo khoa như *Việt Nam giáo khoa thư*, do nhóm ông Trần Trọng Kim biên soạn, *Đại Nam quốc sử diễn ca* của ông Phạm Đình Toái thì con cháu học tới đâu, ông bà, cha mẹ (nghe) theo tới đó, lấy làm thích thú và cũng mau thuộc bài.

Nhờ đọc sách theo kiểu đó mà dân ta (có tới hơn 90% dân số không được đến trường – như đã nói ở trên) có kiến thức, vốn liếng hiểu biết, đào luyện được tâm hồn, bồi dưỡng nên tình cảm. Ca dao, tục ngữ, truyện cổ dân gian là túi khôn muôn đời của họ. Sách lịch sử, sách văn học làm cho họ biết sử Tàu, sử ta, yêu thêm cuộc sống, biết những giá trị Chân – Thiện – Mỹ ở đời mà theo đuổi. Thế là trong họ, không thể thiếu cuốn sách. Hồi xưa, vào trong làng, khách thường nghe tiếng đọc sách. Người ta bảo ban nhau, nhà không có tiếng đọc sách là nhà tầm thường. Nhà có con cái đi học, cha mẹ vẫn nhắc nhở “đèn sách”, cuốn sách vẫn đêm đêm mở trước ngọn đèn dầu nửa tỏ nửa mờ, cho nên mở đầu *Lục Vân Tiên*, cụ Nguyễn Đình Chiểu mới viết: “*Trước đèn xem truyện Tây Minh*”. Người ta tin ở sách đến nỗi trò chuyện với nhau, cũng đòi “*nói có sách, mách có chứng*”, ghét thói ăn nói “*vô sư vô sách*”, khen người chăm đọc sách: “*Chu Mãi Thần vai gánh củi, miệng hằng đọc sách*”. Thật là tuyệt vời, khi người ta còn để cho trái tim rung cảm trước vẻ đẹp liên quan với sách: “*Sáng trăng trái chiếu hai hàng – Bên anh đọc sách bên nàng quay tơ*” (Ca dao). Và cũng thật tuyệt vời, khi ở trong các làng quê, ta gặp những cụ già ngồi đọc thuộc lòng từ đầu đến cuối *Lục Vân Tiên*, *Kim - Vân - Kiều* truyện (tên sách các cụ thường gọi thay cho tên *Truyện Kiều*)... Thử hỏi cử nhân, tiến sĩ giấy thời nay, ai chịu nổi?

Trên đây, nói chuyện người bình dân với sách. Còn sĩ tử, nhà Nho đối với sách như thế nào? Các cụ nhà Nho bảo “*Độc thư cao*” (đọc sách là thú thanh cao, cái thú của người thanh tao, cao nhã) hô hào “*tích thư*” (chứa sách), chăm chú, siêng năng đọc sách để tìm trong sách *vàng và lúa*, tìm trong sách người con gái nhan sắc ngọc ngà (*Thư trung hữu kim túc, thư trung hữu nữ nhan như ngọc*.) Nói tiếp giới nhà Nho cụ học là giới trí thức tân học. Giới này có nhiều người cho thấy rõ sự thành đạt, nổi tiếng là nhờ tự học, nhờ đọc sách, chứ không phải nhờ bằng cấp, khoa bảng, do các nhà trường cấp. Họ thực là một tấm gương sáng về đọc sách, tự học và nghiên cứu. Đó là nhà văn Nguyễn Hiến Lê với sự nghiệp trước tác đồ sộ, nhà báo, nhà văn Phạm Quỳnh khi ông là chủ bút tạp chí *Nam Phong*; còn nhiều vị, nhà trí thức tầm cỡ khác nữa. Một thời, người ta vẫn nhắc tới những thư viện Nguyễn Hiến Lê, Phạm Quỳnh, Phạm Liệu, Vương Hồng Sển, Đông Hồ (với Diễm Diễm thư

trang), Quách Tấn, Lê Ngọc Trụ... Và thành tích “*tích thư*” của những thư viện đó. Giới ham đọc sách, giới trí thức Việt Nam đã tiếp nhận câu nói vừa hóm hỉnh vừa nghiêm túc của một nhân vật người Trung Hoa thời nhà Minh là Đông Lỗ Cổ cuồng sinh, được các nhà trí thức Trung Hoa thời cải cách như Lương Khải Siêu và Lâm Ngữ Đường lập lại từ đầu thế kỷ trước về vấn đề đọc sách rằng: “*Người trí thức ba ngày không đọc sách, nhìn vào gương thấy mặt mũi khó coi mà ăn nói cũng nhạt nhẽo, khó nghe*” để tự nhủ mình, không bao giờ dám xao nhãng việc đọc sách.

Xưa, văn hóa đọc vui thế. Nay, văn hóa đọc sút giảm như thế nào và tại sao?

Việc sút giảm, ai cũng biết, vì báo chí đã báo động. Xin kể vài mẩu chuyện như để minh họa: Tôi có ba anh bạn viết văn. Anh thứ nhất, xuất bản cuốn tiểu thuyết thứ 10 của mình, tặng một tập cho anh bạn thân là người có bằng kỹ sư. Mấy tháng sau, hai người gặp nhau:

- Sách ông tặng, tôi mới đọc được 6 chữ: Tên tác giả và tên sách in trên trang bìa cứng, ông kỹ sư nói.

- Cảm ơn, vậy là ông còn siêng đọc hơn người nhiều người bạn khác của tôi, nhà văn nói.

Anh thứ hai tặng anh bạn thân là giáo viên văn một trường cấp ba tập tiểu thuyết thứ tư của mình. Một tháng sau, nhà văn gọi điện, hỏi: “Ông đã đọc sách tôi tặng chưa? Được trả lời: “*Mình đọc năm trang, rồi bạn quá, bỏ luôn*”. Anh thứ ba, (tác giả 1 tập truyện ngắn, 1 tiểu thuyết). Trong một cuộc trà dư tửu hậu, tôi hỏi, ông thấy thế nào về thơ văn hiện nay? Nhà văn trả lời: “*Văn, được vài tập truyện ngắn, còn thơ thì dài, vì nhà thơ cách tân quá, mình đọc không hiểu*!”.

Tôi có gặp một bài báo, tác giả tổng hợp những số liệu về tình hình đọc sách trên thế giới. Ở Nhật, tờ *Yomiuri Shimbun* (tờ báo có số lượng phát hành lớn nhất ở Nhật) mở một cuộc điều tra. Hỏi 1.869 người về đọc sách trong tháng, được kết quả như sau: 1/2 nói quá bận, 18% nói không quan tâm. Ở Hồng Kông, nơi có nhiều loại hình giải trí, đặc biệt là karaoke, điện ảnh... Kết quả trả lời, lặp lại như ở Nhật. Thái Lan 55,3 triệu dân biết đọc, nhưng chỉ có 61% thường đọc mà 2/3 trong số đó đọc báo, số còn lại, 1/2 đọc tiểu thuyết và truyện tranh.

Bây giờ văn hóa đọc xuống cấp toàn cầu, chứ không riêng gì ta! Nhưng dù sao, đọc sách cũng là một nét văn hóa, lại là cấp cao, cho nên ta phải tìm cách chặn đứng đà xuống cấp và phát triển nó chứ? Giải pháp gì, thật khó. Người đọc sách ít mà ai có đến với sách thì cũng mua sách đẹp về chưng, còn đọc thì đọc trên mạng, theo lối lướt web. Vậy thì đề nghị, ngày nay ta cứ như hồi xưa, in sách cầu tiện lợi (theo kiểu những mặt hàng tiện lợi khá phổ thông thời nay), bán với giá rẻ, để cho người ta dễ mua, bỏ túi, tranh thủ lúc rảnh đọc, chứ đừng bài bản quá. Dù sao, sách cũng phải là sách hay. Nhớ hồi xưa mà thêm, cuốn sách người ta đọc tới nhàu nát, phải hô “*giấy rách giữ lấy lề*”, còn bây giờ sách cứ dày cộp, bìa cứng, mười năm còn mới tinh trong tủ. ■

“Tâm không động, không sầu”

MỸ HUỆ

Trong phần trả lời cho một vị chư thiên đến hỏi làm thế nào người tại gia cư sĩ có thể thành tựu hạnh phúc lớn nhất (*mahāmangala*), như hết thảy mọi người đều mong ước, Đức Phật đã nói đến một loạt những phận sự đạo đức và việc làm hiền thiện, có khả năng mang lại những cảm nghiệm hạnh phúc cho người thực hành; đặc biệt trong đó có câu nói phản ánh kết quả lợi lạc to lớn của việc tu tập lời Phật dạy. Đó là đạt được tâm thanh thản an lạc trong đời sống hàng ngày, nhờ công phu hành thiền, điều phục và chuyển hóa nội tâm, thấy rõ các pháp đúng như thật (*yathābhūtam passati*). Nguyên văn lời Phật:

*Khi xúc chạm việc đời,
Tâm không động, không sầu,
Không uể nhiên, an ổn,
Là điểm lành tối thượng¹.*

Bài kệ phác họa một hình thái hạnh phúc tâm linh sống động mà Đức Phật mong muốn người cư sĩ nỗ lực thực nghiệm. Một cách cơ bản, có hai hình thái hạnh phúc được nói đến trong đạo Phật, tương ứng với hai lối sống, tại gia và xuất gia: hạnh phúc vật chất và hạnh phúc tâm linh hay còn gọi là hạnh phúc thế gian và hạnh phúc xuất thế. Người tại gia cư sĩ sống đời sống gia đình, quan hệ mật thiết với xã hội nên mục tiêu đời sống của họ gắn liền với việc tạo dựng của cải vật chất và tìm kiếm hạnh phúc thông qua việc sử dụng và thụ hưởng các tiện ích vật chất thế gian. Người xuất gia khước từ đời sống gia đình, dành trọn thời gian cho việc tu học đạo lý giác ngộ, do đó đời sống và hạnh phúc của họ gắn liền với sự phát triển giới đức và thực nghiệm tâm linh. So với hạnh phúc vật chất, đạo Phật đánh giá cao hạnh phúc tâm linh, xem đó là mục tiêu cao cả mà mọi người học Phật cần nỗ lực hướng đến, dù là xuất gia hay tại gia. Chính vì thế mà dù bận rộn với trách vụ của người gia chủ, những người cư sĩ cũng được khuyến khích xây

dựng và thực nghiệm cho được hạnh phúc tâm linh. Đức Phật từng khuyến nhắc đại thí chủ Anāthapindika:

“Này Gia chủ, Ông đã cung cấp cho chúng Tỷ-kheo các vật dụng cần thiết như y, đồ ăn khát thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh. Nhưng Ông chớ có bằng lòng với ý nghĩ: ‘Chúng ta đã cung cấp cho chúng Tỷ-kheo các vật dụng cần thiết như y, đồ ăn khát thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh’. Do vậy, này Gia chủ, Ông cần phải học tập như sau: ‘Với phương tiện nào chúng ta thành thoả đạt được và an trú hỷ do viễn ly sanh’. Như vậy, này Gia chủ, Ông cần phải học tập².”

Lời khuyến nhắc của Đức Phật cho đại thương gia giàu có Anāthapindika không gì khác là lời khuyên tu thiền hay hành thiền. Câu nói “an trú hỷ do viễn ly sanh” tức chỉ cho việc tu thiền và thực nghiệm hạnh phúc tâm linh do công phu hành thiền. Vì hành thiền tức là ly dục, ly các bất thiện pháp, an trú tâm trên một đối tượng, khiến tâm được định tĩnh, nhất tâm, không vọng động và hoàn toàn thức tỉnh về pháp hiện tại, không truy tìm quá khứ, không ước vọng tương lai. Chính trong trạng thái của tâm thức như vậy, hành giả cảm nghiệm hỷ lạc do ly dục sinh hay do định sinh, nội tâm tịch tịnh, hoàn toàn vắng bật các pháp bất thiện như tham, sân, hôn trầm thụy miên, trạo hối, nghi, vắng bật các ý tưởng liên hệ đến thế gian, tâm tư trở nên trong sáng, thanh tịnh, không còn bị bóng dáng tham-sân-si che mờ; do đó cũng được gọi là sống viễn ly. Nói cách khác, nhờ hành thiền, hành giả đạt được “hiện tại lạc trú” do tâm chuyên chú và thức tỉnh về pháp hiện tại, xa lìa tham-sân-si, viễn ly hoàn toàn mọi ngã tưởng biểu lộ dưới hình thức các ký ức, các vọng tưởng hay các tạp niệm. Đây là trạng thái của tâm giải thoát ở trong thiền định. Đức Phật xác nhận kết quả lợi lạc của tâm thức trong lúc hành thiền:

“Này Sāriputta, trong khi Thánh đệ tử đạt được và an trú hỷ do viễn ly sanh, trong thời gian ấy năm sự kiện không xảy ra cho người ấy: Khổ và ưu liên hệ đến dục trong thời gian ấy không xảy ra cho người ấy. Lạc và hỷ liên hệ đến dục trong thời gian ấy không xảy ra cho

người ấy. Khổ và ưu liên hệ đến bất thiện trong thời gian ấy không xảy ra cho người ấy. Lạc và hỷ liên hệ đến bất thiện trong thời gian ấy không xảy ra cho người ấy. Khổ và ưu liên hệ đến thiện trong thời gian ấy không xảy ra cho người ấy. Nay Sàriputta, trong khi vị Thánh đệ tử đạt được và an trú hỷ do viễn ly sanh, trong thời gian ấy năm sự kiện này không xảy ra cho người ấy³.

Cái tâm mà thoát khỏi khổ và ưu hay lạc và hỷ liên hệ đến dục, liên hệ đến bất thiện, thoát khỏi khổ và ưu liên hệ đến thiện tức là cái tâm thanh thân, an lạc, giải thoát, an nhiên tự tại, không vọng động, không còn bị dẫn dắt bởi khổ và ưu, không còn bị mê hoặc bởi lạc và hỷ. Đó chính là tâm giải thoát, cái tâm không động, không sầu, không uế nhiễm, an ổn, được nói đến trong bài kệ. Cái tâm ấy được nuôi dưỡng và luyện tập lâu ngày thì thành ra thuần thực và mạnh mẽ; dù ở trong thiền định hay ở bình diện xuất xứ hàng ngày, nó vẫn duy trì được năng lực thức tỉnh, trong sáng, vẫn giữ được bản chất an nhiên tự tại của nó.

Như vậy, “tâm không động, không sầu” chính là kết quả của công phu hành thiền hay chuyển hóa nội tâm ngang qua thiền định. Nó được xem là một hình thái hạnh phúc và an lạc lớn mà Đức Phật khuyến người cư sĩ cần nỗ lực hướng đến, ngoài các hạnh phúc khác của đời sống gia đình mà vị ấy có thể thừa hưởng nhờ kết quả của lối sống đạo đức hiền thiện thông qua việc thực thi chánh ngữ (*sammā-vācā*), chánh nghiệp (*sammā-kammanta*) và chánh mạng (*sammā-ājīva*). Đó là một tâm thức được huấn luyện thuần thực thông qua việc phát triển chánh tinh tấn (*sammā-vāyāma*), chánh niệm (*sammā-sati*) và chánh định (*sammā-samādhi*); đã đạt đến định tĩnh, trong sáng, thanh tịnh, không vọng động, không có tham-sân-si, khỏe mạnh, không bệnh tật, không thuận ứng nghịch ứng, giải thoát, an nhiên tự tại, “vô sở trụ”. Nó là hệ quả của nhận thức về thực tại duyên sinh, vô thường, khổ, vô ngã của hết thảy mọi sự vật và hiện tượng đi đôi với công phu đào luyện nội tâm, tức hành thiền. Nó là sự biểu hiện của tấn lực (*virīya-bala*), niệm lực (*sati-bala*), định lực (*samādhi-bala*) và tuệ lực (*pañña-bala*), có khả năng loại bỏ mọi ý tưởng dục vọng, cắt đứt mọi tâm tư lang thang vọng động, duy trì khả năng tỉnh giác và tự tại trong mọi tình huống và thời khắc. Trong Thiền học Việt Nam, nó được gọi là “đối cảnh vô tâm”. Kinh Tăng Chi Bộ đề cập trường hợp nữ cư sĩ Velukantakī, mẹ của Nanda, thành tựu được khả năng “đối cảnh vô tâm” như vậy trong cuộc sống đời thường:

“Ở đây, thưa Tôn giả, Nanda, đứa con độc nhất của con, khả ái, khả ý, vì một lý do gì đó, bị các vua dùng sức mạnh bắt giữ và đoạn mạng sống. Thưa Tôn giả, trong khi đứa trẻ bị bắt giữ hay đang bị bắt giữ, khi bị trói hay đang bị trói, khi bị giết hay đang bị giết, con rõ biết tâm của con không có đối khác⁴.”

Nhìn chung, “tâm không động, không sầu khi xúc





chạm việc đời" hay "đối cảnh vô tâm" tức là cái tâm đã được huấn luyện thuần thực thông qua hành thiền, phát triển chánh niệm một cách sâu sắc, khiến cho có khả năng tiếp xúc và nhận biết mọi đối tượng (các pháp) một cách đầy tinh táo và sáng suốt, thấy các pháp đúng như thật, như nó là, không tô hồng hay bóp méo sự kiện bằng lý trí, ký ức hay kinh nghiệm, không phản ứng, không vui buồn, không yêu ghét. Các pháp biểu lộ như thế nào thì thấy như thế ấy: *"Khi khổ sanh thời xem là sanh, khi khổ diệt thời xem là diệt; vị ấy không có nghi ngờ, không có phân vân, không duyên vào ai khác, trí ở đây là của vị ấy"*⁵.

Hẳn nhiên, để thực nghiệm trạng huống "tâm không động, không sâu khi xúc chạm việc đời" hay để đạt được khả năng "đối cảnh vô tâm" trong đời sống hàng ngày thì ngoài pháp môn hành thiền là căn bản, Đức Phật còn gợi ý thêm cho chúng ta một phương pháp thực tập khác hỗ trợ cho tiến trình thực nghiệm. Đó là tập dứt bỏ mọi ý tưởng phát sinh liên hệ đến sự xúc chạm hay còn gọi thực tập chánh niệm (*sammā-sati*) trong đời sống hàng ngày. Phải thực tập làm sao để khi các căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý) tiếp xúc với các trần (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp) thì cái tâm vẫn tỉnh giác, trong sáng, không dao động, không phản ứng, giải thoát, an nhiên tự tại. Kinh Phật mô tả sự tu tập ấy như thế này: *"Khi mắt thấy sắc, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân cảm xúc, ý nhận thức các pháp, vị ấy không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng".* Không nắm giữ tướng chung hay tướng riêng tức là không trụ tướng, không khởi tâm, không tác ý, không nghĩ suy, không tư lường, không đánh giá hay so sánh phân biệt về những gì được thấy, được nghe, được cảm thọ hay được thức tri; do đó không bị hệ lụy hay dính mắc bởi bất kỳ sự xúc chạm nào giữa các căn và các

trần. Đây chính là hướng đi của tâm tỉnh giác giải thoát, tâm vô ngã, hướng đi của công phu điều tâm thông qua hành thiền biểu lộ qua việc vận dụng chánh niệm trong đời sống xúc chạm hàng ngày: *"Trong cái thấy sẽ chỉ là cái thấy. Trong cái nghe, sẽ chỉ là cái nghe. Trong cái thọ tướng, sẽ chỉ là cái thọ tướng. Trong cái thức tri sẽ chỉ là cái thức tri"*⁶. Tiếp theo là phương pháp thực tập do Đức Phật đề xuất⁷ nhằm giúp cho mọi người phát triển chánh niệm, nuôi lớn tâm vô ngã, giải thoát trong đời sống thường nhật, thực chứng "tâm không động, không sâu khi xúc chạm việc đời" hay còn gọi là thực nghiệm nếp sống "đối cảnh vô tâm":

"Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không tư lường con mắt, không tư lường trên con mắt, không tư lường từ con mắt, không tư lường: 'Con mắt là của ta'. Vị ấy không tư lường các sắc, không tư lường trên các sắc, không tư lường từ các sắc, không tư lường: 'Các sắc là của ta'. Vị ấy không tư lường nhãn thức, không tư lường trên nhãn thức, không tư lường từ nhãn thức, không tư lường: 'Nhãn thức là của ta'. Vị ấy không tư lường nhãn xúc, không tư lường trên nhãn xúc, không tư lường từ nhãn xúc, không tư lường: 'Nhãn xúc là của ta'. Do duyên nhãn xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc; vị ấy không tư lường cảm thọ ấy, không tư lường trên cảm thọ ấy, không tư lường từ cảm thọ ấy, không tư lường: 'Cảm thọ ấy là của ta'.... tai... mũi... lưỡi... thân... Vị ấy không tư lường ý, không tư lường trên ý, không tư lường từ ý, không tư lường: 'Ý là của ta'. Vị ấy không tư lường các pháp, không tư lường trên các pháp, không tư lường từ các pháp, không tư lường: 'Các pháp là của ta'. Vị ấy không tư lường ý thức, không tư lường trên ý thức, không tư lường từ ý thức, không tư lường: 'Ý thức là của ta'. Vị ấy không tư lường ý xúc, không tư lường trên ý xúc, không tư lường từ ý xúc, không tư lường: 'Ý xúc là của ta'. Do duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc; vị ấy không tư lường cảm thọ ấy, không tư lường trên cảm thọ ấy, không tư lường từ cảm thọ ấy, không tư lường: 'Cảm thọ ấy là của ta'.

Cho đến các uẩn, giới, xứ, này các Tỷ-kheo, vị ấy không tư lường pháp ấy, không tư lường trên pháp ấy, không tư lường từ pháp ấy, không tư lường: 'Pháp ấy là của ta'. Vị ấy không tư lường như vậy nên không chấp thủ một vật gì ở đời. Do không chấp thủ nên không ái luyến. Do không ái luyến nên tự mình được hoàn toàn tịch tịnh. Vị ấy biết rõ: 'Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa'."

Chú thích:

1. Kinh *Điểm lành tối thượng*, Kinh tập, Tiểu Bộ.
2. Kinh *Hoan hỷ*, Tăng Chi Bộ.
3. Kinh *Hoan hỷ*, Tăng Chi Bộ.
4. Kinh *Mẹ của Nanda*, Tăng Chi Bộ.
5. Kinh *Kaccāyanagotta*, Tương Ưng Bộ.
6. Kinh *Bāhiya*, Phật tự thuyết, Tiểu Bộ.
7. Kinh *Thích hợp*, Tương Ưng Bộ. ■



Sống an vui

NGUYỄN THẾ DẰNG

Ở đời ai mà chẳng muốn sống an vui. Và đạo Phật là nghệ thuật để sống an vui. Dĩ nhiên, an vui có nhiều cấp độ, từ bậc thấp, bậc trung đến bậc cao. An vui cao tốt là an vui không còn bị những hoàn cảnh làm cho giảm sút, hư hoại.

Đời sống an vui đó đặt nền trên những nguyên lý đã được đạo Phật khám phá, đã trải nghiệm suốt 2.600 năm nay. Người nào biết sử dụng, ứng dụng những nguyên lý ấy vào cuộc sống của mình thì được an vui hạnh phúc. Và tùy theo mức độ sử dụng, ứng dụng nhiều hay ít, tinh tế hay thô sơ mà con người có mức độ an vui nhiều hay ít, tinh tế hay thô sơ.

1. Xây dựng cuộc đời mình trên định luật nhân quả

Chúng ta thấy, từ lúc sinh ra, con người đã không bình đẳng về thân thể, trí óc, gia đình, hoàn cảnh xã hội... Ngay cả anh em cùng một cha mẹ, hoàn cảnh sống như nhau, cuộc đời họ cũng khác biệt nhau rất nhiều, từ khuynh

hướng đến khả năng, may mắn, thọ yếu... Đó là do sự khác biệt của rất nhiều nhân đã tạo ở những kiếp trước.

Nếu không dựa vào định luật nhân quả nghiệp báo thì với tất cả mọi khoa học của con người đều không thể giải thích một cách hợp lý tại sao có sự bất bình đẳng ngay từ khi mới sanh ra như vậy.

- Nếu cho là có một Thượng đế sinh ra con người, thì Thượng đế ấy không công bằng khi sinh ra người này nhiều thuận lợi hơn người kia.

- Nếu cho là mọi sự đều ngẫu nhiên, thì cõi người phải hỗn loạn. Khi không có một trật tự nào từ một định luật chung nào thì mọi sự đều có thể làm. Sự tự do căn cứ trên ngẫu nhiên là một lối sống hư vô chủ nghĩa.

Như thế, phải có định luật nhân quả mới có thể thiết lập được thế giới con người.

Sống theo định luật nhân quả, không gây nhân xấu, không làm những việc xấu là đã thấy bớt lo sợ, thế là đã có phần nào không sợ hãi (vô bố úy), như vậy là hạnh phúc rồi.



Định luật nhân quả cho phép con người tự do: tự do xây dựng đời mình, gây nhân tốt thì có quả tốt, gây nhân xấu thì có quả xấu. Chẳng có cái gì hay người nào khác có thể ngăn cản tiến trình nhân quả ấy được. Con người chỉ có thể sửa đổi hệ thống nhân quả của mình trên chính định luật nhân quả chứ không thể ‘ăn gian’ nó được.

Mọi phẩm tính của con người có được, từ sự gieo hạt, nuôi trồng, chăm bón, đều đặt trên định luật nhân quả. Tôi tôn trọng định luật nhân quả nghĩa là tôi tự trọng, tôi tự biết thương mình, tôi không tự phá hoại làm hư hỏng đời mình. Trái lại, tôi xem cuộc đời tôi là một cơ hội độc nhất (vì dù có kiếp sau đi nữa, nó cũng không lặp lại hoàn cảnh bây giờ) để tôi chọn lựa nhân quả, tôi chọn lựa cuộc đời tôi. Tôi tự do, nghĩa là tôi không trách cứ, đổ lỗi cho ai cả (trách cứ người nào hay hoàn cảnh nào chỉ là một cách lệ thuộc người đó hay hoàn cảnh đó). Tôi bình đẳng, vì bất cứ ai cũng phải bình đẳng với tôi trong định luật nhân quả. Tôi hạnh phúc vì không gì có thể đụng chạm đến việc gieo nhân tốt của tôi, nghĩa là không gì phá hoại được việc tự xây dựng hạnh phúc của tôi. Tôi không đố kỵ với người hạnh phúc hơn tôi, tôi biết đó là do nhân trước kia của họ; nếu muốn hạnh phúc như họ thì tôi cứ tạo nhân hạnh phúc nhiều hơn. Tôi khoan dung vì tôi biết những lỗi lầm, những thất bại, những khổ sở của người khác sở dĩ có trong hiện tại chỉ vì họ đã không biết và không sống theo định luật nhân quả.

Mỗi ngày là cơ hội để gieo trồng và thọ hưởng hạnh phúc cho chính ta và người khác. Tôi không lo sợ mà thanh thản lạc quan. Tôi không phải giấu diếm điều gì, vì chẳng có ai có thể giấu mình trước sự vận hành của nhân quả.

Ngay cả cái đúng, cái sai của cuộc đời đều do nhân quả mà suy xét, thiết định. Đúng là lợi, là tốt. Sai là hại,

là xấu. Nhận thức luận (đúng, sai) là một với đạo đức học (tốt, xấu) và là một với kinh tế học (lợi, hại). Nói rộng ra, tất cả mọi ngành học thuật để tạo ra thế giới văn minh của con người đều liên thông nhau nhờ định luật nhân quả.

Không thể hiểu biết hết và nói hết về định luật nhân quả. Mỗi người chúng ta phải nghe, tư duy, thực hành nhân quả để hiểu biết và xây dựng cuộc đời chúng ta để được hạnh phúc như ý muốn.

Khi hiểu rõ định luật nhân quả vận hành như thế nào, chúng ta cũng biết cách thoát khỏi sự vận hành của nhân quả. Đó là tự do của giải thoát và giác ngộ.

2. Sống trong một hạnh phúc mở rộng

Nhân quả không chỉ để phòng thủ cho cuộc đời cá nhân, tránh cái sai cái xấu, làm cái đúng cái tốt. Ý thức về nhân quả còn phải được mở rộng ra đến xã hội. Gây nhân tốt quả tốt cho người khác, cho xã hội được gọi là gây tạo phước đức.

Cuộc đời chúng ta càng có nhiều điều tốt lành thì chúng ta càng có nhiều hạnh phúc. Điều tốt lành có được nhiều hơn khi chúng ta mở rộng điều tốt lành cho những người khác. Làm từ thiện, giúp đỡ người khác, tạo tượng những bậc giác ngộ để nâng cao tâm hồn người ta, rải tâm từ bi ra chung quanh... cho đến xử án cho đúng pháp luật, mua bán với giá cả hợp lý, bớt nói dối, không say sưa... Mọi hành động đúng và tốt đẹp làm cho người khác đều được gọi là phước đức.

Xã hội là môi trường và cơ hội để chúng ta có thể mở rộng phước đức, nghĩa là mở rộng hạnh phúc của mình. Nếu làm cho một người vui thì chúng ta có một hạnh phúc, làm cho nhiều người vui thì chúng ta có nhiều hạnh phúc. Cho đến ngày nào, làm cho tất cả



mọi người an vui thì chúng ta có tất cả hạnh phúc.

Điều lành hay phước đức cũng không thể nói hết vì nó nằm trong mọi hành động cử chỉ của con người. Chỉ biết rằng mỗi ngày mỗi tạo điều lành, mỗi tạo phước đức thì đó là một ngày hạnh phúc. Điều lành ấy, phước đức ấy càng sâu càng rộng thì hạnh phúc càng sâu càng rộng. Cho đến lúc cả thế giới này đều biến thành hạnh phúc thì còn có sự an vui nào hơn?

3. Tìm đến và sống trong cội nguồn hạnh phúc của đời sống

Bình thường, chúng ta chỉ sống ở mặt bên ngoài cạn cợt của đời sống, chúng ta chỉ tiếp xúc với đời sống bằng giác quan và một phần ý thức. Không thể sống sâu rộng hơn nên chúng ta mau chán và không thỏa mãn.

Người ta có thể đi đến tận bản chất hay cội nguồn của đời sống, nghĩa là bản chất của thế giới, của người khác và của chính chúng ta. Cái cội nguồn hay bản chất của mọi hiện hữu được kinh điển gọi là "thật tướng của tất cả các pháp". Đạo Phật là những con đường, những pháp môn, giúp cho mỗi người tìm đến và kinh nghiệm cái bản chất thật sự của mọi hiện hữu, do đó chúng ta có thể hưởng thụ được những mặt rộng và những chiều sâu vô cùng của đời sống, của hiện hữu.

Chúng ta hay dùng từ "bản tâm", tức là cái tâm căn bản, cội nguồn nguyên thủy. Nói cách khác, đó là cái cội nguồn của tâm thức hiện giờ đang hoạt động của chúng ta. Không biết cội nguồn của tâm, chúng ta không biết mình là cái gì, sống làm sao cho trọn vẹn, chết về đâu, và cuộc sống chúng ta cứ trôi dạt theo mọi hoàn cảnh bên ngoài. Đó là sự khổ đau căn bản.

Bản chất của mọi hiện hữu, gồm cả tâm thức chúng ta, theo *Kinh Đại Bát Niết Bàn*, được gọi là Thường, Lạc,

Ngã, Tĩnh. Nói theo ngôn ngữ đời thường, đó là hạnh phúc tối hậu, hạnh phúc không tùy thuộc nhân duyên. Điều quan trọng nhất của đời người là Phật tánh thường, lạc, ngã, tĩnh ấy luôn luôn hiện hữu nơi chúng ta, dù chúng ta có biết hay không: "Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh".

Cuộc sống là để tiến hóa, để tự hoàn thiện. Tiến hóa đến cái hạnh phúc tối hậu ấy, tự hoàn thiện để trở thành hạnh phúc tối hậu ấy. Đây là mục đích của cuộc đời, vì có loài nào lại không đi tìm hạnh phúc, một hạnh phúc sâu và rộng không cùng?

Dĩ nhiên, khó có thể đạt đến hạnh phúc cao tốt, tối hậu ấy trong chỉ vài năm hay thậm chí chỉ một đời. Dù rằng trong thực tế và nếu cố gắng, ai ai trong chúng ta cũng có thể mỗi ngày mỗi đi đến gần hơn, nhận diện rõ ràng hơn cái gì là khuôn mặt thật xưa nay của mình. Mỗi ngày chúng ta đều có thể thấm nhuần thêm một ít cái vị cam lồ của sự sống bất tử ấy.

Mỗi ngày là một cơ hội, một hoàn cảnh để chúng ta nối kết với cái cội nguồn, cái nền tảng của mọi hoàn cảnh sinh hoạt ấy. Mỗi ngày chúng ta đều có thể nối kết với hạnh phúc tối hậu, vốn ở sẵn trong đáy sâu của thân tâm mình. Đó là chúng ta biết sống với hạnh phúc đích thực. Cuộc sống để thực hiện mục tiêu đích thực ấy là một cuộc đời hạnh phúc, vì con đường của nó, nói theo kinh điển, là "tốt đẹp ở lúc bắt đầu, tốt đẹp ở chặng giữa, và tốt đẹp ở lúc cuối cùng".

Ba điều ở trên là ba cột trụ cho một cuộc đời an vui. Sống theo định luật nhân quả là một lối sống đúng, chánh, và cuộc sống chánh đúng đem lại hạnh phúc. Cuộc sống đó cần được mở rộng ra đến người khác và thế giới, do đó, hạnh phúc sẽ được rộng lớn hơn. Cuối cùng, cuộc sống ấy cần dựa trên sự thâm nhập thực tại, cũng là hạnh phúc tối hậu, để hạnh phúc càng được sâu xa và bao la hơn.

Ba điều ấy bổ túc lẫn nhau, hỗ trợ lẫn nhau, nâng cấp lẫn nhau, đem lại cho cuộc sống chất vị thật sự của đời sống là hạnh phúc. Không có nhân quả, cuộc sống sẽ gặp ghềnh, bị nhận lãnh thay vì được nhận lãnh. Không có phước đức, làm lợi lạc cho người khác, tâm sẽ không mở rộng tỏa khắp, và hạnh phúc bị giới hạn trong một cá nhân nhỏ hẹp. Quan trọng nhất là cái thứ ba, không hiểu và sống được bản chất của đời sống, thì cuộc sống chỉ toàn là khó khăn, trở ngại, đối nghịch, phân mảnh, chia biệt.

Khi đạt đến bản chất tối hậu của đời sống là hạnh phúc, cả hai cái trên, nhân quả và lợi người, đều được nâng lên thành hạnh phúc tối hậu. Nhân quả là hạnh phúc vì nhân quả là sự biểu lộ của bản chất tối hậu. Vũ trụ là sự biểu lộ của nhân quả, do đó, vũ trụ là niềm vui. Lợi người không còn là bốn phận, sự hy sinh khó nhọc, mà lợi người là hạnh phúc vì nó biểu lộ hoạt động hạnh phúc của tự thân hạnh phúc. ■



Từ nay xin chữa

TẢN NGHĨA

Câu chuyện tiền thân Sigàlà (*Jataka* 501) thuật lại sự kiện năm trăm vị triệu phú xuất gia làm Tỷ-kheo tại Kỳ Viên vào thời Đức Phật tại thế.

Một hôm vào khoảng nửa đêm, tám tư liên hệ đến phiền não khởi lên, nhóm người ấy khởi tâm tham luyến những phiền não mà họ đã tự mình từ bỏ.

Chuyện này là chuyện xảy ra bình thường trong đời sống. Mặc dù người tự nguyện xuất gia là có ý muốn được giải thoát khỏi những phiền não; nhưng vì các phiền não đó vốn gây ra do thói quen nên rất khó bỏ. Cũng thế, một người phát tâm hành động vì những mục tiêu tốt đẹp thì tạm loại bỏ được những ham muốn, tức giận vào lúc ban đầu. Sau đó, những phiền não lại "hồi sinh". Chỉ việc "giác ngộ" về tư tưởng thôi chưa đủ. Đó là trường hợp những người có tâm tốt, muốn làm điều tốt. Còn những người có tâm không tốt, không tự mình từ bỏ các thói xấu, mà chỉ dùng một mục tiêu có vẻ tốt làm bình phong để kiếm lợi cho mình thì tham lam, tức giận còn phát sinh nhiều hơn nữa.

Bậc Đạo sư, vào chính giữa đêm khởi lên ngọn đuốc nhất thiết trí, tìm hiểu xem các Tỷ-kheo ấy sống như thế nào. Ngài biết được các Tỷ-kheo ấy khởi lên phiền não.

"Nhất thiết trí" là trí biết về tất cả mọi điều, cũng có tài liệu Phật học gọi là "trí toàn giác", "toàn tri". Một trong các

khả năng của "nhất thiết trí" là có thể đọc được suy nghĩ của các chúng sinh. Khả năng này được các tài liệu Phật học gọi là "tha tâm thông". Việc "tìm hiểu các Tỷ-kheo" có lẽ được thực hiện bằng tha tâm thông. Đó là công dụng của việc "khởi lên ngọn đuốc nhất thiết trí".

Như người mẹ chỉ có một đứa con đối với đứa con độc nhất của mình, như người một mắt với mắt của mình, bậc Đạo sư bảo vệ các đệ tử của mình vào mọi lúc. Khi các đệ tử của Ngài khởi lên các phiền não, Ngài chặn đứng, không để các phiền não này tăng trưởng.

Đoạn văn này nói lên sự quan tâm chăm sóc của Đức Phật đối với các đệ tử của mình. Người mẹ chỉ có một đứa con thì mọi hy vọng, mọi sự chú ý dồn vào đứa con đó. Một người hai mắt thì nếu hư một mắt vẫn còn nhìn được. Một người một mắt thì nếu hư mắt đó thì chẳng còn con mắt nào. Vì thế, người đó rất quan tâm đến "con mắt còn lại" của mình.

Rồi bậc Đạo sư từ hương phòng bước ra, với âm thanh dịu ngọt gọi Trường lão Ananda, vị giữ kho tàng Chánh pháp:

- "Này Ananda!".

- "Bạch Thế Tôn, thưa có việc gì?". Trường lão đi đến đánh lễ và đứng một bên.

- "Hãy mời tất cả các Tỷ-kheo trú ở chỗ trải vàng giá bạc triệu đến tại hương phòng".

Âm thanh của Đức Phật "dịu ngọt". Đó là kết quả của

việc tu tập từ tâm. Người có từ tâm thì giọng nói sẽ dịu ngọt. Ananda là em họ và là thị giả lâu năm của Đức Phật. Trong thời gian bên cạnh Đức Phật, ngài Ananda nghe tất cả các bài giảng và ghi nhớ. Khi có cuộc kết tập Tam tạng lần thứ nhất, ngài là người đọc các bài giảng ấy lại. Các bài giảng ấy bắt đầu với câu “Như vậy tôi nghe”. Vì thế, Ananda còn được gọi là “vị giữ kho tàng Chánh pháp” hay là “thủ kho Chánh pháp”. Đức Phật bảo ngài Ananda mời các Tỷ-kheo ở chỗ “trái vàng giá bạc triệu”. Tinh xá Kỳ Viên được gọi như vậy vì triệu phú Cấp Cô Độc đã dát vàng toàn bộ chỗ ấy khi mua khu vườn của Thái tử Kỳ-đà.

Theo truyền thuyết, bậc Đạo sư suy nghĩ như sau: “Nếu Ta chỉ gọi năm trăm Tỷ-kheo ấy thôi, họ sẽ nghĩ rằng: bậc Đạo sư đã biết các phiền não khởi lên trong nội tâm chúng ta. Tâm tư họ sẽ bị dao động, sẽ không có thể chấp nhận pháp thoại”. Do vậy bậc Đạo sư mới nói: “cho mời tất cả”.

Đoạn văn trên giải thích lý do của câu nói “hãy mời tất cả”. Nếu mời chỉ riêng các Tỷ-kheo có phiền não thì họ sẽ biết rằng Đức Phật đã đọc được các suy nghĩ của họ. Đoạn văn cũng chứng tỏ rằng Đức Phật đã dùng “tha tâm thông” để biết các suy nghĩ đó. Các suy nghĩ của con người luôn được giấu kín, người ta có thể tự do trong các suy nghĩ của mình. Nếu giao tiếp với một người có thể đọc được suy nghĩ của mình thì người ta thường rất e ngại. Vì thế, Đức Phật “mời tất cả”.

Bậc Đạo sư bằng Phạm âm nói với các Tỷ-kheo: “Này các Tỷ-kheo, chớ có trầm tư ba tâm bất thiện này. Tức là dục tâm, sân tâm, hại tâm”.

“Tâm” có nghĩa là tìm kiếm. “Dục tâm” có nghĩa là “sự tìm kiếm, sự hướng tâm đến ham muốn”. “Sân tâm” là “sự tìm kiếm, sự hướng tâm đến sự giận ghét”. “Hại tâm” là “sự tìm kiếm, sự hướng tâm đến sự gây ra điều có hại”. Danh từ Pali của “Tâm” là “vitakka”. Khi ta chợt nghĩ đến Hanna Montana, ta sẽ bắt đầu có định hướng tìm kiếm các thông tin về Hanna Montana. Đó chính là một “tâm”. Sách *Thanh Tịnh Đạo luận* của ngài Buddhaghosa (Thích nữ Trí Hải dịch, NXB Tôn Giáo 2001, tr. 231) viết: “Tâm (vitakka) có nghĩa đánh mạnh vào. Nó có đặc tính là hướng tâm, để tâm trên đối tượng. Nhiệm vụ của nó là quất vào: đối tượng đánh vào, quất vào hành giả là do tâm. Thể hiện của tâm là sự dẫn tâm đến đối tượng... Tâm có nghĩa sự chạm xúc đầu tiên của tâm với đối tượng... Tâm có can dự, đó là sự can thiệp đầu tiên của ý thức vào lúc khởi tâm đầu tiên, như một con chim dang đôi cánh khi sắp liệng, như một con ong lao vút tới một cái hoa sen khi nó muốn theo dõi mùi hương của hoa”. Trong thời đại mạng internet hiện nay, “tâm” có ý nghĩa là “sự truy cập”. Theo Anh ngữ, “tâm” là “search” hay là “searching”. Khi muốn truy cập về *Chuyện tiền thân* ta chỉ cần gõ vào Google chữ *Chuyện tiền thân*, thì sẽ có một loạt các trang web hiện ra để truy cập, đó là tâm. Một ví dụ thô thiển về “dục tâm” là “truy cập các trang web về tình dục”.

“Phiền não khởi lên trong tâm không bao giờ là nhỏ mọn. Nó giống như là kẻ thù và kẻ thù không bao giờ

là nhỏ bé. Có cơ hội kẻ thù sẽ gây nên tác hại. Cũng vậy, phiền não dù nhỏ bé khởi lên, được lớn mạnh, sẽ gây nên tác hại. Phiền não ví như thuốc độc làm chết người, như mọt ngấm mọt trên da, như con rắn lục, như lửa sét đánh, chớ có nắm giữ lấy, nên sợ hãi chúng”.

Đức Phật nói tới các nguy hiểm của việc “truy cập” đến ham muốn, giận ghét, gây hại. Mặc dù ban đầu nó rất nhỏ nhoi nhưng nó sẽ tăng trưởng nhanh chóng và gây hại lớn lao. Tương tự trong các vấn đề kinh tế xã hội. Người lãnh đạo ở một vùng chỉ cần phát khởi suy nghĩ định hướng tới lợi ích riêng của mình, lập tức có thể tăng trưởng thành các tệ nạn tham ô, cướp đất... làm ảnh hưởng tới sự nghiệp của cộng đồng, có khả năng làm cho cộng đồng đó sụp đổ.

“Khi nào phiền não khởi lên, với sức mạnh của giác sát, với sức mạnh của tu tập chớ để chúng trong tâm cho đến một sát-na, phải loại trừ chúng như giọt nước rơi khỏi lá sen. Các bậc hiền trí thuở xưa ghét bỏ phiền não, dẫu cho hết sức nhỏ mọn, không cho nó khởi lên lại trong nội tâm, lập tức chế ngự phiền não ấy”. Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể lại câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi vua Bramadatta trị vì ở Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra làm một con dã-can, sống trong rừng trên một bờ sông.

Bồ-tát chính là tiền thân của Đức Phật. Trong quá trình luân hồi, Ngài đã trải qua nhiều kiếp sống là các thú vật. Cho dù là trời Đế-thích thì khi mạng chung cũng có thể trở thành thú vật. Điều đó phụ thuộc rất nhiều vào các suy nghĩ và tập quán khi còn sống. Chẳng hạn, một người yêu thích chó, quan tâm đến chó, chỉ thích sống với chó thì rất có khả năng khi mạng chung tái sinh thành chó. Đó gọi là những bắt buộc trong việc tái sinh.

Có một con voi già bị chết trên bờ sông Hằng. Khi đi tìm mồi, con dã-can thấy thân chết ấy và nghĩ rằng: “Nay ta được cả một kho đồ ăn lớn”.

Đây là giai đoạn đầu của mọi rắc rối. Giai đoạn đầu của mọi sự bao giờ cũng xuất phát từ nhu cầu. Có nhu cầu thì mới tìm kiếm. Đặc biệt nếu có sự ham muốn, sự tìm kiếm còn mãnh liệt hơn nữa. “Khi đi tìm mồi” cho biết con dã-can có nhu cầu về thức ăn. Có nhu cầu về thức ăn thì bắt đầu “tâm” thức ăn. Khi gặp con voi chết thì việc tìm kiếm đó chuyển sang giai đoạn “khai thác”. Cũng vậy, khi tìm kiếm các mối lợi, anh X. thấy rằng vào ngành T. thì sẽ có cách kiếm được lợi. Khi tìm được con đường để vào ngành đó thì cũng sẽ nghĩ “ta nay được món lợi lớn”. Ở một phía khác, chị Y. cũng muốn thi đậu vào đại học nhằm có công việc kiếm sống sau này. Tìm được ngành C. thích hợp với mình, Y. nghĩ “Ta nay được một ngành có thể thỏa mãn ước mơ của mình”.

Nó đi đến cần cái vôi, giống như cần cái cây. Nó nghĩ đó không phải là đồ ăn được. Nó cần cái ngà, giống như cần cái xương. Nó cần cái tai giống như cần cái vành thùng sòng lúa. Nó cần cái bụng giống như cần cái thùng đựng hạt. Nó cần cái chân giống như cần cái cối. Nó cần cái đuôi giống như cần cái chày. Nó nghĩ: Đây không phải là món ăn được.

Khi đã xác định được đối tượng, con dã-can bắt đầu tìm thức ăn trên đối tượng ấy. Khi đó nó phát hiện ra mọi sự cũng không dễ dàng cho lắm. Cũng vậy, khi đã xác định một ngành T. “có ăn”, anh X. sẽ bắt đầu tìm cách vào vị trí “có ăn”. Khi đó, anh X. sẽ bắt đầu thấy các rắc rối của bộ máy, không dễ gì mà leo lên ngồi ở các vị trí có ăn. Tương tự, khi chị Y. học ngành C., chị bắt đầu thấy nhiều khó khăn chuyên môn cần phải vượt qua.

Sau khi không tìm được chỗ nào ăn được, nó cần nhằm chỗ đại tiện thời giống như cần cái bánh mềm. Nó nghĩ ta tìm được chỗ ăn mềm trên cái thân này.

Sau một hồi xoay sở và có ý muốn bỏ cuộc, con dã-can cần nhằm chỗ ăn được. Tương tự, anh X. cũng bắt đầu có đường tiến thân trong ngành mà anh chọn. Còn chị Y. cũng theo học ngành C. một cách suôn sẻ.

Nó ăn từ chỗ ấy trở đi. Đi vào trong bụng ăn quả thận, quả tim... Khi khát, nó uống máu. Nó nằm dài trong bụng voi để ngủ. Rồi nó suy nghĩ: Thân con voi này giống như cái nhà khiến ta sống thoải mái. Khi ta muốn ăn thời thịt đầy đủ. Vậy sao ta lại phải làm chỗ ở khác? Nghĩ vậy, con dã-can không đi đến chỗ khác, chỉ ăn thịt trong bụng con voi và sống ở đấy.

Ở trong bụng con voi quả thật tiện nghi cho con dã-can. Mọi nhu cầu đều có đủ. Tương tự, anh X. làm trong ngành mà anh chọn cũng thấy có thể sống được, anh “ăn cũng T.” mà “nghỉ cũng T.”, “đi chơi cũng với người trong ngành T.”, “chuyện trò cũng ngành T.”, “bức xúc cũng ngành T.”, “thương, ghét người trong ngành T.”, “bàn luận về người trong ngành T.”. Đời sống của X. bị bao trùm trong ngành T. Sống với người trong ngành T. còn nhiều hơn sống với gia đình. Anh X. bắt đầu thấy mình không thể hòa nhập với đời sống muôn màu muôn vẻ của xã hội được nữa. Chị Y. học trong ngành C. thấy cũng được, “ăn cũng C.” mà “nghỉ cũng C.”, “đi chơi cũng với người trong ngành C.”, “chuyện trò cũng ngành C.”, “bức xúc cũng ngành C.”, “thương, ghét người trong ngành C.”, “bàn luận về người trong ngành C.”. Đời sống của Y. bị bao trùm trong ngành C. Sống với người trong ngành C. còn nhiều hơn sống với gia đình. Chị Y. cũng thấy không thể rời bỏ chuyên môn được. Thấy Z. học ở ngành C. mà lại ra làm ở ngành K. thì chị Y. nói: “không làm đúng chuyên môn, vậy học ngành C. để làm gì”. Khi thực hiện một công việc đúng như ý ta muốn, ta sẽ bước vào giai đoạn thứ hai: thấy “sự ngọt ngào”, thấy “vị ngọt” của công việc đó và bị công việc đó ám ảnh, chi phối toàn diện. Hoàn toàn tương tự như con dã-can quyết định sống trong bụng con voi. Điều đó củng cố cho ý muốn của người thực hiện.

Thời gian trôi qua, với sự xúc chạm gió mùa hè và sự hun nóng của tia nắng mặt trời, thân xác con voi già ấy bị khô và nhăn nhúm lại. Cửa vào của con dã-can bị đóng kín. Bụng con voi không có ánh sáng. Con dã-can bị sống cách biệt với thế giới bên ngoài. Khi thân xác con voi bị khô héo, thịt bị khô, máu bị cạn, con dã-can không tìm được lối ra. Nó hoảng sợ chạy chỗ này chỗ kia để thoát ra ngoài. Nó trôi

lên sụp xuống trong bụng con voi như một cục bột trong cái nồi đang sôi.

Đây là giai đoạn thứ ba đối với những người bị công việc bao trùm, đặc biệt là đối với những người làm điều bất thiện. Giai đoạn thứ ba này còn gọi là giai đoạn “thấy nguy hiểm”. Con dã-can, sau khi thỏa cơn ám ảnh về miếng ăn bắt đầu thấy sự bất tiện khi ở trong bụng con voi. Tương tự, anh X. bắt đầu thấy nhiều điều “không nói ra thì không ai biết”. Chị Y. bắt đầu thấy “trong chăn có rận”. Cũng vậy, nếu những người đã làm điều xấu, “tay nhúng chàm” thì bị ám ảnh hoàn toàn và sống trong bầu không khí gần như không lối thoát.

Sau một vài ngày, một cơn mưa lớn đổ xuống làm mềm thân xác ấy, làm phồng lên và trở lại trạng thái cũ. Con đường đại tiện được mở ra và hiện rõ như sao chói sáng. Con dã-can thấy lỗ mở ấy nói rằng: nay ta được sự sống. Nó từ đầu con voi nhảy tới, chạy vụt ra, đầu đập vào con đường đại tiện và thoát ra ngoài. Nhưng tất cả lông trên thân bị bám đập đều dính vào con đường đại tiện.

Con dã-can thoát khỏi trạng thái bị bao trùm, bị nhốt một cách vất vả, khó khăn. Cũng vậy, X. có thể thoát ra khỏi trạng thái “bị ngành T. ám”, Y. có thể thoát ra khỏi trạng thái “bị ngành C. ám”. Tuy nhiên, điều đó cũng không phải dễ dàng gì.

Với tâm tư dao động, với cái thân trụi lông, nó chạy một lát và ngồi xuống, quay lại nhìn thân mình và suy nghĩ: Khổ này do ta tạo chứ không phải ai khác, vì duyên tham, vì y cứ vào tham nên ta làm như thế ấy. Từ nay trở đi ta sẽ không để cho tham chi phối nữa. Ta sẽ không đi vào thân con voi nào nữa. Với tâm tư xúc động, nó nói lên bài kệ:

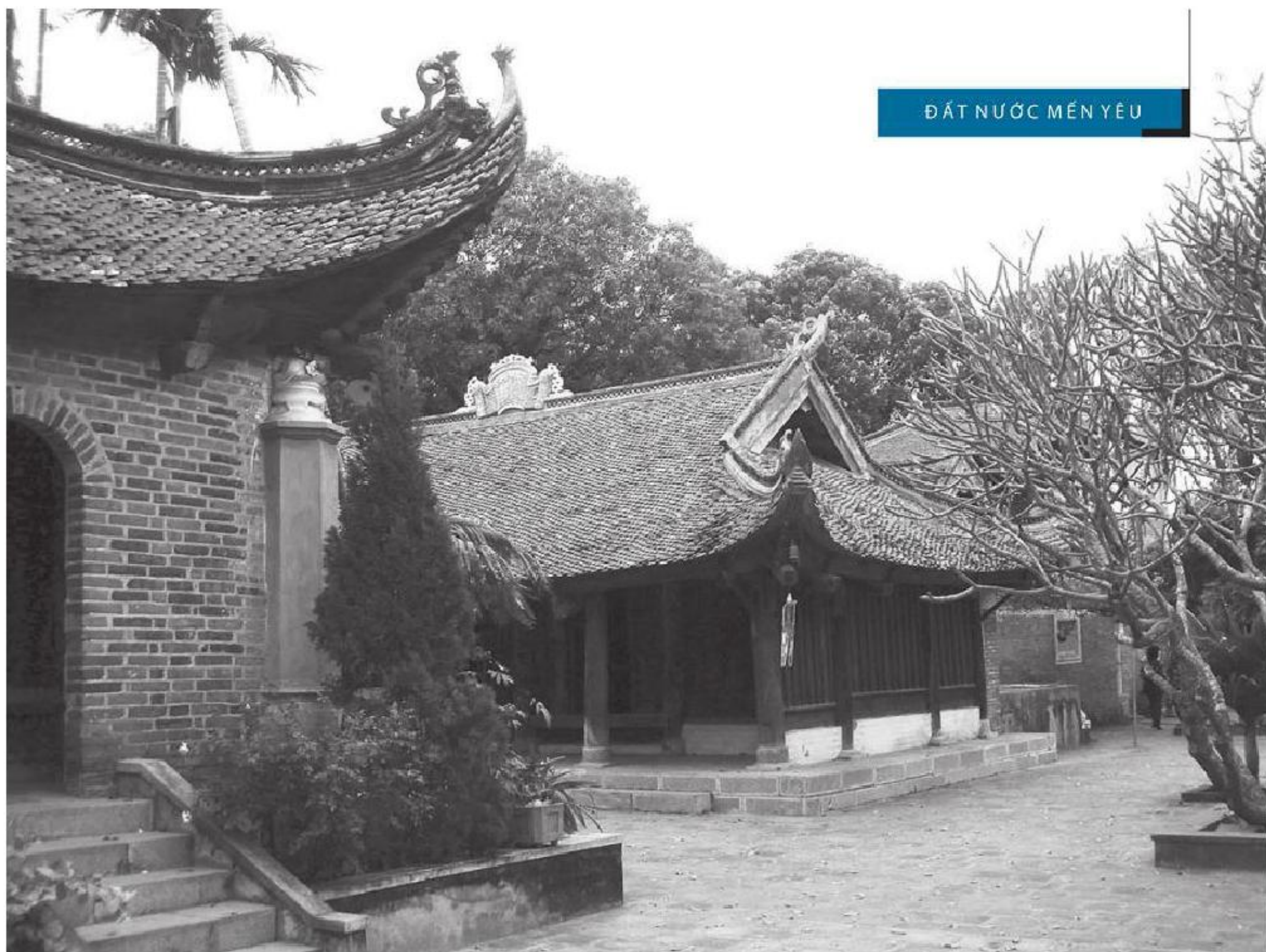
*Ta không có làm nữa,
Không có làm, làm nữa,
Ta thấy xác con voi,
Như vậy ta hoảng sợ.*

Nói xong, con dã-can chạy xa khỏi các con voi. Nếu thấy xác một con voi, nó không quay nhìn lại. Từ đấy về sau nó không còn bị tham chinh phục nữa.

Giai đoạn này gọi là giai đoạn “từ bỏ”. Sau khi có nhu cầu; thấy được vị ngọt; thấy được sự nguy hiểm thì con dã-can chuyển sang trạng thái từ bỏ. Con dã-can là tiền thân của bậc Bồ-tát thì được như vậy. Còn anh X., chị Y. không biết có “từ nay xin chưa” hay không?

Bậc Đạo sư sau khi kể lại pháp thoại, nói với các Tỷ-kheo: Nay các Tỷ-kheo, chớ để cho phiền não nội tâm tăng trưởng. Ngay tại chỗ hãy nhiếp phục chúng. Nói vậy xong, bậc Đạo sư trình bày các Sự thật. Cuối bài giảng về sự thật Ngài nhận diện tiền thân: Con dã-can là tiền thân của Ta vậy. Sau câu chuyện, 500 vị Tỷ-kheo ấy chứng được quả A-la-hán. Trong số Tỷ-kheo còn lại, một số chứng quả Dự lưu, một số chứng quả Nhất lai, một số chứng quả Bất lai.

Ghi chú: Bài viết có sử dụng bản Việt dịch *Chuyện Tiền thân Đức Phật (II)* thuộc *Tiểu Bộ kinh*, tập 5, do Hòa thượng Thích Minh Châu và Giáo sư Trần Phương Lan thực hiện. ■



Viếng chôn Tổ **Vinh Nghiêm**

Bài & ảnh: PHẠM THANH TÙNG

Chùa Vinh Nghiêm, cổ kính, hòa lẫn trong màu xanh ngút ngàn của cây cối, là một trong ba chốn Tổ của thiền phái Trúc Lâm đời Trần, nằm ở thôn Đức La, xã Trí Yên, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

Miền cổ tích

Con đường quen thuộc nhất để về chốn tùng lâm, một trong ba chốn Tổ của thiền phái Trúc Lâm đời Trần, là từ Hà Nội, theo Quốc lộ 1A mới, tới thành phố Bắc Giang - tỉnh lỵ tỉnh Bắc Giang, rẽ phải chừng 20km, sẽ đến. Chúng tôi lại chọn một con đường ít người đi hơn,

nhưng đây là một con đường đẹp và thấm đẫm lịch sử. Xuất phát từ vùng Côn Sơn - Kiếp Bạc (thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương), qua phà trên sông Lục Đầu giang lịch sử, từng vang tiếng quân reo thời Trần, xa xa là bãi Kiếm - tương truyền sau chiến thắng chống quân Nguyên lần thứ ba, Hưng Đạo vương Trần Quốc Tuấn đã ném gươm xuống dòng sông, rồi được bồi đắp thành bãi bờ như hiện nay; men theo đê sông Lục Đầu còn lổn nhổn đất khô giữa mùa hanh, tới ngã ba Phượng Nhân lịch sử (thời trước khu vực này thuộc địa giới huyện Phượng Nhân, tỉnh Bắc Giang, sau mới chuyển về Chí Linh, tỉnh Hải Dương), tiếp đến qua đò sông Thương.



Sông Thương ở cuối hạ lưu, lại vào lúc đầu mùa đông, nên cũng không quá rộng, uốn lượn quanh dải núi thấp như dáng thiếu nữ nằm ngủ. Chạy xe thêm một quãng qua những xóm làng bình dị, bằng bạc khí thu là tới chùa Vĩnh Nghiêm; hay còn gọi là chùa Đức La, chùa La.

Cổ tự gói mình trên một quả đồi thấp hình con rùa (thể đất "quy ẩm thủy" – rùa uống nước), ngoảnh mặt ra ngã ba Phượng Nhãn (hợp lưu của sông Thương từ dãy Cai Kinh, vùng Tây nam tỉnh Lạng Sơn, Tây bắc tỉnh Bắc Giang chảy xuôi, sông Lục Nam từ vùng đồi vải, nương sắn ở Chu, Sơn Động dồn về – nơi các công chúa nhà Lý theo chồng là các thủ lĩnh dân tộc ít người ở lưu vực sông Lục Nam về làm dâu, góp phần củng cố vùng địa đầu Tổ quốc; nơi mà năm Đinh Mùi 1127, tro cốt của vua Lý Nhân Tông sau khi được hỏa thiêu ở thượng nguồn sông Lục Nam đã hòa vào dòng nước này), xa xa là Côn Sơn, Kiếp Bạc, Phượng Hoàng kề bên Lục Đầu giang - khúc sông hiểm yếu bậc nhất, con đường ngắn nhất từ biên giới phía Bắc vào đất liền Đại Việt. Cùng với Yên Tử, Quỳnh Lâm (nay thuộc tỉnh Quảng Ninh), Vĩnh Nghiêm là một trong ba trung tâm Phật giáo lớn nhất thời Trần, hình thành một miền tâm linh ngự trị phía Đông bắc Tổ quốc. *"Ai qua Yên Tử - Quỳnh Lâm - Vĩnh Nghiêm chưa đến, thiền tâm chưa đành"*. Có lẽ khó vùng nào ở đất Việt, lịch sử và huyền thoại lại hòa quyện với đời thường trong cảnh sắc sông núi, mây nước lãng mạn, hào sảng như chốn này!

Tấm bia dựng năm Hồng Định thứ 6 (1606), dấu vết xa xưa nhất hiện còn sót lại trong sân chùa, viết rằng: "Chùa Vĩnh Nghiêm không chỉ là một ngôi chùa mà còn là một danh lam xây dựng giữa một khu cảnh trí thiên nhiên tươi đẹp của vùng Kinh Bắc. Nơi đây trang nghiêm rực rỡ, non cao ngàn dặm, trùng trùng điệp điệp vây quanh. Chùa ở chỗ hai con sông, sóng nước

dạt dào mênh mông, quanh co uốn lượn châu vể như dải lụa đào. Đây là danh lam đứng đầu thiên hạ".

Tương truyền, Vĩnh Nghiêm có từ thời Lý, nhưng tới đời Trần thì mới trở thành chốn già lam nổi tiếng. "Đức Tổ Điều Ngự Giác Hoàng khi mở tông lâm này (chùa Vĩnh Nghiêm), mở cả chợ chùa. Các vị vương thân quốc thích và khách thập phương đã phát tâm tậu nhiều ruộng cúng cho chùa, gồm cả ruộng trong xã và ruộng ở các hạt khác nữa". Trong cuộc kháng chiến chống Mông-Nguyên, Lục Đầu giang có tầm chiến lược, nơi đặt bản doanh của Trần Hưng Đạo, diễn ra những trận đánh quyết liệt cầm chân giặc. Sau khi đánh thắng quân Nguyên lần thứ ba, năm 1293, vua Trần Nhân Tông nhường ngôi cho con, rời ngai vàng, thống nhất các dòng Phật giáo Đại Việt, lập nên thiền phái Trúc Lâm - dòng thiền phái mang màu sắc Việt Nam, trở thành Tổ thứ nhất của thiền phái. Chùa Vĩnh Nghiêm đã trở thành nơi giảng kinh hàng năm cho hàng nghìn Phật tử. Trần Nhân Tông lấy hiệu là Hương Vân Đại Đầu Đà, thu nhận đệ tử là Đồng Kiên Cương và đặt cho pháp hiệu là Pháp Loa. Năm 1308, ngài mất, được Pháp Loa làm lễ hỏa táng, thu xá lý rước về Đức Lăng và xây tháp mộ ở núi Yên Tử, dâng tôn hiệu là "Đại Thánh Trần Triều Trúc Lâm Đầu Đà Tịnh Tuệ Giác Hoàng Điều Ngự Tổ Phật". Sau đó, Pháp Loa về chùa Vĩnh Nghiêm trụ trì. Dưới thời ông, Vĩnh Nghiêm thành trung tâm Phật giáo, đào tạo Tăng đồ và xếp đặt Tăng chức, chỉ đạo các chùa trong cả nước. Pháp Loa cho đúc 1.300 pho tượng, định chức sắc Tăng đồ, đào tạo hơn 15.000 Tăng Ni đệ tử và soạn nhiều sách Phật giáo. Một lần Trang nguyên Lý Đạo Tái theo vua đến chùa Vĩnh Nghiêm, được nghe Pháp Loa giảng kinh, bất ngờ đốn ngộ, xin vua cho xuất gia, được Pháp Loa đặt hiệu là Huyền Quang. Sau khi truyền đạo cho Huyền Quang, năm 1330 Pháp Loa sang chùa Quỳnh Lâm trụ trì, vài tháng thì mất, được phong là "Tĩnh Chi Tôn Giả", làm Tổ thứ hai.

Huyền Quang ở chùa Vĩnh Nghiêm, thường cùng Hương Vân và Pháp Loa đi thuyết pháp khắp trong nước, tổ chức in kinh phân phát cho người nghèo, soạn các bộ sách lớn. Ông mất năm 1334, được ban hiệu là "Trúc Lâm Đệ Tam Đại Tự Pháp Huyền Quang Tôn Giả" tức Tổ thứ ba. Cả ba vị Tổ Trúc Lâm đều lấy chùa Vĩnh Nghiêm là trung tâm giảng đạo. Hiện nay, ở chùa Vĩnh Nghiêm, còn đủ ba tượng Trúc Lâm tam tổ.

Sang thời Lê sơ, Nho giáo lên ngôi, Phật giáo bị lãng quên. Thế nhưng, ngay trong lúc nhà nước cấm lập chùa mới và hạn chế tu sửa chùa cũ, khoảng 1454-1459 có nhà sư tên Chí Tôn Thượng Sĩ tu ở đây đã mở mang cảnh chùa; các đời sau cũng noi gương tiếp tục công đức phục dựng chốn thiền môn. Đến năm 1749 chùa Vĩnh Nghiêm bị hư hỏng nặng, lại được trùng tu lớn. Sang thế kỷ XIX, nhiều cao Tăng đại đức đã trụ trì, trong đó có Hòa thượng Kim Mã, được triều đình

phong là Giới đạo Độ điệp Lâm Tế chính tông Kim Mã hòa thượng vào năm 1830. Những năm 1930, Hòa thượng Thích Thanh Hanh trụ trì chùa là vị sư có uy tín lớn đối với Phật giáo miền Bắc.

Dấu xưa, cảnh cũ

Hơn 700 năm đã trôi qua, không còn hình ảnh đại danh lam với trùng điệp đến đài lầu gác, Tầng phòng dưới rừng thông rợp mát, nhưng cổ tự vẫn còn là điểm hẹn của bao du khách thập phương. Bao thế hệ cao tăng, sư ni, Phật tử thập phương nối tiếp nhau tu sửa, nhưng có lẽ sau lần đổ nát cuối thế kỷ XVII đã làm cho già lam hư hại lớn, khiến vóc dáng ngôi chùa hiện tại cơ bản là lần làm lại ở thời Nguyễn.

Diện tích cả khu chùa rộng chừng 1 hecta, bắt đầu với tam quan dài 7m, rộng 5m, kết cấu chống diêm hai tầng tám mái. Rặng thông cổ thụ trải dài trên 100m nay không còn, được thay bằng um tùm bóng nhai vàng rợp hoa, tíu tí bướm ong vào chớm hè, dẫn tới sân lớn. Chùa được kết cấu đăng đối theo trục thần đạo, gồm bốn khối nhà hài hòa, nối tiếp nhau bằng những mảnh sân.

Khối thứ nhất kiểu chữ Công, gồm tòa bái đường (chùa Hộ), tòa thiêu hương, tòa thượng điện với thiết kế khung trang lối tàu bẩy, đao lá. Nội thất của tòa thiêu hương được trang trí, chạm khắc lộng lẫy. Trong ba nếp chùa đều có cửa vông, chạm khắc hoa lá, chim muông, được sơn son thếp vàng, trên là các hoành phi đại tự lớn. Khối thứ hai cũng làm theo kiểu chữ Công nhưng thấp và nhỏ hơn; là nhà Tổ đệ nhất thờ Tổ Hương Vân Trần Nhân Tông. Ba Tổ Trúc Lâm đặt ở hậu cung, trên

có tấm hoành phi "Trúc Lâm hội thượng". Kế đến là gác chuông cao hai tầng có tám mái làm bằng gỗ và gạch, treo một quả chuông lớn; rồi khối nhà thứ tư, kết cấu kiểu chữ Đinh, nhà Tổ đệ nhị thờ Tổ Pháp Loa. Trước đây, hai bên còn có các dãy nhà hàng chục gian rộng rãi là nơi hàng năm Tăng Ni về học tập. Toàn bộ các khối kiến trúc đều không được lễ hồ quét vôi mà để gạch mộc đỏ au, nằm dưới bóng vải, nhai cổ thụ. Bao quanh tất cả khuôn viên là lũy tre ken dày.

Trong chùa có nhiều tượng Phật, tượng Trúc Lâm tam tổ, các hòa thượng trụ trì sau này, đều thuộc đời Nguyễn. Đặc biệt, có chiếc mô dài gần nửa mét, được sơn đen bóng, lỗ thoát âm có để hai dòng chữ Phạn. Vốn là nơi đào tạo Tăng đồ Phật giáo nên đặc biệt chùa còn lưu giữ hơn 3.000 bộ ván khắc kinh Phật, lịch sử hình thành và phát triển thiền phái Trúc Lâm, tác phẩm của ba vị tổ thiền phái; thơ, phú, của Mạc Đĩnh Chi và một số vị cao tăng; nhiều bản khắc có niên đại sớm nhất, chữ chuẩn đẹp nhất và đạt đến độ tinh xảo, được thực hiện chừng 300 năm về trước. Những bộ ván khắc kinh có từ hàng trăm năm nay là kho sách cổ quý giá, là hiện vật minh chứng chùa Vĩnh Nghiêm từng đứng đầu 72 chốn tùng lâm. Trong đó còn một số mộc thư nói về chữa bệnh bằng thuốc Nam, cách châm cứu với bản sơ đồ chỉ dẫn huyết đạo. Hiện nay, nhà chùa vẫn kế thừa các bài thuốc trong mộc thư để chữa bệnh thần kinh, xương khớp và bệnh tiêu hóa. Chùa Vĩnh Nghiêm và Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch tỉnh Bắc Giang đang phối hợp để dịch các tài liệu hiện lưu trữ từ chữ Hán Nôm sang chữ Quốc ngữ để Phật tử và người dân gần xa được tham khảo. ■

CÁC ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN TẶNG BẢO VHPG NĂM 2012

Một độc giả	: 81 cuốn/kỳ
Ô. Lâm Hoàng Lộc, NS. Trí Tuệ	: 50 cuốn/kỳ
Ô. Vũ Châm, Vina Giấy	: 38 cuốn/kỳ
Ô. Phạm Văn Nga	: 37 cuốn/kỳ
Bà Huỳnh Kim Lưu	: 30 cuốn/kỳ
Nhà hàng Tib, Hai Bà Trưng	: 25 cuốn/kỳ
PT Chánh An & Chơn Hòa	: 12 cuốn/kỳ
Cư sĩ Lương Trung Hiếu	: 12 cuốn/kỳ
Có Nga	: 10 cuốn/kỳ
Có Cẩm Hà (USA)	: 10 cuốn/kỳ
PT. Tâm Hiền, Tâm Hoa (USA)	: 10 cuốn/kỳ
Ô. Văn Cát Tiên	: 10 cuốn/kỳ
Ô. Huỳnh Văn Lộc, Q. BT	: 10 cuốn/kỳ
Tác giả Miên Ngọc	: 10 cuốn/kỳ
Nhà sách Thái Hà	: 10 cuốn/kỳ
Bà Lý Thu Linh	: 9 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Định	: 8 cuốn/kỳ
Hóng Phúc & Xuân An	: 6 cuốn/kỳ
Bà Tôn Nữ Thị Mai, Q. BT	: 5 cuốn/kỳ
Phật tử Phạm Thị Mỹ Loan	: 5 cuốn/kỳ
Ô. Nguyễn Mạnh Hùng,	

Ban Biên tập *Văn Hóa Phật Giáo* đã nhận được một số thư đề nghị tặng báo, Tòa soạn đã chuyển đề nghị trên đến các đơn vị, các doanh nhân Phật tử và thân hữu; năm mới 2012, các cá nhân, đơn vị hưởng ứng tặng báo *Văn Hóa Phật Giáo* đến các chùa, trường Phật học, trung tâm xã hội trọn năm với danh sách như sau:

CTCP. ThaiHa Books	: 5 cuốn/kỳ
Cửa hàng Tâm Thuận	: 5 cuốn/kỳ
Cô Tú Oanh, Hà Nội	: 5 cuốn/kỳ
Ô/Bà Nguyễn Văn Bản, USA	: 5 cuốn/kỳ
Phật tử Trương Trọng Lợi	: 5 cuốn/kỳ
Ô. Lê Xuân Triều, Q. BT	: 5 cuốn/kỳ
Phật tử Nguyễn Thị Hoa	: 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Hòa	: 4 cuốn/kỳ
Bà Trần Thị Bích Trâm	: 3 cuốn/kỳ
Bà Lê Tự Phương Thủy	: 3 cuốn/kỳ
Bà Lê Thị Thu Thanh	: 3 cuốn/kỳ
Bà Phạm Thị Kim Anh	: 3 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Ân	: 2 cuốn/kỳ
BBT www.thuongchieu.net	: 2 cuốn/kỳ
Chị Tuyên, CT TNHH Cơ khí Mé Linh	: 2 cuốn/kỳ
Bà Kim Anh, Q. 2	: 2 cuốn/kỳ
Phật tử Từ Minh	: 2 cuốn/kỳ
BBT Viện khongtu.com	: 2 cuốn/kỳ
CT TNHH SXTM Nén Hạnh Phúc, Q. BT	: 2 cuốn/kỳ

Cô Nguyễn Cao Nguyệt Ánh	: 2 cuốn/kỳ
CTy TNHH Thép Thiên Tâm	: 2 cuốn/kỳ
Phật tử Quảng Mỹ	: 1 cuốn/kỳ
Cô Diệp Anh và Chị Ngân	: 1 cuốn/kỳ
Cô Kim	: 1 cuốn/kỳ
Phật tử Chánh Hiếu Trung	: 1 cuốn/kỳ
Phật tử Bùi Quang Việt	: 1 cuốn/kỳ
Thầy Hạnh Thông, TCPPH ĐN	: 1 cuốn/kỳ
CTy Dược phẩm Phúc Thiện	: 1 cuốn/kỳ
Chị Kiều Oanh	: 1 cuốn/kỳ

Tổng số báo tặng kỳ này: 463 cuốn
Mọi thông tin về chương trình tặng báo đến các chùa, trường, thư viện, trung tâm xã hội..., xin liên lạc: **Tòa soạn, Phòng Phát hành VHPG: (08) 3 8484 335.**
Email: vanhoaphatgiaovnn.vn

Ban Biên tập



Sông Hương - Dòng sông hoa

DIỆU HÀ

Trong rất nhiều vẻ đẹp của dòng Hương, có một nét đẹp góp phần làm nên chiều sâu thăm thẳm của dòng sông khi màn đêm dần buông, đó là hình ảnh những chiếc hoa đăng được thả trên dòng sông mang theo bao lời cầu nguyện, đó là sắc màu rực rỡ của những chiếc thuyền hoa trong các ngày đại lễ. Dòng sông lúc này mở ra trong tâm hồn chúng ta một đời sống khác, hiền hòa, bí ẩn và cũng đầy niềm tin, tình yêu thương.

Trong những truyền thuyết hình thành tên gọi sông Hương, một loài cỏ hoa đã đi vào lịch sử của dòng sông, đó là Thạch xương bồ:

“Ơi con sông xanh màu lục diệp.
Thạch xương bồ vương hương trong rong.
Ai đã uốn những đường cong tuyệt đẹp.
Trên lối về châu Hóa nét thông dong...”

Những xúc cảm của nhà thơ Xuân Hoàng đến nay vẫn làm bao người thổn thức khi nghĩ về nguồn cội của dòng sông Hương.

Bắt nguồn từ đại ngàn Trường Sơn hùng vĩ, qua bao thác ghềnh, và người xưa đã chọn chữ “Hương” để đặt tên cho dòng sông. Một chữ hương xuất phát từ hương thơm của một loài hoa cỏ mềm. Gắn với vẻ đẹp của loài hoa Thạch xương bồ trong truyền thuyết, sông Hương trong đời cũng có những vẻ đẹp của hoa thực. Đó là dòng sông hoa trong các kỳ lễ hội.

Một vùng sông nước sáng bừng trong không khí lễ hội. Huyền thoại sông Hương - chương trình trọng tâm của

Ảnh: Lê Minh Quốc

Festival Huế các năm 2008 và 2010 đã đem đến cho người xem một cảm xúc mới. Cảm xúc lịch sử đan xen cùng các yếu tố tâm linh huyền thoại. Dòng sông Hương đang kể với chúng ta về lịch sử những tên đất tên làng mà sông đi qua, những tên gọi thân thương gắn liền với những địa danh, cảnh quan của vùng đất Huế như Nguyệt Biều, điện Hòn Chén, chùa Thiên Mụ cùng với truyền thuyết “bà mẹ trời” - một truyền thuyết gắn liền với việc xây dựng kinh thành Phú Xuân Huế.

Sông Hương nở hoa. Đó là bảy đóa sen - một tác phẩm nghệ thuật sắp đặt mang đến cho dòng Hương vẻ đẹp gần gũi, bình dị. Đối với người Việt Nam, hoa sen là loài hoa thân quen và gần gũi. Giữa cảnh trời nước trong xanh, bảy đóa sen như bảy nốt nhạc du dương trên sông Hương, hướng con người đến với một vẻ đẹp thiện. Nhìn từ xa, khúc sông này như một bức tranh khổ lớn, bức tranh được vẽ bằng màu xanh của bầu trời, màu xanh của sóng nước và màu hồng của hoa sen. Bảy đóa sen đang hòa mình cùng với dòng chảy sông Hương dưới chân mình, như là sự hiện thân của cái đẹp, của sự an nhiên, tự tại. Đêm thấp sáng bảy đóa sen trên sông Hương là một đêm lung linh của dòng sông. Hình ảnh những vị cao tăng, các em thiếu nhi Gia đình Phật tử, những sinh viên Học viện Âm nhạc Huế cùng hòa lên những lời kinh cầu, những giai điệu của âm nhạc đưa con người đến với cõi thiện, đến với những an lạc, hiền hòa trong đời sống. Bảy đóa sen lung linh tỏa sáng, tạo cho Huế, cho dòng Hương giang một chiều sâu không gian tâm linh thiêng liêng, đem lại cho lòng người một cảm giác bình an, sâu lắng.

Rồi sông Hương cũng thật rộn ràng với lễ hội thuyền hoa nhân mùa vui Phật đản Phật lịch 2554 (năm 2010). 50 chiếc thuyền hoa được trang trí theo nhiều chủ đề về cuộc đời Đức Phật đã tập kết về bến Bìa Quốc Học. Trong tiếng chuông trống Bát nhã ngân vang, hòa trong sự mầu nhiệm của sông Hương mùa Phật đản, 50 chiếc thuyền hoa nối đuôi nhau diễu hành từ bến Bìa Quốc Học, thẳng lên chùa Thiên Mụ, quay về Đập Đá và tập kết vòng tròn trước bến Nghinh Lương Đình để phóng hoa đăng.

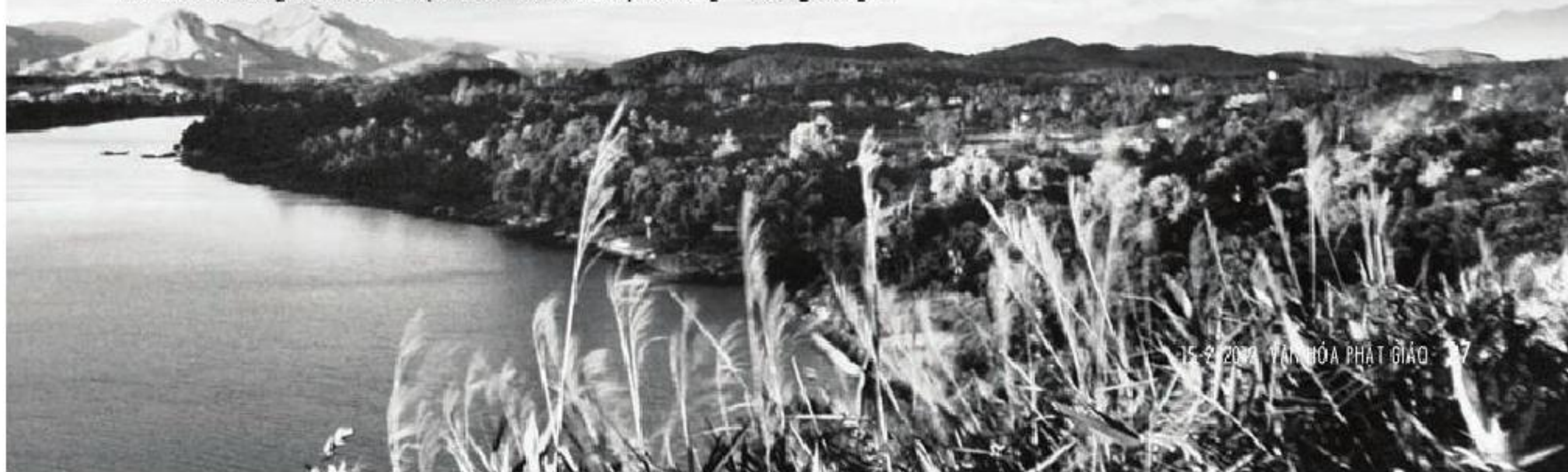
Rồi mùa Phật đản Phật lịch 2555 (năm 2011) về, sông Hương lại mang vẻ đẹp mới. Bảy đóa sen vàng xuất hiện thật hiền hòa trên dòng sông. Như là một lời hẹn, bây giờ mỗi mùa Phật đản về, người dân Huế lại chờ mong những đóa sen xuất hiện trên dòng sông. Hòa thượng Thích Quang Nhuận trụ trì chùa Hiếu Quang cho biết: Trong kinh Phật, hoa sen có bốn màu: hồng, vàng, xanh, trắng. Mỗi năm chúng tôi sẽ làm một màu hoa sen. Đây là công

trình, là tâm nguyện của toàn thể Giáo hội Phật giáo tỉnh Thừa Thiên Huế và bà con Phật tử.

Thuyền hoa trên sông Hương là một vẻ đẹp khác của dòng sông hoa. Như đã thành thông lệ mỗi mùa Phật đản về, Huế thường tổ chức lễ hội thuyền hoa trên sông Hương. Trong màn đêm của dòng sông, những chiếc thuyền hoa được trang trí lộng lẫy nối đuôi nhau rẽ nước. Dòng sông như rộng hơn, sâu thẳm hơn và mang một vẻ đẹp vừa lung linh, vừa huyền bí. Và có điều thật lạ lùng rằng người ta không cảm thấy sợ cái màn đêm huyền bí ấy mà như khám phá thêm một vẻ đẹp của sông Hương mệnh mông.

Vất ngang qua dòng sông, về đêm, cầu Trường Tiền cũng mang một vẻ đẹp khác hẳn ban ngày. Cây cầu thân thiết với người dân xứ Huế hàng trăm năm qua, nay khoác lên mình màu áo mới về đêm cũng khơi dậy một sức sống mới. Dòng nước dưới chân cầu đêm nay cũng đang mở hội vui. Sông Hương vốn ẩn chứa biết bao điều huyền bí nay được tỏa sáng bởi ánh sáng diệu kỳ của các thuyền hoa. Hàng nghìn chiếc hoa đăng đã được thả xuống dòng sông, ánh nến lung linh mang theo những thông điệp của con người về một thế giới hòa bình, an lạc. Dòng sông Hương cũng là dòng sông đăng. Người Huế đã thả những chiếc hoa đăng trên sông với bao lời cầu nguyện. Mỗi chiếc hoa đăng là một lời cầu nguyện. Cả dòng sông nhấp nháy như hàng ngàn vì sao sa trên mặt nước. Có người đã ví von “Hoa đăng trẩy hội trên giòng Hương giang”. Thả đăng trên sông Hương, xin đừng hiểu đó như là một cuộc chơi tiêu khiển thả đèn trên sông, mà đây là một tục lệ mang tính chất văn hóa Huế, tâm hồn Huế. Người Huế có tục lệ phóng sanh phóng đăng trên sông Hương như một lời khẩn nguyện cùng với đất trời từ nay làm lành tránh dữ. Mỗi cánh hoa đăng trên sông là một lời khẩn nguyện dành cho người thân, cho gia đình, cho một ai đó đã khuất. Tất cả là dành cho người khác chứ không dành cho người thả. Vẻ đẹp của tâm hồn Huế sâu nặng là như thế. Trong mọi việc làm, ý nghĩ về người khác luôn là một ý nghĩ hướng thiện và cầu mong bình an.

Sông Hương – dòng sông hoa. Có đến Huế vào những dịp lễ hội thuyền hoa trên sông Hương bạn sẽ khám phá thêm một vẻ đẹp của dòng sông. Loài hoa thạch xương bồ xưa kia đã cho dòng sông hương thơm của nguồn cội, thì dòng sông của thuyền hoa ngày nay đưa con người đi sâu vào khám phá những vẻ đẹp của dòng Hương. Vẻ đẹp ấy cũng là vẻ đẹp từ tấm lòng mà người Huế đặt trọn vào dòng sông. ■





Ý nghĩa một nụ cười

CÀU ĐÁT

Tôi may mắn được sống ở một khu dân cư mới, nhà gần một ngôi chùa mới. Chùa tọa lạc gần một bến xe tấp nập nhưng trong khuôn viên chùa là một không gian quanh năm thanh tịnh. Người bước vào cổng chùa không ai mang theo những tiếng ồn ngoài phố. Tôi thường đến

đây tìm một bóng mát và ngồi đọc vài trang sách. Đôi khi thả bước quanh khu vườn vắng lặng, ngắm nhìn những chậu cây kiểng, những mảng rêu xanh dưới chân tượng Phật; hay băng qua nhìn bầu trời trong xanh bên trên những đợt cây cao vút. Không ít lần, trên đường về nhà, hình ảnh nụ cười trên tượng Phật

cứ lảng vảng trong tâm trí tôi. Tôi chỉ cảm nhận được sự từ bi lan tỏa nhưng chưa hiểu được ý nghĩa kín đáo đằng sau nụ cười ấy. Tôi dặn lòng sẽ chú tâm tìm hiểu. Sáng mồng một Tết, con gái tôi dậy sớm nấu nước, pha trà, lên nhang đèn cho ấm cúng bàn thờ tổ tiên, rồi cả nhà chuẩn bị đi chùa. Hôm nay quang cảnh trong chùa khác hẳn ngày thường. Người đến viếng chùa rất đông. Sân trong đã ngăn đôi, bên phải là lối vào, bên trái lối ra. Người đi xe được hướng dẫn đến chỗ đậu xe, nhận phiếu gửi xe miễn phí. Cách tổ chức thật chu đáo, nhẹ nhàng. Mọi người đều lịch sự, tao nhã. Nếu bên ngoài ngập màu đỏ của cờ xí, khẩu hiệu thì bên trong chùa đâu đâu cũng chỉ một màu vàng êm ả của những chậu mai vàng, chậu cúc vàng, những tấm áo vàng của các sư thầy, những cây nhang vàng tỏa khói nhẹ nhẹ. Nếu ở đâu đó người ta đang chen chúc để được là người đến trước để hái lộc, xin xăm, cầu phúc thì nơi tôi đang đứng là một cõi thanh tịnh hiếm hoi trong cõi trần gian. Không ai phô trương với những cây nhang vòng to tướng, những mâm lễ vật cao ngất. Không ai viết sớ cúng sao, giải hạn, không người khấn thuê, không camera quan sát. Không ai dẫm lên thảm cỏ xanh non, không ai vứt rác bừa bãi, không ai bẻ hoa, vin cành, khạc nhổ. Vào đây không còn ngửi thấy mùi tiền, dù là tiền cúng, chỉ còn mùi nhang thơm tỏa khắp. Không còn nghe ai to tiếng. Chỉ còn tiếng lâm râm niệm Phật. Tiếng chuông thông thả ngân xa làm ta quên hẳn tiếng rao hàng, tiếng micro chất chứa.

Tôi có thói quen đứng xa ngoài đám đông để được nhìn, nghe và suy ngẫm. Chùa thường không có cổng sau nên mọi người đều vào cổng chính. Tôi đã đứng ngắm nhìn những ngôi chùa mà ở đó mọi người đều nối đuôi nhau kể trước người sau, nhưng không mấy ai đi theo đường Phật chỉ. Họ đi theo vòng xoay của kiếp luân hồi... Người nào cũng khấn vái những điều tốt đẹp cho mình, ít ai nghĩ tới người hàng xóm, người thân. Mọi người cầu Trời Phật cho mình tai qua nạn khỏi, tránh điều xấu, tránh nghiệp dữ, nhưng không thích làm việc thiện. Trong đám họ chắc có người chưa hề biết Phật, nhưng khi đến chùa vào ngày đầu năm, họ sẵn sàng bỏ tiền mua chim phóng sanh để lấy lòng đấng Thế Tôn. Sợ Phật không nhìn ra, không nghe thấy, những lời cầu khẩn được khước đại bằng những chữ Phúc, Lộc, Thọ viết "đại tự" màu nhũ vàng trên nền giấy đỏ cho bắt mắt, bằng những cây nhang vòng to tướng, bằng những bó nhang tỏa khói mờ mịt khiến không còn nhận ra chân tướng sinh linh. Người đi lễ chùa đầu năm đến với Phật mà cứ nghĩ như khi đến nhà quan cầu cạnh, cũng mang theo quà cáp, lễ vật. Phật là quan, hai vế bằng nhau của một phương trình nhân sinh ngây ngô khờ khạo. Ngày Tết, người ta đến chùa lạy Phật, sám hối về những điều ác đã làm, ngày thường thì không. Mọi người đều hướng về quá khứ hoặc vị lai, không ai sống cái thời khắc hiện tại, ngay ở nơi này mình đang hiện hữu. Người bạn tôi gặp trong sân chùa kể cho tôi nghe một



cuộc đấu võ đài mới xem tối hôm qua trên ti vi. Võ sĩ người Thái gặp đấu khấn lạy rất thành khẩn dưới bậc cấp trước khi bước lên sàn đấu. Khi lên đài anh ta còn lâm râm vái lạy ở mỗi góc võ đài. Trận đấu bắt đầu không lâu thì anh bị một cú đá vòng đập vào mặt như búa bổ, làm anh ngã té ngất lịm. Bác sĩ liền chạy lên và trận đấu kết thúc.

Nghe xong câu chuyện, tôi hỏi người bạn:

- Phật không có quyền lực siêu nhiên để khen thưởng, trừng phạt ai cả, nhưng tại sao người ta vẫn cứ cầu Trời khấn Phật?

Ông bạn hỏi lại tôi:

- Biết mua vé số không bao giờ trúng, tại sao người ta vẫn mua?

- Ông chưa trả lời câu hỏi của tôi mà.

Người bạn ôn tồn:

- Các tôn giáo thường ví von lời cầu xin ân sủng của Thượng đế như những lá thư gửi qua đường bưu điện. Thư đi lạc địa chỉ là chuyện bình thường.

Tôi cãi:

- Nhưng Phật không phải là Thượng đế, lại càng không phải một vị giáo chủ.

Người bạn hất hàm về phía chánh điện, nơi người ta đang xếp hàng dài lạy Phật:

- Vì vậy Phật lúc nào cũng mỉm cười. Hãy nhìn vào trong kia thì hiểu ngay.

Trước hàng người lớn, đứa cháu ngoại năm tuổi của tôi, xúng xính trong chiếc áo dài màu hồng và chiếc quần mới dài quá khổ đang gập đầu lạy Phật. Người nó cong tròn như con ốc sên. Cháu bé vẫn nhắm mắt, úp mặt giữa hai bàn tay nhỏ xíu, hai bím tóc nhỏ lên như hai cái sừng. Chiếc khăn vành màu hồng nhỏ tí của cháu đang từ từ lăn về bàn thờ Phật trước những cặp mắt tròn xoe của đám đông.

Trên bệ cao, tuy nhắm mắt, nhưng Đức Phật vẫn nhìn thấy. Và Ngài mỉm cười. ■



Nhớ về mái chùa xưa

PHAN MINH ĐỨC

Nằm bên dòng sông Xóm Cửi*, ngôi chùa nhỏ hòa mình cùng thôn xóm, dưới bóng những tán cây lâu năm rợp ràng tiếng chim hót. Nơi ấy có một vị sư già mỗi tháng vài ba lần bơi chiếc xuống con ra chợ: thấy mua thuốc, hoa trái, thức ăn hoặc thợ trai. Ngày ấy việc đi lại không dễ như bây giờ, đường sá gập ghềnh, phải qua nhiều cầu tre, cầu ván, mặt đường lồi lõm gổ ghề, con đường quanh co khúc khuỷu, đến mùa mưa thì bùn sinh lấy lội càng khó đi hơn.

Thuở còn đi học, cứ đến ngày Chủ nhật thì tôi lại cuốc bộ gần bốn cây số đường làng để đến chùa học giáo lý, học chữ Nho, học vẽ và sáng tác văn chương. Tôi học chữ Nho với một ông đồ già cũng là một Phật tử thuần thành, học từ năm tôi 14,15 tuổi, chẳng biết học để làm gì, chỉ thấy thích nên học vậy thôi. Lúc đó

đọc *Minh Tâm Bửu Giám* thấy hay quá, lại thường được nghe bác tôi kể chuyện Tàu, ngâm thơ Đường, biết được nhiều từ Hán Việt, nên tôi rất thích học chữ Hán. Việc biết nhiều chữ Hán giúp tôi tìm hiểu về Hán học và Phật học dễ dàng hơn. Ngày ấy tôi có nhân duyên đọc quyển *Nhị khóa hiệp giải* của Hòa thượng Khánh Anh dịch và một vài quyển sách Phật học của Hòa thượng Thiện Hoa, từ đó tôi ngưỡng mộ Phật pháp lắm. Ít năm sau tôi bắt đầu học Phật qua các sách *Phật học phổ thông*, *Tu tâm dưỡng tánh*, *Tám quyển sách quý* của Hòa thượng Thiện Hoa, *Ánh đạo vàng*, *Những cặp kính màu*, *Thử hòa điệu sống* của cư sĩ Vô Đỉnh Cường v.v. Tôi còn được học nhiều về lịch sử và giáo lý đạo Phật qua những văn thơ đồ vui Phật pháp của thầy trụ trì và ông đồ Phật tử, chẳng hạn như: "Tay cầm dương liễu tịnh bình, tình thương như mẹ độ sinh muôn loài" (nhắc

đến Bồ-tát Quán Thế Âm), “Địa ngục nếu còn tội nhơn, vị nào nguyện độ, làm ơn chỉ giùm?” (nói về Bồ-tát Địa Tạng với đại nguyện: “Địa ngục vị không thệ bất thành Phật, chúng sinh độ tận phương chứng Bồ đề”, nghĩa là địa ngục nếu còn nguyện không thành Phật, chúng sinh được độ hết mới chứng đạo Bồ đề), hay “Người lập bảy mươi hai cảnh chùa, hộ trì Tam bảo là ông vua nào?” (trả lời là vua Lương Võ Đế) v.v.

Người Phật tử già dạy chữ Hán cho tôi sở dĩ được gọi là ông đồ là vì ông dạy chữ Nho cho nhiều người, và vì mỗi năm đến ngày Tết ông ra chợ ngồi viết liễn. Ông giỏi chữ Hán, viết câu đối rất đẹp, lại còn có tài vẽ tranh sơn thủy, làm thơ. Tôi theo học ông vì “mê” tài hoa của ông. Nhà ông gần chùa, ông mở lớp dạy chữ Hán tại chùa cho những ai yêu chữ Hán và muốn nghiên cứu Phật học. Ông là người không gặp thời, nói theo thể gian ông là “tài hoa bạc mệnh”, nếu nói theo đạo Phật thì ông là người kém phước duyên, vì tuy có tài nhưng cuộc đời khó nghèo cơ cực. Bút pháp vẽ tranh sơn thủy của ông có thể nói ngày nay không mấy người sánh kịp, dù ông dùng chất liệu thô sơ, chỉ là bột màu kém phẩm chất vẽ trên giấy, hoặc sơn vẽ lên tường. Ngày nay tuy có nhiều chất liệu tốt, tác phẩm hội họa rực sáng vì màu sắc, khung bao có hoa văn, họa tiết, nhưng hiếm thấy tác phẩm có cái hồn, có sức sống trong đó, nhìn vào người thường thức tranh không thấy một phong cảnh sống động như thật, mà chỉ thấy những hình ảnh chết.

Dưới ngôi chùa nhỏ tôi còn bị lôi cuốn bởi những câu chuyện ngày xưa, truyện cổ Phật giáo, truyện thần thoại Trung Quốc của thầy trụ trì. Bọn học trò chúng tôi thường xúm lại ngồi vây quanh thầy để nghe kể chuyện. Có nhiều truyện dài phải kể mất mấy tuần, chúng tôi cứ hăm hở chờ nghe và để cho trí tưởng tượng của mình phiêu lưu qua từng câu chuyện. Mỗi truyện kể đều chuyển tải triết lý sống, những lời Phật dạy, đạo đức làm người, những điều đó dần dần thấm nhuần trong tâm hồn chúng tôi từ lúc nào không biết.

Thầy trụ trì là người đầu tiên dạy tôi học thiền. Thầy dạy cho tôi pháp thiền căn bản làm cơ sở ban đầu là quán Sổ tức, sau đó là Tùy tức, các pháp này thuộc Ngũ đình tâm quán. Về sau thấy tu theo thiền phái Trúc Lâm Yên Tử của Hòa thượng Thanh Từ, thầy đã dạy tôi pháp môn Trí vọng (biết vọng không theo).

Cảnh chùa ở đây đầy thiền vị, có trăng thanh gió mát, không gian yên tĩnh. Còn nhớ, lúc ấy nhà thờ Tổ (hậu Tổ) của chùa không cần có cửa nhưng vẫn không lo chuyện bị mất trộm. Phía sau nhà Tổ là một mái lá, trong thông với nhà Tổ, ngoài nhìn ra đồng lúa mênh mông. Ban đêm ánh trăng ghé vào bên hiên cùng chúng tôi nghe thầy kể chuyện, có khi cùng thầy đọc sách, xem kinh, tọa thiền.

Ngôi chùa nhỏ đơn sơ thật gần gũi, người dân ở đây không phải ai cũng là Phật tử nhưng đều không khác

gì Phật tử, hiền hòa, thân thiện, kính Phật trọng Tăng, mến chùa làng cảnh Bụt. Mỗi ngày, tiếng trống công phu khuya như gọi người dân thức dậy nấu nước, thổi cơm để chuẩn bị ra đồng hoặc chở rau quả ra chợ bán. Tiếng trống công phu chiều như báo hiệu sắp hết giờ làm việc, kết thúc một ngày lao động.

Những bữa cơm chùa đạm bạc, tuy chỉ là bông súng hoặc rau muống chấm tương, cháo, nắm rơm kho tiêu, rau tập tàng nấu canh đậu hủ... nhưng thật ngon miệng, ăn dễ tiêu, nhẹ cả người.

Những buổi trưa hè đậu xuống dưới bến sông có tán cây rợp bóng mát thú vị biết chừng nào. Gió hiu hiu mát, ngồi đọc sách hoặc nằm thư giãn dưỡng thần thì không còn gì bằng.

Đã mấy mươi năm trôi qua, ngôi chùa quê ngày xưa bây giờ không còn như trước nữa, thay vào đó là ngôi chùa nguy nga đồ sộ sừng sững giữa những mái tranh bé nhỏ hiền hòa. Ngôi chùa vươn cao mình như để che chở cho làng quê. Tuy nhiên, cái không gian gần gũi, thân thiện ngày xưa không còn, dường như có một khoảng cách nào đó khiến cho người dân nơi đây chỉ có kính ngưỡng mà khó tiếp cận, hòa mình. Tôi mừng vì chùa xưa đã có nhiều thay đổi, kiên cố hơn, khang trang hơn, nhưng không biết vì sao tôi cứ hoài niệm về ngôi chùa năm cũ. Dù thấy trụ trì và ông đồ già đã mất nhiều năm, nhưng trong trái tim tôi chư vị vẫn còn sống mãi.

Chú thích:

* - Xóm Cửi: một địa danh thuộc ấp Phú Thạnh, xã Phú Hựu (nay là thị trấn Cái Tàu Hạ), huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp. ■



Câu chuyện một Con Đường...

HOANG PHONG

Đức Thích-ca Mâu-ni là vị Phật lịch sử. Cách nay 26 thế kỷ, Ngài đã khám phá một Con Đường thật độc đáo, đây là Con Đường giúp chúng ta loại bỏ mọi khổ đau và tìm thấy tự do đích thật. Sau khi khám phá Con Đường đó thì Đức Phật, lúc ấy còn rất trẻ, đã hy sinh phần còn lại của kiếp nhân sinh cuối cùng của mình để trở cho chúng ta trông thấy Con Đường ấy bằng ngón tay của chính Ngài. Hôm nay chúng ta là những người đang tu tập bằng cách hướng theo ngón tay của Ngài và bước theo các vết chân của Ngài vẫn còn in đậm trên Con Đường ấy.

Chúng ta chẳng khác gì một đoàn người cùng bước đi trên Con Đường, một đoàn người vô cùng phức tạp: khác biệt nhau về đủ mọi mặt, từ tuổi tác, sức khỏe, văn hóa đến trình độ hiểu biết... Có những người thanh thản và yên lặng tiến bước; có những người bận rộn ngược xuôi nhằm khuyến khích và điu dắt người khác, đến mức đưa cả lưng mình để công người yếu đuối; lại cũng có kẻ chỉ thích đứng ở các trạm đón xe và chờ người đến rước. Ấy là chưa nói đến các cảnh tượng chen lấn và móc túi, hoặc lường gạt và lợi dụng nhau... Hơn nữa cũng có nhiều người không nhìn theo hướng ngón tay để tiến bước mà chỉ loanh quanh tìm kiếm của cải của người khác đánh rơi hoặc vớt bỏ lại, để rồi nào ôm, nào vác, nào đội lên đầu để mà vừa đi vừa vấp

ngã. Lại cũng có cả những đoàn người đi ngược chiều và chúng ta phải nép sang một bên để tránh không đâm sầm vào họ. Nhìn sang hai bên vệ đường, chúng ta cũng sẽ thấy nhiều cảnh tượng thật huyền ảo: nào chợ búa, cửa hàng, nhà hát, sòng bài, kể cả những cảnh lường gạt, đâm chém, bắn giết, bom nổ, nhà cháy, cầu sập..., và cũng có một số người dừng lại để mãi mê nhìn mà trong lòng thì vẫn còn cứ muốn xông vào để tham gia.

Bài viết ngắn này phác họa lại bằng một vài nét thật đơn sơ hình ảnh của Con Đường đó với đoàn người đang lầm lũi bước đi, hầu giúp cho mỗi người trong chúng ta nhìn thấy chính mình trên Con Đường đó để chọn cho mình một cách tiến bước tốt đẹp nhất.

Thật vậy, khi còn tại thế Đức Phật đã từng giảng dạy về Con Đường cho mọi người theo nhiều trình độ hiểu biết khác nhau. Ngài đã giải bày cho những người nông dân chất phác, thế nhưng cũng từng đưa lên một cánh hoa mà không nói một lời nào để giảng về Con Đường ấy cho những người khác. Sự kiện đó cho thấy tuy Con Đường luôn là một, lúc nào cũng là một, nhưng lại mang nhiều sắc thái khác nhau. Vì thế mà Vị Thầy cũng đã phải sử dụng nhiều phương pháp giảng dạy khác nhau. Sau khi Ngài tịch diệt thì Con Đường thay Ngài làm Vị Thầy để hướng dẫn chúng ta, và các đệ tử đã họp nhau lại để cố giữ gìn cho



Con Đường luôn được chỉnh trang và quang đãng. Họ quét dọn rác rưởi, thu dọn chướng ngại và mở rộng thêm, mỗi lần như thế thì lại gọi là một Đại Hội Kết Tập Đạo Pháp. Vì mục đích thích ứng với các trào lưu tư tưởng và các nét đặc thù văn hóa địa phương của từng thời đại và cũng do tánh khí khác biệt của các đệ tử sau này mà Con Đường đã có đôi chút biến dạng, cũng đã khoác thêm một vài trang trí mới khiến quang cảnh có khác đi phần nào. Ngoài những người mặc áo màu nghệ ra thì người ta còn trông thấy trên Con Đường có cả những người mặc áo màu đen, màu lam, màu đỏ sẫm, màu nâu...

Ngay từ lần Kết Tập tổ chức vào thế kỷ thứ III trước Tây lịch, người ta cũng đã thấy xuất hiện hai tông phái khác nhau. Sau đó đến lần Kết Tập vào thế kỷ thứ I sau Tây lịch thì hai tông phái này đã nhân lên gấp đôi, và mỗi tông phái lại gồm có nhiều học phái, tổng cộng là 18 học phái tất cả. Thế nhưng hầu hết các học phái này đã mai một và chỉ còn lại một học phái tồn tại đến nay dưới một hình thức mới gọi là Phật giáo Nguyên thủy hay Theravada. Đồng thời cũng vào khoảng thế kỷ thứ I, người ta cũng thấy xuất hiện trên Con Đường một một khuynh hướng mới gọi là Đại thừa. Đại thừa sau đó lại chia ra thành nhiều tông phái, học phái và chi phái khác nhau, chủ trương nhiều phép tu tập khác nhau.

Tóm lại, hiện nay trên Con Đường có hai khuynh hướng hay hai chủ trương chính yếu là Phật giáo Nguyên thủy Theravada và Phật giáo Đại thừa Mahayana. Sự khác biệt giữa hai khuynh hướng này thuộc vào lãnh vực "thực hành" nhiều hơn, trong khi đó thì "cứu cánh" luôn chỉ là một.

Phật giáo Nguyên thủy còn được gọi là Phật giáo "Nam tông" hay "Tiểu thừa". Sở dĩ gọi là Nguyên thủy bởi vì phần giáo lý căn bản hoàn toàn dựa vào các kinh sách gốc, tức các kinh sách có nội dung cổ xưa và được xem là chính thống,

đấy là Tam tạng kinh. Tuy nhiên cũng khó biết là giữa kinh sách Nguyên thủy và kinh sách Đại thừa thì kinh sách nào xưa hơn, bởi vì tất cả kinh sách bằng chữ viết đều xuất hiện rất gần nhau vào khoảng thế kỷ thứ I trước Tây lịch. Sở dĩ gọi là "Nam tông" vì khuynh hướng ấy sau này được phát triển tại các xứ sở ở về phía Đông và phía Nam của bán lục địa Ấn Độ, gồm các quốc gia như Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan và Campuchia. Thế nhưng trên thực tế thì cách gọi đó cũng không được chính xác lắm, bởi vì trước đây hầu hết các quốc gia này như Miến Điện (Myanmar), Thái Lan và Campuchia đều theo Phật giáo Đại thừa và chỉ sau đó thì mới chuyển sang Phật giáo Nguyên thủy do quyết định của vương quyền thời bấy giờ.

Nếu gọi Phật giáo Nguyên thủy là "Tiểu thừa" thì lại càng không đúng hơn nữa, bởi vì chữ "Tiểu Thừa" được nêu lên trong các kinh sách Đại thừa nhằm mục đích phân biệt với chủ trương tu tập mới của tông phái này; đó là, theo Đại thừa thì việc tu tập không chỉ mong cầu tìm thấy sự giác ngộ cho riêng mình mà còn phải giúp đỡ tất cả chúng sinh khác tìm thấy sự giải thoát. Tóm lại, nếu gọi Phật giáo Nguyên thủy là "Nam tông" hay "Tiểu thừa" thì không được đúng lắm, và nếu như không muốn gọi là Nguyên thủy thì cũng có thể gọi tông phái Phật giáo này là Theravada, tiếng Pa-li *theravāda* có nghĩa là *con đường xưa* hay *giáo lý xưa*. Thế nhưng có những gì khác biệt trên căn bản giữa hai khuynh hướng Nguyên thủy và Đại thừa? Sự khác biệt thứ nhất thuộc lãnh vực kinh sách, sự khác biệt thứ hai là phép tu tập của Đại thừa rộng hơn và có phần nhập thế hơn.

Giáo lý căn bản của Phật giáo Nguyên thủy được quy định bởi các kinh sách xưa hay chính thống gọi là Tam tạng kinh, trong khi đó thì kinh sách của Đại thừa gồm chung cả Tam tạng kinh và cả các kinh sách "xuất hiện muộn", tức là các kinh sách được trước tác từ thế kỷ thứ

I trước Tây lịch đến các thế kỷ thứ V và thứ VI, kể cả các kinh sách tan-tra xuất hiện muộn hơn nữa, vào khoảng thế kỷ thứ VIII đến thứ X. Tuy nhiên tất cả các tông phái đều cho rằng kinh sách thuộc tông phái của mình đều xuất phát từ thời kỳ của Đức Phật lịch sử, bằng cách viện dẫn là Đức Phật thuyết giảng theo nhiều trình độ khác nhau nhằm vào các đối tượng khác nhau, các kinh sách liên hệ được cất giấu để tránh bị mất mát vì chiến tranh và cướp phá và chỉ được tìm thấy khi cơ duyên hội đủ. Thật thế, việc khám phá kinh sách giấu kín thường xảy ra trong quá khứ ở Tây Tạng.

Có thể thấy Phật giáo Nguyên thủy và Phật giáo Đại thừa không phải là hai "học phái" hay "tông phái" khác nhau, mà đúng ra chỉ là *hai thái độ* hay *hai chủ trương tu tập* khác nhau, và cùng tiến bước trên một Con Đường chung. Trên phương diện áp dụng thì Phật giáo Nguyên thủy đòi hỏi người tu hành phải tách rời sự sinh hoạt của mình ra khỏi đời sống thế tục, phải tuân thủ thật nghiêm túc giới luật, nhắc nhở mình luôn phải buông xả và hướng vào thể dạng giải thoát của một vị A-la-hán. Trong khi đó thì Phật giáo Đại thừa nêu lên hình ảnh lý tưởng của một người Bồ-tát nhất định chối bỏ sự giác ngộ tối thượng của mình để lưu lại trong thế giới Ta-bà hầu tiếp tục giúp đỡ tất cả chúng sinh.

Nếu muốn bước vào Đại thừa một cách vững chắc và dễ dàng thì cũng nên có một số hành trang tối thiểu nào đó về Phật giáo Nguyên thủy. Nói như thế không có nghĩa là Phật giáo Nguyên thủy chỉ mang tính cách giai đoạn, mà thật ra tự nó cũng là một tông phái đầy đủ và toàn vẹn. Phật giáo Đại thừa trái lại dù mang một số khía cạnh và thể dạng khá sâu sắc, thế nhưng các phương pháp tu tập thì lại quá đa dạng. Dù sao đi nữa nếu khởi sự bước vào Con Đường với hành trang của Phật giáo Nguyên thủy thì đến một lúc nào đó một sự đòi hỏi khác cũng có thể sẽ tự nhiên phát sinh thúc đẩy người tu tập nên chọn thêm cho mình cách hành xử của Đại thừa. Thật ra thì đây cũng không phải là cách loại bỏ Phật giáo Nguyên thủy khi đã bước được vào Đại thừa, bởi vì sự chính xác và tinh khiết của Phật giáo Nguyên thủy luôn luôn là những gì thật cần thiết cho người tu tập. Nói rõ hơn, Phật giáo Nguyên thủy cũng như Đại thừa cả hai đều bổ khuyết cho nhau.

Thoạt nhìn thì Phật giáo Đại thừa vô cùng phức tạp, đến độ một số người tu tập theo Phật giáo Nguyên thủy có thể cho rằng Phật giáo Đại thừa đi trệch ra ngoài Con Đường. Thế nhưng trên thực tế thì các hình thức "biến đổi" chỉ là một sự tiến hóa giúp Con Đường mở rộng thêm vào thế giới thật đa dạng này của chúng ta và mang lại cho Phật giáo nói chung nhiều khía cạnh mới mẻ và sâu sắc hơn. Phật giáo Nguyên thủy tự cho mình là giữ đúng theo giáo lý do Đức Phật thuyết giảng, thế nhưng thật ra thì cũng đã biến đổi không ít theo dòng thời gian, nhằm thích ứng với các bối cảnh địa phương và các xu hướng khác nhau. Một cách thật tổng quát thì có thể xem Phật giáo Nguyên thủy mang ít nhiều

tính cách "chính thống" khá gò bó và luôn quan tâm giữ đúng theo những gì được ghi chép trong các kinh sách xưa, trong khi đó thì Phật giáo Đại thừa mang nhiều khía cạnh "cởi mở" và mang nhiều tính cách "nhập thế" hơn. Vậy Phật giáo Đại thừa thật sự là gì?

Nếu Phật giáo Nguyên thủy chủ trương hình ảnh tinh khiết của một vị A-la-hán thì Phật giáo Đại thừa đề cao trọng trách của một vị Bồ-tát. Trên Con Đường, nếu tu tập theo Phật giáo Nguyên thủy thì cứ nhìn vào vị A-la-hán trước mặt mà bước theo, nếu tu tập theo Đại thừa thì sẽ cùng sánh vai với người Bồ-tát để hành động như một người Bồ-tát. Hơn nữa ngoài hình ảnh lý tưởng của người Bồ-tát ra thì Phật giáo Đại thừa còn kết nạp thêm đủ mọi thứ thần linh địa phương, hiền hòa cũng có mà hung tợn cũng có; đồng thời vô số các vị Phật cũng xuất hiện thêm. Do đó Con Đường đối với Đại thừa cũng trở nên đông đảo và vui nhộn hơn. Phật giáo Đại thừa gồm có ba tông phái hay ba học phái lớn và chính yếu là Tịnh Độ, Thiền học và Kim Cương thừa.

Thuở xưa tại Ấn Độ có một vị vua giàu có và rất thông minh xuất gia mang pháp danh là Dharmakara; ngài nguyện rằng sau khi thành Phật, nếu có bất cứ chúng sinh nào thành tâm cầu khẩn thì Ngài sẽ tiếp dẫn vào cõi Cực Lạc. Sau nhiều kiếp tu tập thì vị này đạt được sự giải thoát toàn vẹn và trở thành một vị Phật mang tên là A-di-đà, hội đủ khả năng tiếp dẫn chúng sinh đúng như lời nguyện ước trước đây của Ngài. Nếu chúng sinh nào muốn được tiếp dẫn về cõi Cực Lạc sau khi chết thì phải thành tâm kêu gọi đến lòng từ tâm của Ngài. Đây là "pháp môn" Tịnh độ. Thế nhưng cũng cần phải hiểu là Đức Phật A-di-đà còn nguyện rằng "Cho đến khi nào vẫn còn một chúng sinh chưa được giải thoát thì mình vẫn chưa nhập vào cõi Cực Lạc", và đây là những gì cho thấy một cấp bậc cao hơn của Tịnh độ, tức là sự liên kết chặt chẽ giữa lòng Từ Bi và sự Giác Ngộ.

Căn bản giáo lý của Tịnh độ được căn cứ vào ba tập kinh là *Vô Lượng Thọ Kinh*, *A-di-đà Kinh* và *Quán Vô Lượng Thọ Kinh*. Pháp môn Tịnh độ chỉ chú trọng đến đức tin và sự cầu khẩn do đó thường được xem là một phép tu tương đối "dễ dàng". Dẫu sao đi nữa thì phép tu này cũng cho thấy một số trở ngại nào đó không thuận lợi lắm cho việc tìm hiểu sâu xa giáo lý của Đức Phật lịch sử là Đức Thích-ca Mâu-ni.

Thiền tông hay Thiền học còn gọi là *Zen* hay *T'chan*. Thiền tông được một vị thầy người Ấn là Bồ-đề Đạt-ma hệ thống hóa tại Trung Quốc vào thế kỷ thứ VI. Thế nhưng người ta thường có khuynh hướng xem Thiền tông phát xuất từ giai thoại gọi là "niêm hoa vi tiếu" (cắm hoa mỉm cười) từ thời kỳ Đức Phật Thích-ca Mâu-ni còn tại thế. Trong một buổi thuyết giảng, Đức Phật cầm một cành hoa đưa lên nhưng không nói một lời nào, đại chúng ngơ ngác, chỉ có một người đệ tử là Ma-ha Ca-diếp mặt bỗng bừng sáng và mỉm cười. Sự yên lặng của Đức Phật và nụ cười của Ma-ha Ca-diếp biểu trưng cho sự quán nhận hiện thực một cách trực tiếp, vượt khỏi tính cách quy ước

và nhị nguyên của ngôn từ. Do đó người ta xem Ma-ha Ca-diếp là vị Tổ thứ nhất của Thiền tông Ấn Độ và Bồ-đề Đạt-ma là vị Tổ thứ 28 mang Thiền tông vào Trung Quốc.

Thiền tông có thể xem như một phép tu bằng “đường tắt”, và nếu đã gọi là “đường tắt” thì tất nhiên cũng có nghĩa là một con đường “ngắn” và “khó”, và đương nhiên đây cũng là những gì ngược hẳn lại với con đường của Tịnh độ trên đây. Kinh sách đặc thù của Thiền học gần như không có gì ngoài một bộ kinh của Đại thừa nói chung rất gần với quan điểm Thiền tông là bộ *Nhập Lăng Già kinh*, và một số các tập sách khác ghi chép các “công án”. Công án là các câu phát biểu hay các mẫu chuyện ngắn mang tính cách “bất ngờ”, “phi lý” hoặc có thể là các câu trả lời “ngớ ngẩn” hay “lạc đề” nhằm mục đích giúp người tu tập phá bỏ các ngõ ngách của tư duy, vượt thoát khỏi mọi sự lý luận căn cứ vào các thứ hiểu biết bằng quy ước và khái niệm, hầu giúp cho người hành thiền tiến thẳng vào bản chất đích thật của mọi hiện tượng. Sự quán thấy trực tiếp hiện thực ấy chính là sự Giác Ngộ.

Học phái thứ ba của Đại thừa là Kim Cương thừa còn được gọi là Phật giáo Tan-tra, một thừa Phật giáo rất toàn vẹn, bao gồm toàn bộ căn bản giáo lý của Phật giáo nói chung từ Tam tạng kinh đến các kinh sách Đại thừa và quan trọng nhất là các kinh sách tan-tra. Người ta thường hiểu sai và cho rằng Kim Cương thừa là Phật giáo của xứ Tây Tạng. Thật ra thì đây là một tông phái rất lớn, chính thức được hình thành và được hệ thống hóa một cách chặt chẽ tại Ấn Độ vào khoảng thế kỷ thứ VIII, và sau đó thì được đưa vào các nước thuộc phía Bắc Ấn Độ như Tây Tạng, Mông Cổ, Trung Quốc, Nhật Bản..., và đồng thời bành trướng sang các quốc gia khác về phương Nam như Miến Điện, Thái Lan, Campuchia, Nam Dương (Indonesia)..., trước khi các quốc gia này chuyển sang Phật giáo Nguyên thủy. Bằng chứng cụ thể về sự hiện diện của Kim Cương Thừa trong toàn vùng này là di tích đồ sộ của Phật giáo tan-tra tại cự kinh đô Pagan của Miến Điện và ngôi đền Phật giáo tan-tra lớn nhất thế giới là Borobudur tại đảo Java của Nam Dương.

Tan-tra có nghĩa là “những gì che chở cho tâm thức” tức là giữ cho tâm thức vững vàng không bị các thứ xúc cảm bồn loạn, hoang mang làm cho nó bị phân tán. Những gì khác biệt giữa Tan-tra thừa và các tông phái khác chính là phép tu tập độc đáo của tông phái này: đây là cách lợi dụng tất cả các sức mạnh của xung năng trong tâm thức để biến chúng trở thành những sức mạnh tu tập hướng vào sự giác ngộ. Thí dụ, nếu có một gốc cây cho ra những quả đắng và độc hại, thì các tông phái Phật giáo khác cho rằng phải nhổ bỏ tận gốc, chặt bỏ tận rễ khiến cho nó không còn mọc lại được nữa, thế nhưng đối với Tan-tra thừa thì người tu tập phải “nuốt” những quả độc đó để chuyển nó thành nguồn sinh lực tinh túy và cực mạnh để giúp mình hướng vào đường tu tập. Tóm lại, đây có nghĩa là chuyển tất cả sức mạnh của mọi thứ xúc cảm, kể cả những thứ xúc cảm bồn loạn nhất, thành ra sức mạnh

của sự hăng say và trí tuệ. Hơn nữa, phép tập luyện tan-tra còn dựa vào nhiều biểu tượng và nghi lễ thật phức tạp (mạn-đà-la, các câu man-tra, v.v.) do đó tu tập Tan-tra hay Kim Cương thừa phải cần đến sự chỉ dẫn và giúp sức của các vị thầy đầy đủ khả năng.

Trên đây là một vài nét phác họa về Con Đường. Phật giáo Nguyên thủy tượng trưng cho những bước đi thật chủ yếu và vững chắc, do đó rất tinh khiết. Tịnh độ chủ trương những bước đi “nhẹ nhàng”, vì thế cũng có thể sẽ phải cần đến một thời gian khá lâu dài để có thể nhìn thấy mức đến ở cuối Con Đường. Thiền tông là một chủ trương ngược lại và được xem là khá “khó”, phải chủ động được sự vận hành của tâm thức và quán nhận trực tiếp được hiện thực, và do đó cũng có thể đòi hỏi người tu tập cần phải có một vài khía cạnh đặc biệt nào đó phù hợp với phép tu tập này. Sau hết thì Kim Cương thừa tỏ ra toàn vẹn và tích cực hơn cả, thế nhưng rất phức tạp và đa dạng, cần phải có một lòng quyết tâm khác thường và sự hướng dẫn của một vị thầy đầy đủ khả năng.

Trên Con Đường đó lúc nào cũng có những người tu tập vừa đi vừa ngoảnh lại, hoặc vẫn còn thích ngắm nhìn những cảnh tượng đủ loại ở hai bên đường. Có những người khập khễnh phải nương tựa vào nhau mà đi, có những người ngồi xuống để băng bó vết thương cho những người vấp ngã, và cũng có những người đi rất nhanh. Dù sao thì tất cả mọi người trên Con Đường đều có thể bước vào giai đoạn cuối cùng vào một ngày nào đó. Vậy cái giai đoạn cuối cùng ấy sẽ như thế nào?

Càng tiến bước thì Con Đường có vẻ ngày càng trở nên rộng hơn, thênh thang và chan hòa ánh sáng. Thế rồi vào một lúc nào đó, bất chợt người lữ hành sẽ cảm thấy Con Đường biến đổi hẳn đi, tất cả các điểm chuẩn để định hướng hình như đều tan biến hết không còn xác định được đâu là phía trước, phía sau, bên phải, bên trái, bên trên, bên dưới..., vì thế dù có muốn thì người lữ hành cũng không còn bước thêm được một bước nào nữa, và cũng không thể thụt lùi lại được nữa. Người ấy có cảm giác hình như không gian, thời gian, Con Đường và cả chính mình đã trở thành một.

Dù có dùng tâm thức để “quay nhìn lại phía sau” thì người ấy cũng sẽ chẳng thấy “Con Đường” ở đâu cả. Các tông phái trước đây như Nguyên thủy, Tịnh Độ, Thiền tông, Tan-tra... cũng biến mất, hay ít ra cũng không còn đủ sức thu hút nữa, tương tự như các trò chơi bắn bi, đánh đáo hay nhảy dây mà người ấy từng say mê ngày còn nhỏ. Tất cả các hiện tượng đều tan biến không còn tạo ra một sự tương tác nào nữa, các nút thắt của quy luật tương liên đều được tháo gỡ, hiện tượng vô thường và quy luật nguyên nhân và hậu quả không còn gây ra một tác động nào. Sự kiện ấy cho thấy là người lữ hành đang đặt chân lên bước cuối cùng trên Con Đường. Sau cái bước ấy thì chẳng có gì để mà sinh ra và cũng chẳng có gì để mà hủy hoại, tất cả đều dừng lại và đình chỉ. Câu chuyện một cuộc phiêu lưu cũng chấm dứt ở đây. ■

Không biết chính là điều sâu sắc nhất

JOHN TARRANT
TRẦN KHIẾT BÁCH dịch

Thực hành thiền định là một cách thể nhập trọn vẹn đời sống của mình, không một chút dè dặt. Khi thiền định, khi ngồi xuống và ghi nhận mà không đánh giá ta đang làm như thế nào, thì đó là ta tự thể hiện mình cho chính cuộc đời của mình. Trong lúc thiền định, chẳng có điều gì đang đòi hỏi ở ta. Chỉ có mặt ở đây trên cái hành tinh này, chỉ cần kinh nghiệm về cái khoảnh khắc của sự hiện hữu này, chỉ cần kính trọng quà tặng của việc được sinh tồn, là đủ. Và đó chính là một quà tặng, một món quà tặng chỉ đến với mình ta. Ta không cần phải đòi hỏi.

Nếu ta không tự thể hiện mình cho

chính cuộc đời của mình, ta có khuynh hướng đòi hỏi người khác lấp đầy những điều vụn vặt mà với chúng ta sẽ không tự thể hiện được mình. Điều đó chỉ làm phiền người khác. Cho nên tình yêu bắt đầu với việc thực sự tự thể hiện. Và việc thực hành sẽ là sự hỗ trợ. Đó chính là cách không tránh né những điều vụn vặt khó khăn, đau đớn ấy. Đó cũng chính là không tránh né vẻ đẹp và sự diệu kỳ của đời sống, sự tuyệt vời và khả năng của chúng ta trong việc nối kết với người khác. Tình yêu bắt đầu từ đó.

Tuy nhiên chúng ta thường vướng phải một ít những lỗi lầm căn bản. Thông thường chúng ta có ý nghĩ rằng một mối quan hệ cũng giống như một cái máy, một thứ mà chúng ta có thể sửa chữa nếu chúng ta bơm vào đó một loại dầu thích hợp hay thay thế một vài cái bánh răng đúng cỡ. Như thế là chúng ta nghĩ rằng một mối quan hệ chỉ là



vấn đề tính toán tổng số của những điều tốt và điều xấu, những gì chúng ta nhận được và không nhận được.

Nếu chúng ta bắt đầu nhìn nhận về người khác như một món quà, điều này sẽ giúp chúng ta tránh được những cái bẫy ấy. Tôi có một đứa con gái ở tuổi hoa niên và hai bố con tôi rất gần gũi với nhau. Ta nhận ra rằng với một đứa con, ta có mặt mà không đòi hỏi nhiều ở sự đáp trả. Đó không phải là một sự trao đổi; cho điều này, nhận được điều kia. Điều đó cũng có thể giống như vậy đối với tất cả những mối quan hệ khác của ta, với người yêu, với thầy cô giáo của mình, với bạn bè, với những gì ta có. Đó không phải là sự buồn bán. *Bồ đề tâm* là một từ chuyên chở ý nghĩa mong muốn mở rộng cả tâm lẫn trí của ta chỉ vì điều đó là tốt cho cả thế giới này chứ không phải tốt cho ta (mặc dầu nó cũng tốt cho ta). Bồ đề tâm chẳng phải là một điều gì huyền bí; đó chính là một kinh nghiệm nhân văn hết sức cơ bản. Đó chính là một phần thuộc về bản chất của tâm thức.

Mối quan hệ không phải là một sự kiện tách biệt với việc tu tập tâm thức của ta. Chúng ta có dính líu vào một mối quan hệ vì tất cả chúng ta cùng ở trên một con đường. Chúng ta thực hành và ở một mức độ nào đó những mối liên hệ của chúng ta trở thành một phần của việc thực hành ấy. Đó chẳng phải là một thứ gì khác biệt với sự thực hành của chúng ta. Đó không phải là cái điều mà tại nơi kia nó mang lại cho ta hạnh phúc cho nên ta có thể thực hành tại nơi này. Đó không phải là một thứ gì dùng để thuê mượn hoặc giữ cho ta ở yên mà đó chính là một phần của việc thực hành.

Có một vòng cung rộng lớn đối với tình yêu, chính là con đường có cả một vòng cung rộng lớn để tu tập tâm linh. Khi có mặt trên vòng cung rộng lớn ấy, bạn không nói, *"Tôi đã từng cố thực hành thiền định mà không đạt được điều mình muốn; vậy, đó không phải là điều thích hợp với tôi"*. Nếu có tu tập tâm linh trong cuộc đời của mình, bạn thực sự thể hiện mình trong cuộc đời của bạn. Nếu tâm thức của bạn không bình ổn và bất an, thì chính là bạn đang thể hiện mình cho cái tâm thức không bình ổn và bất an ấy của bạn. Nếu bạn ngừng chống đối trạng thái ấy, nếu bạn ngừng suy nghĩ rằng cái tâm ấy phải khác đi, nếu bạn mở lòng ra một chút – dù chỉ là một chút từ tâm vào lòng từ bi mà bạn không thể có trọn vẹn – thì con lừa cũng sẽ bắt đầu trở về nhà.

Bạn không cần phải tài giỏi về cái khoản tu tập ấy. Bạn chỉ cần có một chút tinh thần hướng về sự tu tập ấy, rồi việc thực hành sẽ bắt đầu dạy cho bạn và mang lại cho bạn những quà tặng. Tốt hơn là hãy cứ tu tập tâm linh một cách thực sự kém cỏi thay vì chẳng tu tập gì cả. Thật vậy, tốt hơn là cứ tu tập tâm linh một cách thật sự bết bát thay vì tu tập nó một cách thiện xảo, vì nếu bạn tu tập tâm linh một cách kém cỏi thì bạn có thể học được một điều gì đó, bao lâu mà bạn vẫn còn tu tập.

Cách đây không lâu, vào lúc mẹ tôi hấp hối, tôi vội vã quay về nhà, đến bệnh viện, cầm lấy tay mẹ và ngồi bên mẹ. Buổi sáng hôm sau, mẹ tôi vẫn còn sống, thế là tôi

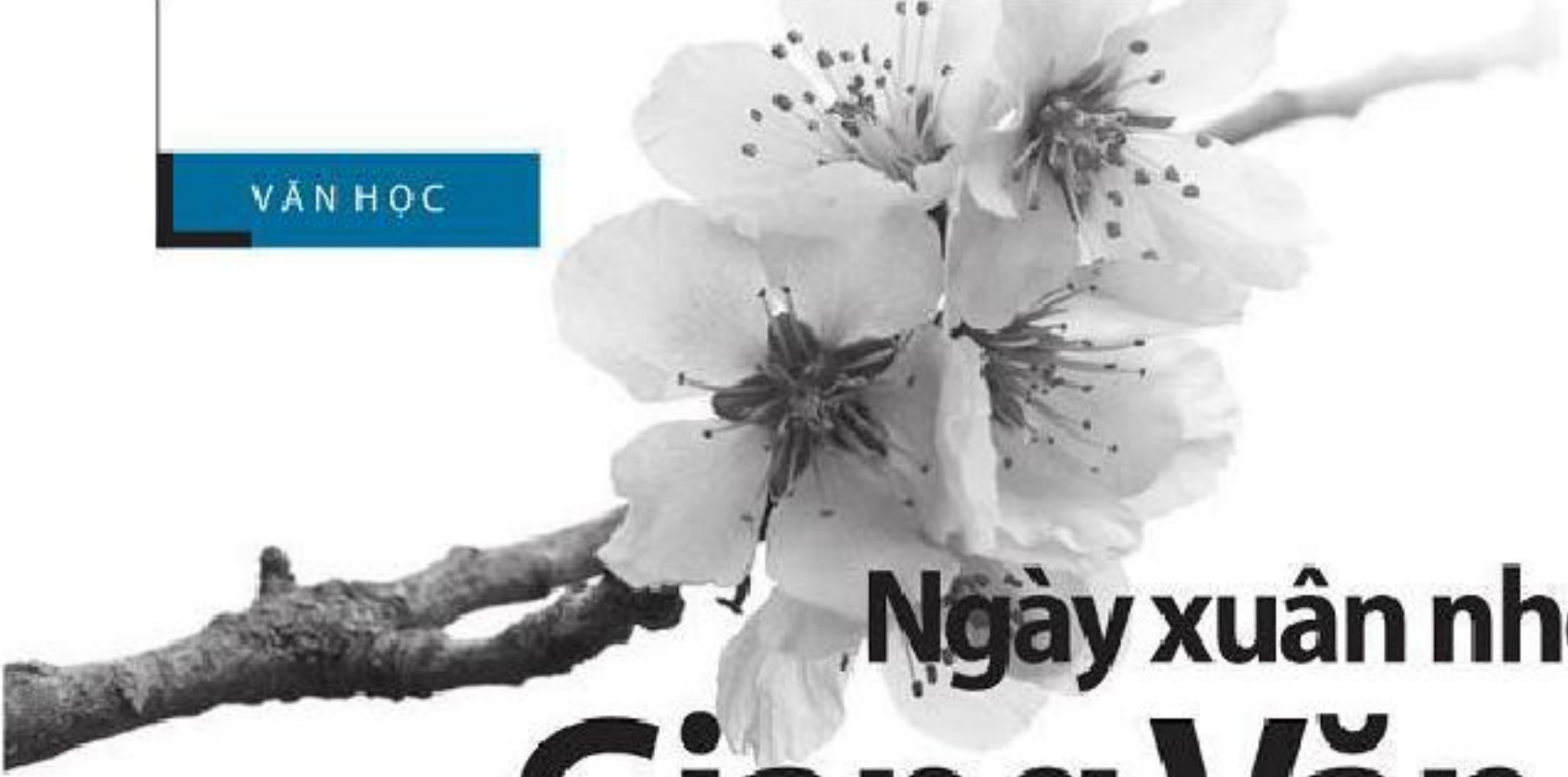
cũng lặp lại những hành động hôm trước. Trong lúc đó thì mấy người chị của tôi thương lượng với các cô điều dưỡng để để nghị họ tăng lượng dưỡng khí; còn cha tôi thì cố gắng khuyến khích mẹ tôi ở lại với thế gian này, bảo bà hãy nên vì ông mà dùng thêm một vài muỗng trứng sữa, nhưng mẹ tôi đã hốt hoảng ngăn ông lại. Riêng tôi, tôi chẳng có việc gì để làm, chẳng có một vai trò đặc biệt nào, và tôi bắt đầu nghĩ rằng có thể như vậy lại là điều tốt. Tôi nghiệm ra rằng khi tôi muốn mọi người trong căn phòng hôm ấy xử sự khác đi, điều đó bắt đầu trở nên khó chịu. "Ba này, hãy bình tĩnh. Con muốn nói rằng mẹ con đang hấp hối. Mẹ con có muốn ăn đâu?" hay, "Mẹ, chỉ vì bố con thương mẹ, bố cố giúp đỡ mẹ và nếu mẹ cố ăn một chút thì có thể cũng tốt hơn chứ". Hoặc, "Này các chị, các chị cứ bình tâm đi. Dưỡng khí bây giờ có giúp được gì cho mẹ nữa đâu?". Tôi có tất cả những suy nghĩ kiểu ta-hãy-cải-thiện-thế-giới-này như thế, nhưng tôi nhận ra rằng khi tôi chẳng làm gì với những ý tưởng ấy, mọi sự đều yên. Người ta làm những việc họ đang làm vì họ cần như vậy. Tôi là ai mà tôi dám nghĩ người ta nên làm những gì? Thông cảm cho việc người ta quan tâm đến nhau tới mức nào thật là một điều tuyệt vời.

Công án của tình huống này là "Không biết chính là điều sâu sắc nhất". Điều gì xảy ra nếu ai đó không thể được cải thiện? Biết đâu, nếu họ từ bỏ hút thuốc lá, họ lại trở thành những kẻ giết người hàng loạt? Vậy, việc không muốn làm thay đổi người khác thì sao? Còn về việc không muốn tự mình thay đổi thì sao?

Chúng ta dành quá nhiều thời giờ để quật roi lên lưng con lừa. Nếu ta dừng việc đó lại, ta có thể thấy rằng ta đang thay đổi theo những cung cách đáng ngạc nhiên, và người khác cũng thay đổi như thế. Hầu hết những dự án nhằm thay đổi người khác hay thay đổi chính mình thực sự chỉ là những dự án trang trí nội thất cho những phòng giam. Thế mà việc tu tập tâm linh thực ra lại là việc phá vỡ nhà giam. Khi bạn tự thể hiện cho chính cuộc đời của mình, bạn muốn dùng phương tiện nào? Có phải bạn muốn mất thời giờ của mình để nói với người khác rằng họ cần phải khác đi?

Tình thương yêu có nghĩa là chấp nhận sự khác biệt của mọi người mà không cố gắng biến đổi họ – không chỉ chấp nhận, chịu đựng, mà còn là coi trọng, hiểu rõ bằng sự thông cảm, và yêu thích tính độc đáo của mọi người. Đây chính là con đường vậy. Nếu như sự việc bạn khác tôi là một cánh cổng chứ không phải là một trở ngại, thì sao?

Tiến sĩ John Tarrant là một vị giảng sư Thiền học đã thực hành theo trường phái Tâm phân học của Carl Jung trong nhiều năm. Ông là tác giả các tác phẩm *Bring Me the Rhinoceros* (tạm dịch: Mang lại cho tôi con tê giác) và *The Light Inside the Dark* (tạm dịch: Ánh sáng trong bóng tối). Ông dự phần vào việc đào tạo y sĩ và nhân viên quản trị tại Duke Integrative Medicine, đồng thời điều hành Pacific Zen Institute. ■



Ngày xuân nhớ cụ Giang Văn Minh

NGUYỄN PHÚC VINH BA

1. Không phải vô tình mà trong những ngày trước và sau Tết Nhâm Thìn tôi cứ lẩn thẩn nhớ hoài đến cụ Giang Văn Minh.

Mấy ngày qua trên TV, những quang cảnh phố phường đón Tết nhộn nhịp tung bùng đều đặn xuất hiện. Đủ mọi lứa tuổi, đủ mọi thành phần, đủ mọi thú vui ào ạt xôn xao chào mừng năm mới. Mọi người đều hớn hờ đón chúa Xuân. Đó là chuyện tự nhiên, hợp tình và hợp lý. Sau một năm làm lụng vất vả, mọi người nghỉ ngơi và hưởng thụ vui chơi theo phong tục dân tộc. Tuy nhiên, bên cạnh đó thì bộ phim *Rừng chấn cát* được chiếu trên kênh VTV1 nói nhiều về các tiêu cực ở Trường Hải Xuân, phê bày rõ sự xuống cấp trầm trọng nền giáo dục của nước ta. Rồi tiếp đến trong các hài kịch *Sớ Táo quân*, những tệ nạn trong ngành giáo dục lại được tổng kết. Hai sự kiện sau cơ hồ là nguyên nhân khiến cho tôi lẩn thẩn như vậy trong ngày xuân.

Phải chăng cái lối dạy qua quýt, cái lối điều hành trường học như nhà của mình, cái chuyện buôn chữ bán nghĩa trong học đường để chạy theo thành tích đó nó xảy ra ở đâu ở đâu chứ không phải ở đất nước Việt Nam thân yêu của chúng ta? Phải chăng nền giáo dục hiện nay đã đi đúng hướng và đào tạo được một đội ngũ nhân lực đủ tài đức để đưa Tổ quốc ngày càng tiến lên? Và phải chăng các nền giáo dục cũ hơn đã đào tạo nên chỉ những người nhai văn nhá chữ, một sách, học để chỉ kiếm chức quan có cơm áo, nuôi vợ con thôi?

Với vài câu hỏi như thế trong đầu, trong những ngày xuân, tôi càng nhớ tới tới cụ Giang Văn Minh.

2. Theo Wikipedia, "cụ Giang Văn Minh (江文明, 1573 - 1638) tự Quốc Hoa, hiệu Văn Chung, là quan thời Hậu Lê. Ông sinh năm 1573, tại làng Kê Mía, xã Mông Phụ, tổng Cam Giá, huyện Phúc Thọ, tỉnh Sơn Tây trước năm 1945 (nay thuộc xã Đường Lâm, thị xã Sơn Tây, Hà Nội). Ông từng đỗ đầu kỳ thi Hội, rồi thi Đình lại đỗ Đình nguyên Thám hoa khoa Mậu Thìn, năm Vĩnh Tộ thứ 10 (1628) đời Lê Thần Tông. Sau khi đỗ đạt, ông lần lượt được bổ nhiệm vào các chức vụ như Binh khoa đồ cấp sự trung (1630), Thái bộc tự khanh (1631).

Ngày 30 tháng 12 năm Dương Hòa thứ 3 (1637), ông và

Thiên đô ngự sử Nguyễn Duy Hiếu được vua cử làm chánh sứ cùng với 4 phó sứ là: Nguyễn Quang Minh, Trần Nghi, Nguyễn Bình và Thân Khuê dẫn đầu hai đoàn sứ bộ sang cầu phong và tuế cống nhà Minh. Đến khi triều kiến, Minh Tư Tông Chu Do Kiếm (tức hoàng đế Sùng Trinh) lấy lý do "Vi lệ cũ không có những quy định cụ thể cho việc sắc phong, do đó trong khi còn chờ tra cứu chỉ ban sắc thư để tường lệ" để ngăn trở việc công nhận sự chính thống của nhà Hậu Lê và việc bãi bỏ công nhận ngoại giao với nhà Mạc.

Đồng thời, Chu Do Kiếm còn ngạo mạn ra cho sứ bộ một vế đối như sau: "Đồng trụ chí kim đài dĩ lục" (Cột đồng đến nay rêu đã xanh).

Câu này có hàm ý nhắc tới việc Mã Viện từng đàn áp cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng, sau đó cho chôn một chiếc cột đồng với lời nguyện: "Đồng trụ chiết, Giao Chỉ diệt" (Cột đồng gãy thì Giao Chỉ - tức Đại Việt - bị diệt vong).

Trước sự ngạo mạn đó, Giang Văn Minh đã hiên ngang đối lại bằng câu: "Đằng giang tự cổ huyết đo hồng" (Sông Đằng từ xưa máu còn đỏ).

Vế đối này vừa chỉnh, vừa có ý nhắc lại việc người Việt đã ba lần đánh tan quân xâm lược phương Bắc trên sông Bạch Đằng.

Vào thời bấy giờ, câu đối này được xem là cái tát thẳng vào mặt hoàng đế nhà Minh trước đồng đảo văn võ bá quan của thiên triều và sứ bộ các nước. Vua nhà Minh búng bùng lửa giận quên mất thể diện thiên triều, bất chấp luật lệ bang giao, đã trả thù bằng cách trảm đường vào miệng và mắt ông, rồi cho người mổ bụng xem "bọn sứ thần An Nam to gan lớn mật đến đâu". Sự việc này xảy ra vào ngày mùng 2 tháng 6 năm Kỷ Mão (1639). Nhưng Minh Tư Tông vẫn kính trọng ông nên còn cho ướp xác ông bằng bột thủy ngân và đưa thi hài ông về nước. Khi thi hài của ông về đến kinh thành Thăng Long, vua Lê Thần Tông và chúa Trịnh Tráng bái kiến linh cữu ông và truy tặng chức Công bộ Tả thị lang, tước Vinh quận công, ban tặng câu "Sứ bất nhục quân mệnh, khả vi thiên cổ anh hùng" (tức là Sứ thần không làm nhục mệnh vua, xứng đáng là anh hùng thiên cổ).

Cụ Giang Văn Minh thọ 65 tuổi và được chôn cất tại Đồng Dưa, thuộc xứ Gò Đông, thôn Mông Phụ, xã Đường

Lâm. Hiện nay, nhà thờ ông còn ở làng Mông Phụ. Ở Hà Nội hiện nay có một con đường mang tên Giang Văn Minh, nối với phố Giảng Võ và phố Kim Mã, quận Ba Đình”.

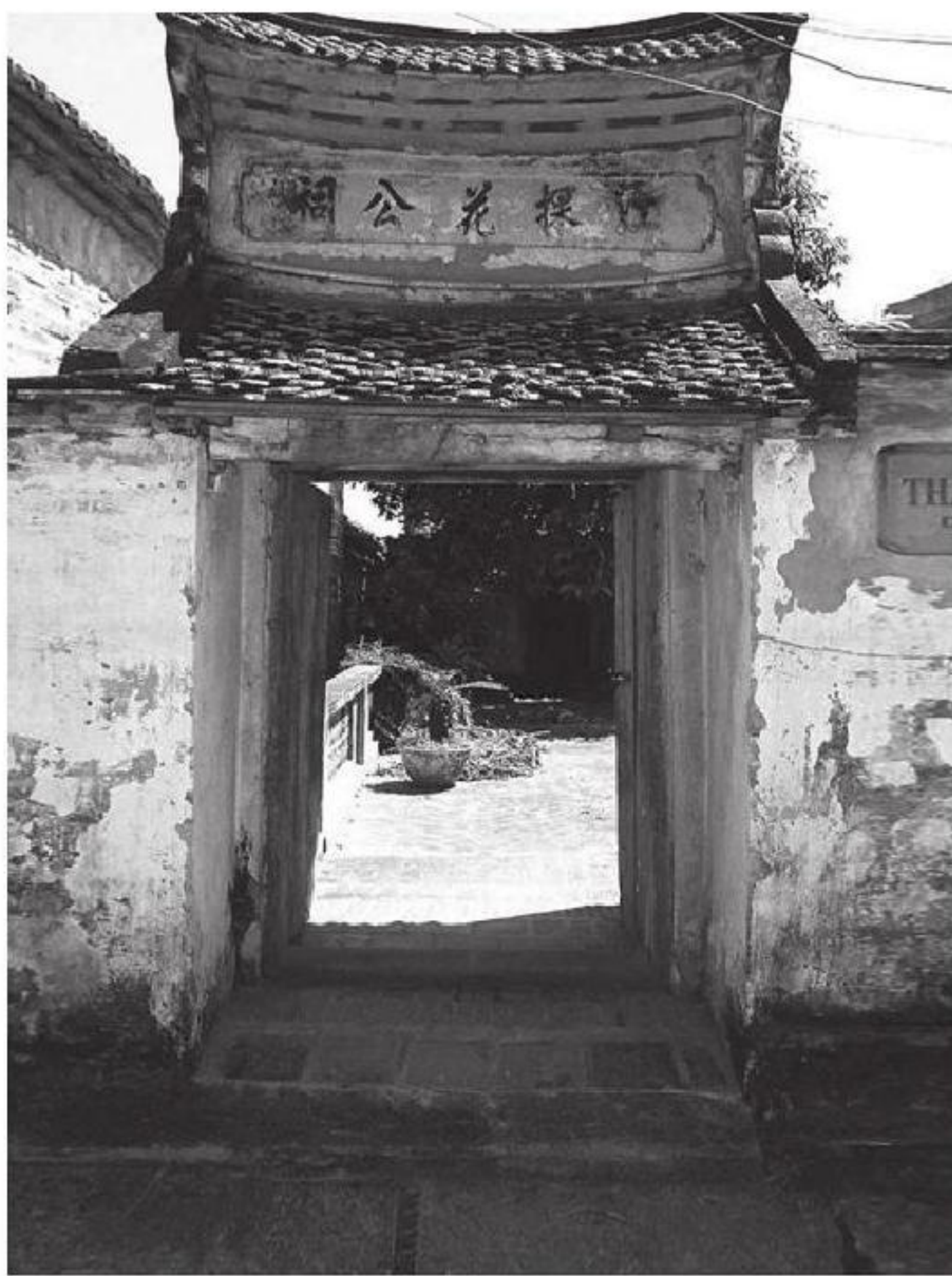
3. Đọc lại hành trạng của cụ, tôi vô cùng xúc động. Những trung thần văn hay võ giỏi và giàu lòng yêu nước như cụ Giang Văn Minh không thiếu gì trong lịch sử nước ta. Một Trần Bình Trọng thà làm quỉ nước Nam còn hơn làm vương đất Bắc, một Nguyễn Biểu ăn cỏ đầu người, làm thơ đòi giặc Minh công nhận chủ quyền cho nước Đại Việt rồi bị chìm nước đến chết, một Nguyễn Tri Phương xé băng nhin đói chịu đau mà chết, một Hoàng Diệu treo mình tự tử vì đã để mất thành Hà Nội, một Phan Thanh Giản nghị hòa thất bại mất Nam Kỳ đành uống thuốc độc để tạ tội với Tổ quốc, với đồng bào... Ôi kìa làm sao cho hết những tấm gương sáng chói lòa thiên cổ như thế trong lịch sử nước ta. Tất cả những đại thần danh tướng này đã tự chọn cái chết vinh mà không đành sống nhục. Điều đáng khâm phục là họ có thể biện ra vô vàn lý do để còn sống mà cũng chẳng ai chê trách họ. Thế nhưng họ cam tuẫn tử để bảo toàn khí tiết. Tôi tự hỏi tất cả những tiền nhân đáng ngưỡng mộ như thế được đào tạo từ đâu ra? Và khí tiết là cái gì mà quí báu đến hơn cả sinh mạng con người?

Theo thiển nghĩ của tôi, nền giáo dục cũ đã hoàn thành xuất sắc vai trò của nó, đã đào tạo nên vô số người con trung hiếu cho Tổ quốc, những con người sở học đã giỏi giang mà đức độ khí tiết lại vô cùng cao cả như thế. Có chăng là một khi xã hội đã tiến hóa thì nền giáo dục phải tiến hóa song cái tinh thần và mục đích của việc giáo dục thì bao giờ cũng thế: Nghiêm túc đào tạo người có tài và có đức làm nguyên khí cho quốc gia xã hội.

4. Tiếc thay, nền giáo dục hiện tại, theo thiển nghĩ của tôi, chưa làm được điều đó. Tài thì còn có một số khá đông người chứ đức độ khí tiết thì e rằng vắng vẻ xiết bao. Xả thân mình, coi thường danh lợi gần như lại càng ít hơn. Thậm chí có người làm sai cũng không có một lời xin lỗi quốc dân đồng bào chứ mong gì từ chức như ở các nước châu Á như Hàn Quốc và Nhật Bản. Hẳn mọi người còn nhớ lần cải cách chữ viết của Bộ Giáo dục ta. Tốn biết bao là tiền của và công sức để đề ra cả thể hệ viết chữ như chông tre. Rồi gần đây, cuộc vận động “Hai không” rầm rộ trên loa đài báo chí. Sau đó là gì? Chúng lạng lẽ rơi vào quên lãng, không một lời cáo phó.

Ngược lại, nạn bằng cấp dỏm ở cán bộ cấp cao, nạn ngổn ngang lớp ở học sinh phổ thông, nạn tốt nghiệp phải đào tạo lại ở đại học, nạn chuyên tu tại chức qua loa,... là những minh chứng cho lối đào tạo cho có việc để làm của ngành giáo dục nước ta. Tôi tự hỏi có bao nhiêu người như thế đang điều hành các cơ quan ở nước ta? Vậy thì nguyên khí quốc gia làm sao đây?

Gần đây, “giáo dục kỹ năng sống” lại được rầm rộ đề cập đến như là một cải cách của nền giáo dục nước ta. Hóa ra, các nền giáo dục cũ không dạy gì người đi học kỹ năng sống thế sao lại có những con người mà nhân cách sống là “Phú quý bất dâm, bần tiện bất dĩ, uy vũ



bất khuất” cao cả và vì dân tộc quốc gia như đã nói ở trên? Phải chăng kỹ năng sống là xoay xở thật tài cho bản thân, uốn éo thật dẻo để tránh bất lợi, lượn lờ thật khéo để lọt rào cản, thỏa hiệp thật giỏi để giữ địa vị,... còn mặc kệ ai ra sao thì ra miễn mình tồn tại?

Nhìn ra xã hội, những con người máu lạnh như Lê Văn Luyện, hoặc kẻ giết người vì bị xin điều thuốc, vì bị chê cái áo, hoặc kẻ hời của nhân thấy người bị nạn, kẻ bắt người đẩy tớ ăn phân,... ngày càng nhiều ra. Vợ giết chồng, chồng giết vợ, con giết cha, cháu giết bà ngoại cũng có nữa mới đáng sợ làm sao. Tham ô những lạm ngày càng biến tướng khốc liệt hơn. Đạo đức luân lý ngày càng sa sút tận trong bệnh viện, học đường, công sở,... Luật pháp gần như không giáo dục được những người làm ác. Vậy, họa chăng chỉ có giáo dục đào tạo nên những con người xem *khí tiết là tài sản quí báu nhất của đời người* thì mới ngăn chặn được làn sóng tội ác này? Họa chăng khi mọi người đều tin rằng “thà đói cho sạch, rách cho thơm” và “sống không thẹn với đất trời” thì họ mới đủ khả năng chống lại sự cám dỗ của tội ác?

Không làm được điều nói trên, có bao nhiêu bộ luật dày cộp đi nữa, xã hội có phần hoa đi nữa, hội sống này cũng chỉ là “biển khổ” mà thôi.

Ngày đầu xuân xin có đôi dòng thay nén hương lòng tưởng nhớ cụ Giang Văn Minh, một trong những con người tìm cái chết để sống mãi trong lòng dân tộc. ■



Huyền thoại Khúc Nghê thường

LÊ HẢI ĐĂNG

Khúc Nghê thường có tên gọi đầy đủ là Nghê thường vũ y khúc hay Nghê thường vũ y vũ. Ở nước ta, Khúc Nghê thường được nhiều người biết đến qua tác phẩm *Thiên thai* của nhạc sĩ Văn Cao. Nó xuất hiện trong khổ thơ: "*Thiên thai chốn đây hoa xuân chưa gặp bướm trần gian. Có một mùa đào dòng ngày tháng chưa tàn qua một lần. Thiên Tiên chúng em xin dâng hai chàng trái đào thơm. Khúc Nghê thường này đều cùng múa vui bấy tiên theo đàn*". Đây có thể coi là khổ thơ hay nhất trong bài *Thiên thai* của nhạc sĩ Văn Cao. Toàn bộ "thế

giới quan" của tác phẩm đều hiển thị nơi bốn câu thơ này. Lạc cảnh "*hoa xuân chưa gặp bướm trần gian*", "*Mùa đào dòng ngày tháng chưa tàn qua một lần*" chắc chỉ có ở cõi Tiên, nơi mà không gian - thời gian chưa phân chia. Và *Khúc Nghê thường* được sử dụng trong bối cảnh đó. Song, đằng sau sự nổi tiếng của tên gọi *Khúc Nghê thường*, âm nhạc, vũ điệu của nó hoàn toàn xa lạ với tất cả chúng ta. Hầu như người thời nay chưa ai từng nghe qua *Khúc Nghê thường* dù chỉ một lần, kể cả tác giả tuyệt phẩm *Thiên thai* bất hủ. Vì, *Khúc Nghê thường* đã bị thất truyền từ hơn nghìn năm về trước.



1. Bối cảnh văn hóa đời Đường

Nhà Đường là thời kỳ xán lạn nhất trong lịch sử văn hóa âm nhạc Trung Quốc. Nhà Đường cai trị đất Trung Hoa gần 300 năm; trong thời kỳ đó, tài lực, vật lực, nhân lực đều tập trung trong tay hoàng thất. Đó là lý do khiến cho nhà Đường có thể triển khai nhiều chính sách đổi mới trên quy mô lớn. Riêng về phương diện văn hóa, đặc biệt vào hai thời kỳ Khai Nguyên (713 – 740) và Thiên Bảo (741 – 755), trên có vị vua tài năng xuất chúng và vô cùng yêu thích nghệ thuật là Đường Huyền Tông Lý Long Cơ, dưới có những nhạc công tài

ba lỗi lạc như ba anh em nhà Lý Quy Niên, Lý Cổ Niên, Lý Hạc Niên, thị thần Hoàng Phan Xước, nhạc công Lý Thị; chưa kể vào đầu đời Đường còn có những nhạc nhân người Hồ như Tào Diệu Đạt, An Mật Nhược, An Mã Cầu; giữa đời Đường có Bạch Minh Đạt, Vương Trường Thông; cuối đời Đường có Uy Trì Chương, Lý Khả, Vi Tùng... Nhân tố con người thêm một chiều kích khác tác động vào việc triển khai chính sách âm nhạc trên diện rộng, từ quy chế Thái thường tự, Giáo phường, Lê viên... cho đến Mười bộ nhạc, Bốn bộ nhạc, rồi ngoài chốn dân gian có Kỳ quán, Tửu lầu (phát triển mạnh hơn vào thời kỳ nhà Tống)... Từ thể chế, hiểu là chính sách, đi đến thiết chế (thiết lập cơ sở vật chất, tập kết nguồn nhân lực, vật lực) đã thúc đẩy hoạt động âm nhạc phát triển. Tới giữa đời Đường, thể chế, thiết chế âm nhạc Đại Đường đi đến giai đoạn chín muồi, hoàn thiện với quy mô hàng chục cơ quan quản lý, tổ chức hoạt động biểu diễn nghệ thuật cho đến tổng số nhạc nhân, nhạc kỹ, nhạc sư... lên tới con số hàng vạn người khiến cho đời sống văn hóa âm nhạc đời Đường cực kỳ xán lạn.

2. Xuất xứ tác phẩm

Khúc Nghê thường vốn là một Đại vũ khúc (hay Đại khúc) nổi tiếng, xuất hiện vào thời kỳ nhà Đường (618 – 896), Trung Quốc. Đại khúc hiểu là tác phẩm nghệ thuật tổng hợp có quy mô lớn viết cho ca, múa và nhạc cụ. Về xuất xứ tác phẩm có khá nhiều giả thuyết khác nhau.

Thứ nhất, tác phẩm này do vua Đường Huyền Tông Lý Long Cơ sáng tác.

Thứ hai, theo “Đường hội yếu”, năm Thiên Bảo thứ 13, vua Đường Huyền Tông cải biên một số nhạc khúc Bà-la-môn du nhập từ Tây Vực (hiểu là Ấn Độ) thành ra *Khúc Nghê thường*.

Thứ ba, Đường Huyền Tông sáng tác nửa đầu tác phẩm, còn nửa sau cải biên từ chất liệu nhạc khúc Bà-la-môn do Tiết độ sứ Hà Tây Dương Kính Thuật cung hiến.

Trong cả ba giả thuyết trên đều có liên quan tới vua Đường Huyền Tông Lý Long Cơ. Tương truyền Lý Long Cơ nằm mơ rong chơi cung trăng nghe thấy tiếng nhạc tiên, các tiên nữ múa trong trang phục sắc màu cầu vồng (nghê thường) làm bằng lông chim (vũ y). Tiếng hát của bảy tiên nữ huyền diệu ưu mỹ, điệu bộ thanh thoát, bay bổng... Sau khi tỉnh giấc, Lý Long Cơ còn nhớ rõ cảnh tượng trong mộng. Ông muốn chép lại khúc nhạc đó để cho nhạc công diễn tấu cùng ca nữ múa. Ông dần dần hồi tưởng lại giấc mơ, rồi lần lượt chép lại vũ điệu, nhạc khúc, thậm chí có lúc thiết triều, Lý Long Cơ còn thủ sẵn một cây Địch bằng ngọc, vừa nghe các Đại thần bẩm tấu, vừa lén bịt lỗ Địch nhằm dò tìm âm điệu. Rồi một lần tới trạm Tam Hương, Lý Long Cơ dõi nhìn ra núi Tiên Sơn xa xăm. Trước cảnh núi non điệp trùng, mây mờ che phủ, ông vua nổi tiếng phong lưu tài hoa nhất trong lịch sử quân vương Trung

Hoa bồng tức cảnh sinh tình, nhớ lại toàn bộ cảnh tượng trong mộng ngày trước. Sau khi trở về, ông sáng tác *Khúc Nghê thường* với kết cấu của một Đại khúc sử dụng cho cung đình. Nhạc công diễn tập nhạc khúc, ái phi Dương Ngọc Hoàn thiết kế phần vũ đạo. Kể từ đó, *Khúc nghê thường* chính thức ra đời và được sử dụng trong các nghi thức quan trọng hoặc yến hưởng (hiểu là tiệc tùng) diễn ra tại cung đình.

Nhà nghiên cứu âm nhạc danh tiếng người Nhật Bản Kishibe Shigeo trong cuốn *Nghiên cứu lịch sử âm nhạc đời Đường*, viết: “*Nghê thường vũ y* là một tên gọi khác của nhạc khúc Hồ Bà-la-môn do Tiết độ sứ Dương Kinh Thuật (trong sách viết là Trung) người Hà Tây dâng biểu vào thời Khai Nguyên”. Cuốn *Bích kê mạn chí* của Vương Chước lại cho rằng: *Nghê thường vũ y* là tác phẩm do “*Tây Lương sáng tác, Minh Hoàng sửa sang*”. Và Kishibe Shigeo có diễn dịch thêm rằng, *Nghê thường vũ y* được sáng tác dựa trên “*tinh thần chủ đạo của việc cải biên tên bài mà thực chất là Trung Quốc hóa Hồ khúc xét về mặt tính chất*”.

3. Cấu trúc tác phẩm

Theo nhà thơ Lý Bạch, toàn bộ tác phẩm *Khúc Nghê thường* gồm 36 đoạn, chia thành ba phần: Tán tự (sáu đoạn), Trung tự (mười tám đoạn) và Phá tự (mười hai đoạn).

Tán tự giống như Khúc đạo đầu, tốc độ vừa phải, tiết tấu tự do. Biên chế nhạc cụ gồm có: khánh, tiêu, đàn tranh, địch độc tấu hoặc diễn tấu thay phiên nhau. Phần này chưa có sự tham gia của ca, múa.

Trung tự còn gọi là Phách tự hay Ca đầu, một bộ phận có tính chất trữ tình, tốc độ chậm, giữa có mấy chỗ thay đổi, chuyển từ tốc độ chậm sang nhanh. Phần này có cả ca, múa, nhạc.

Khúc phá hay còn gọi là Vũ biên, cao trào của tác phẩm. Phần này múa đóng vai trò chủ đạo, âm nhạc dồn dập, tốc độ nhanh, hoạt bát... Tốc độ có xu hướng chuyển từ vừa đến chậm rồi nhanh dần. Sắp kết thúc, tác phẩm chuyển hẳn về tốc độ chậm, không hát chỉ có múa.

Thời gian diễn tấu của đại khúc *Nghê thường vũ y* rất dài, trên cơ sở 36 đoạn trên mà theo truyền thuyết, khi thuyên ra khỏi thành được 15 dặm mới kết thúc phần giữa, khoảng thời gian 1 tiếng.

Về biên chế dàn nhạc, cũng theo mô tả của nhà thơ Lý Bạch trong tác phẩm *Nghê thường vũ y vũ ca hòa vi chi* có: “Linh Long không hầu Tạ Hào tranh. Trần Sùng tất lật Trầm Bình sênh. Thanh huyền xuế quần tiêm tiêm thủ. Giáo đặc Nghê thường nhất khúc thành” (Linh Long chơi không hầu, Tạ Hào gảy đàn tranh. Trần Sùng thổi tất lật, Trầm Bình thổi sênh. Dây đàn trong, tiếng quần giòn, những cánh tay thon nhỏ. Dạy được Nghê thường một khúc xong). Như vậy, theo “*Nghê thường vũ y vũ ca hòa vi chi*” của nhà thơ Lý Bạch, thành phần nhạc cụ của *Nghê thường vũ y* có: không hầu, đàn tranh, tất

lật, sênh, bốn chủng loại nhạc khí. Còn vào thời Văn Tông diễn tấu *Nghê thường vũ y* có thêm khánh ngọc, đàn cầm, đàn sắt, chúc, tiêu. Dù trong *Nghê thường vũ y* không thấy nói tới biên chế dàn nhạc, cũng như diễn viên múa có bao nhiêu người, song tham chiếu với tình hình của các Đại khúc khác thời Đường, biên chế của nó chắc hẳn rất đồ sộ.

4. Kết luận

Suốt hơn nghìn năm qua đã có rất nhiều cố gắng trong việc phục chế nhạc *Khúc Nghê thường*. Nhưng, công việc này không mấy thu nhận được kết quả, ngay vào thời Văn Tông (827), tức sau loạn An Sử khoảng nửa thế kỷ, âm điệu *Khúc Nghê thường* qua công tác phục chế của Phùng Định đã khác nhiều so với nguyên tác. Đến thời Ngũ đại, hậu chúa Nam Đường Lý Dục và Đại Chu Hậu viết lại, bổ sung và âm hưởng đó không còn phản ánh phong khí của thời thịnh Đường huy hoàng. Những mảnh phổ rời rạc mà Khương Quý phát hiện, rồi viết lời cho Phần giữa ghi chép trong tập *Ca khúc Đạo nhân Bạch Thạch* cũng chỉ có lời ca. Ngoài ra, chúng ta cần lưu ý thêm về tình hình ghi chép nhạc phổ đời Đường. Theo mục Phách bản cuốn *Nhạc phủ tạp lục* có đoạn viết: “Phách bản vốn không có bản phổ. Minh Hoàng sai Hoàng Phan Xước sáng chế nhạc phổ. Sáng chế xong lại còn vẽ thêm hai cái tai lên giấy. Hoàng thượng hỏi lý do vì sao? Phan Xước trả lời, miễn là có tai, chỗ không cần đến tiết tấu vậy”. Có nghĩa là, tình trạng ghi chép nhạc khúc đời Đường còn khá sơ sài, chủ yếu dựa vào kinh nghiệm của nhạc nhân. Điều này càng khiến cho việc phục chế nguyên tác gặp muôn vàn khó khăn, đặc biệt là những cái tai biết về khúc *Nghê thường* đã đi vào cõi vĩnh hằng. Mặt khác, so với với những tuyển tập nổi tiếng trước Công nguyên như *Kinh Thi*, *Sở từ* hay “*Ca khúc Đạo nhân Bạch Thạch*” thời Tống liệt kê lời ca trong tác phẩm âm nhạc có cơ sở để phục chế dễ dàng hơn nhiều, vì, khuôn khổ khá ngắn gọn, quan trọng nữa là chúng tồn tại trên cơ tầng của âm nhạc dân gian, len lỏi vào tầng lớp Nho sĩ và được bảo lưu bằng thói quen văn hóa. Tất cả những yếu tố đó có giá trị hỗ trợ nhất định để tìm về nguyên tác. Còn khúc *Nghê thường* vốn là một đại vũ, đỉnh cao tinh hoa của văn hóa âm nhạc cung đình. Sau khi triều Đường chấm dứt vai trò lịch sử, những sản phẩm văn hóa, tinh thần tượng trưng cho giá trị thời đại ấy dễ dàng mất đi. Khuôn khổ tác phẩm càng đồ sộ càng có nguy cơ tuyệt diệt, cộng hưởng với tình trạng văn bản hóa thời đó chưa phản ánh hết những nguyên tố cấu thành tác phẩm. Dù cho truyền thống ghi chép sử biên niên của Trung Quốc đã cung cấp rất nhiều dữ liệu liên quan, cộng thêm thơ ca, truyền thuyết, song tư liệu sống động cũng chỉ cho phép người đời sau có thể phục hồi phần “xác” của *Khúc Nghê thường*, còn phần “hồn” của nó đã mãi mãi tắt lịm trong không gian và thời gian của lịch sử. ■

Tiếng chuông chùa

PHẠM THANH CHƯƠNG

Tôi ngồi trên bậc cửa nhìn xuống khoảng sân đầy nắng, nắng nhuộm vàng trên những hàng cây quanh mộ mẹ tôi, một con chim bay về đậu trên cành mận rồi bay đi, buổi trưa im vắng lạ thường.

Tôi còn ở đây một ngày nữa, mai tôi về thành phố, nơi mà cuộc sống lúc nào cũng tất bật, đầy bụi và tiếng ồn, nhưng biết làm thế nào? Ngày mai dù sao cũng phải trở về. Ở đó, công việc, bạn bè cùng những nỗi lo âu và phiền muộn đang chờ đợi. Đôi khi ngồi nghĩ mung lung, tôi thấy thật tội nghiệp cho mình, đời sống mong manh và sương khói quá! Tôi nhớ chiếc bàn làm việc của tôi, mỗi ngày tôi ngồi đó với chồng thư nơi góc bàn, tôi đọc từng lá thư, trả lời những thắc mắc... và chờ nghe tiếng chuông báo hiệu hết giờ.

"Mỗi người ai cũng có một nỗi buồn", tôi nói với chị tôi như vậy. Buồn vui rồi cũng qua đi, thời gian làm cho chúng ta già cỗi và mỏi mệt. Chị tôi sẽ ở lại đây với mảnh vườn, ao cá cùng những vật nặng quanh quẩn ở đầu nhà. Ngày xưa mẹ tôi đã bỏ cả một đời với bao nỗi nhọc nhằn, cơ cực để gầy dựng. Bây giờ chị tôi sẽ thay chỗ mẹ tôi ngày trước.

Khi mẹ tôi mất, chị tôi đã suy sụp một thời gian tưởng như không làm sao gượng dậy nổi, hàng ngày hầu như chị không ăn gì, người gầy hằn, gương mặt đẹp và phúc hậu của chị ngày nào chỉ còn lại da với xương trông thật thảm hại; không một lời khuyên nào lay động được lòng của chị, thể rồi như một điều kỳ diệu... Trong buổi chiều trên đường hai chị em trở về nhà, chợt nghe tiếng chuông từ ngôi chùa bên kia cánh đồng vọng lại, chị tôi như chợt bừng tỉnh trong một cơn mê dài, chị đứng lại, chấp tay hướng về nơi có tiếng chuông, tôi thấy hai dòng nước mắt chị chảy dài trên gò má... Ngày hôm sau chị tôi quy y.

Nhìn nắng lung linh trên những tàu lá dừa, tôi nghe lòng buồn rưng rức. Tôi sẽ nhớ những ngày đã sống ở đây, nhớ mùi hương cau, nhớ con đường rợp bóng mát từ sáng tới chiều, nhớ cây phát tài nở hoa nơi cổng. Và còn biết bao điều sẽ làm tôi nhớ!

Mẹ tôi nằm đó, yên nghỉ, nhìn ra con sông nhỏ mỗi ngày hai lần nước lớn nước ròng lên xuống. Ngày nào tôi về, mẹ tôi lui cui đun nước cho tôi tắm và lúc nào cũng bận rộn dưới bếp để nấu những món ăn. Bây giờ mẹ tôi nằm đó, thanh thản, không còn vướng bận gì nữa với cuộc đời.

Tiếng gà gáy buổi trưa từ bên vườn đi tôi vọng lại buồn đến nao lòng, tôi nhìn dòng sông nhớ lơ mơ thuở bố tôi còn sống, những ngày đã xa hun hút như



không thể nào nhớ nổi. Hình ảnh bố tôi cao lớn, oai vệ đứng bên lan can cầu ra hiệu cho những người tham gia cuộc thi bắt vịt trên sông. Cuộc thi náo nhiệt trên khoảng sông từ bốn mươi năm trước bây giờ chắc cũng không còn ai nhớ nữa. Chiếc cầu đã được xây lại, dòng sông vẫn hàng ngày chảy xuôi về biển và những người tham gia cuộc thi năm xưa cũng chẳng còn ai. Bố tôi mất, cuộc sống thay đổi từng ngày.

Chiều xuống êm ả, tôi đi bộ chậm rãi qua cánh đồng ruộng lúa, tiếng ếch nhái, côn trùng kêu râm ran trong những đám cỏ dại. Ngày mai tôi sẽ thức dậy sớm để đi chuyến xe đầu tiên về thành phố.

Chị tôi bây giờ là Phúc Huệ, tôi thấy chị vui hơn, thảnh thơi chị nói với tôi về nhân quả, về sự vô thường trong cuộc sống, tôi nghe lòng ấm lại, chị tôi thay đổi cách sống một cách không ngờ. Tôi tự hỏi "Có phải tiếng chuông chùa ngày nào đã đánh thức chị dậy, khơi gợi cho chị một cuộc sống mới, một lối về đầy cỏ hoa, êm ái nhưng cũng đầy những thử thách, chông gai và sương mù phía trước?"

"Ai cũng có một nỗi buồn", có lần tôi nói với chị tôi như vậy. Nhưng đâu có sao, ngày mai trên chuyến xe trở về, nỗi buồn của tôi sẽ vơi đi, có chút gì hiu hắt, nhẹ nhàng như vật nặng của một buổi chiều. ■



HOÀNG TÁ THÍCH

Trở về

Từ xa xưa thiên hạ lúc nào cũng đã giàu nghèo chênh lệch nhau rất nhiều. Nhà giàu dư ăn dư để, kẻ nghèo thì thiếu thốn quanh năm. Tuy nhiên những bi kịch về giàu nghèo ở nước ta từ xưa cũng không đến nỗi như bây giờ ở Phi châu. Có nội chiến ở Lybie mới phanh phui ra chuyện tài sản của Tổng thống Gadhafi đến hơn cả trăm tỷ đô la sau 42 năm làm cha mẹ của dân. Từ chuyện này mới ra chuyện khác, Tổng thống Zimbabwe, vì chỉ mới làm Tổng thống khoảng 30 năm, nên tài sản ít hơn, "chỉ có" chừng sáu bảy chục tỷ. Nhưng nếu tổng thống giàu như thế mà dân chúng khá giả thì không nói làm gì. Đằng này Phi châu đã là cái xứ nghèo đói nhất trên thế giới, mà dân chúng Zimbabwe của Tổng thống Robert Mugabe thì gần như hầu hết đều da bọc xương, đói khổ đến không bút nào tả cho xiết, trong khi cả hai vợ chồng tổng thống thì xài tiền như nước.

Thế giới hiện giờ có trên 6 tỷ dân, nhưng tỷ phú thì chỉ có hàng trăm là cùng. Những tài sản công khai thì cũng chỉ bốn năm chục tỷ như Bill Gates, đã là kinh khủng lắm rồi, chứ đâu có đến hơn trăm tỷ như của ông Gadhafi kia. Không biết những ông vua khác, những ông tổng thống khác của các nước nghèo đói tài sản đếm được bao nhiêu. Tuy nhiên nếu có thì con số người giàu đến bậc tỷ phú cũng không thể là nhiều. Những tỷ phú như Bill Gates, Warren Buffet... giàu có là do tài kinh doanh của họ, không thể nào nói được, nhưng các ông tổng thống kia thì chắc chắn là chỉ có vắt máu của nhân dân ra để làm giàu mà thôi.

Mới đây, tin tỷ phú Bills Gates gác kiếm giang hồ, không thêm lý đến chuyện làm ăn, đã như một quả bom nổ trong giới kinh doanh, nhất là lãnh vực máy điện toán. Cả hai vợ chồng nhà tỷ phú này không phải vì quá giàu có hay quá già mà nghỉ để hưởng thụ; trái lại, cả hai đều còn đang ở tuổi trung niên, nhưng lại muốn để hết của cải và thời gian còn lại cho một công việc cứu nhân độ thế: giúp đỡ các nước chưa phát triển, còn nghèo đói.

Bill Gates là người khôn ngoan thức thời, có một hóm đã nghĩ ra được cái chân lý, là chết trên đồng của cải của mình là một cái chết rất vô duyên, nên cả hai ông bà đã đồng tình cống hiến hết tài sản để giúp đỡ người nghèo: cứu đói, xây trường học, mở bệnh viện cho các nước nghèo khó. Không những thế, cả hai ông bà lại còn để hết công sức và không ngại tốn kém tìm kiếm nguyên nhân gây những chứng bệnh khó chữa ở Phi châu hòng giúp dân chúng thoát khỏi bệnh tật. Đúng là những Bồ-tát của nhân loại. Không chỉ Bill Gates, mà những tỷ phú giàu có khác do hai bàn tay tài giỏi của họ như Rockefeller, như Warren Buffet... cũng có tấm lòng nhân ái, bỏ rất nhiều tiền của của họ vào những quỹ từ thiện để làm công đức. Thực ra, có tiền dư của để, bỏ ra cho bớt những người nghèo, cũng không phải là khó khăn lắm, nhưng đang ở trên đỉnh cao của danh vọng, quyền lực như Bill Gates mà bỏ ngang như thế, chắc trên đời chỉ có một. Không những bỏ ngang mà còn đem công sức ra nghiên cứu những biện pháp giúp đỡ người nghèo khổ mới là khó. Đã ngồi trên cái ngai vàng tột đỉnh mà buông được không phải



Với cát bụi

dễ dàng gì. Như ông Tổng thống Gadhafi chẳng hạn. Nếu ông ta chịu khó ngưng tay để hưởng thụ, thì với đồng của cái đó, mấy đời con cháu sau, có xài hoang phí đến mấy cũng khó mà hết. Trái lại, ông ta còn tham lam, lại muốn thêm quyền lực, muốn khống chế cả đồng euro của Âu châu, còn muốn làm vua của những ông vua khác, nên mới sinh chuyện, để cuối cùng phải sống chui sống nhủi, phải kiếm một nơi nào đó bên Phi châu để xin tỵ nạn mà cũng không được, cuối cùng đành chịu đựng cái chết thảm. Thường nói "nghèo mà ham". Ai nghèo mà chẳng ham. Đẳng này lại là "giàu mà ham". Có lẽ nên thêm một chữ: "giàu mà còn ham" thì mới phải. Đã giàu nứt đổ đổ vách mà còn ham, mới là chuyện lạ.

Cái chuyện giàu còn muốn giàu thêm thì thực ra cũng thường tình. Cái chuyện đang giàu có tốt đỉnh mà từ bỏ được thực khó, và không phải động lực nào cũng đều giống nhau. Lâu lắm, tôi có nghe chuyện một nhân vật cũng rất lạ lùng: ông ta là chủ nhân của hộp đêm Crazy Horse nổi tiếng ở Paris từ những năm năm mươi. Ông này không những giàu có, mà còn là người đã từng kết giao với những nhân vật nổi tiếng trên thế giới thời đó. Đến lúc tuổi già, mặc dù sức khỏe vẫn còn tráng kiện, ông ta tự kết liễu cuộc đời huy hoàng của mình bằng một phát súng vào đầu. Người thân của ông ta cho biết, ông từng thổ lộ là đối với họ, ông ta cho là mình đã đạt đến tột đỉnh của danh vọng, nên không muốn một hôm nào đó, người đời sẽ nhìn thấy ông ta trong hình ảnh một người già tiểu tụy, mất hết quyền lực. Có thể ông ta cũng thấy

được cái vô thường của cuộc đời, nhưng cái động lực để từ bỏ danh vọng của ông ta cũng chỉ là kết quả của lòng kiêu ngạo và ích kỷ của mình, không đem lại ngay cả cho cuộc đời của chính ông ta một chút ý nghĩa nào. Lại có những người khác, trước khi chết, mới cố gắng tài sản cho các tổ chức từ thiện, vì chẳng biết để lại cho ai. Cũng vẫn là một chuyện dễ dàng. Tất cả đều khác với Bill Gates. Nhà tỷ phú này có đến ba người con, nhưng chỉ để cho con cái một ít tài sản để lập thân mà thôi. Ông là người đã ngộ ra cái lẽ vô thường của nhà Phật và đã làm cho đời sống của ông có ý nghĩa cao quý bằng cách đem hạnh phúc đến cho kẻ khác. Tóm lại, một chữ "buông" đơn giản không phải là đơn giản. Hiểu là một chuyện, làm được là một chuyện khác.

Lịch sử có ghi lại câu chuyện về Ngài A-lich-sơn đại đế, một vị hoàng đế nổi tiếng quyền lực nhất của vương quốc Macedonia ở Âu châu trước Thiên Chúa giáng sinh: Trước khi qua đời, ngài ra lệnh cho quần thần phải thực thi ba điều trong đám tang của ngài: Thứ nhất là hai bên quan tài phải khoét hai cái lỗ vừa đủ hai bàn tay ra ngoài. Thứ hai là tất cả quan ngự y đều phải khiêng quan tài của ngài. Thứ ba là vàng bạc châu báu phải được rải cho dân chúng trên lộ trình đám tang của ngài.

Ấy là để cho người đời thấy rằng khi chết, thì một người đầy uy quyền, giàu có như ngài thì cũng chỉ còn hai bàn tay trắng. Đã đến lúc phải ra đi thì có bao nhiêu bác sĩ tài giỏi cũng không làm gì được. Và sau cùng, của cải đã không mang theo được thì còn cất giữ làm gì. ■



Cuộc gặp

không định trước

HÀ THỊ HẠNH

Vào khoảng giữa năm 1967, tôi được phân công về thành. Để dễ bề công tác, tôi đến xin giúp việc và giữ em cho một gia đình làm nghề thâu khoán, gần ngã ba Chú Ía – Gò Vấp. Gia đình đó chỉ có hai vợ chồng và một đứa con độ 12 tháng tuổi. Ông chồng khoảng 40 tuổi, bà vợ suýt soát tuổi tôi. Tôi khai với họ là tôi ở quê lên, nhà nghèo lắm, chỉ mới học hết vỡ lòng. Có lẽ thấy tôi cũng hiền lành nên họ nhận lời cho vào ở.

Những ngày ở đây, tôi không được liên lạc, tiếp xúc với gia đình, phải cắt đứt mọi quan hệ bạn bè, người quen cũ. Điều này làm tôi cảm thấy cô đơn, khổ sở vô cùng. Nhìn vào bản đồ thành phố chẳng chịt (phải lên coi khi không có ai), tôi như nhìn thấy đâu cũng là nhà của anh, chị tôi, đâu cũng là con đường tôi đi học, đâu cũng là ngôi trường nơi tôi có bạn bè thân thiết. Thèm được xem một tờ báo, nhưng tôi cứ giả bộ ngây ngô lật qua, lật lại coi hình và cứ bị cô chủ lên lớp: “Sao hối nhỏ làm biếng không chịu đi học cho biết đọc chữ với người ta...”. Cô chủ đâu biết tôi còn học trên cô ta mấy lớp nữa.

Một hôm, được lệnh của tổ chức đến liên lạc với một cơ sở, tôi phải nài với gia đình chủ lý do là có người bà con ở dưới quê lên bị bệnh phải đi thăm. Họ cũng tốt bụng và chỉ cho tôi đường đi nước bước thật cận kề. Họ đâu biết rằng đường phố Sài Gòn lúc đó tôi rành sáu câu, vì hồi đi học tôi vẫn hay đạp xe lang thang. Hôm ấy là một ngày trời đầy

mây đen, trận mưa vào lúc ban trưa kéo dài suốt mấy giờ liền, đường xấp xỉ nước (chứ không thành ao như bây giờ). Chiếc xe lam tôi đang đi khá đông khách, là ì ạch chạy chậm như rùa vì chờ nặng và vì nước mưa. Và chính vì chạy chậm như vậy tôi mới có dịp nhìn ngắm những con đường xưa. Tim tôi như se lại, khi chiếc xe lam chạy gần trường cũ – trường Lê Bảo Tịnh trên đường Trương Minh Giảng. Cũng từ ngôi trường này tôi bỏ đi vào kháng chiến, và cũng nơi đây tôi có một tình bạn đẹp – đẹp vô cùng. Khi tôi vào học ở đây được mấy ngày thì một bữa nọ, có một cô gái trẻ, có lẽ nhỏ tuổi hơn tôi, mặc chiếc áo trắng ngắn tay với chiếc váy dài màu xanh dương, xách chiếc cặp đen, ngập ngừng bước vào bàn ngồi cạnh chỗ tôi. Bạn ấy tên Hồng. Hồng có vẻ con nhà giàu, trông rất dịu dàng xinh xắn, nói năng nhỏ nhẹ và điềm đạm. Chúng tôi trở thành đôi bạn thân. Hồng thường đưa tôi về nhà, cách trường không xa lắm. Đó là ngôi nhà nhỏ nhỏ trong một con hẻm sạch sẽ yên tĩnh, trước sân có trồng hoa và một giàn bông tím tím. Mẹ Hồng thuộc mẫu người phụ nữ đảm đang, dịu dàng, phúc hậu và có dáng vẻ quý phái. Bà rất ân cần mỗi khi tôi ghé chơi. Hồng có một người chị tên Cúc, lớn hơn tôi một tuổi và đang học Văn khoa Sài Gòn. Tuy không gặp chị Cúc thường, nhưng giữa ba người chúng tôi gắn kết một tình bạn đậm thắm. Theo chương trình học, chúng tôi phải học một lúc hai ngoại ngữ Anh và Pháp. Tiếng Pháp thì tôi cũng đỡ đỡ nhưng tiếng Anh thì dốt như me vậy, Hồng thì ngược



lại. Mỗi lần thấy ra bài tập tiếng Anh, bạn ấy rất tế nhị, hỏi mượn tập tôi, nhưng thật ra là để sửa bài cho tôi. Những chiều mưa lâm râm, chúng tôi thường thả bộ đi trong mưa, khi về đến gần nhà bạn ấy, tôi mới phóng xe đạp về tận Gò Vấp. Có một buổi chiều tan học, mưa tầm mưa tã, tôi phải ở nán lại. Nhiều đứa có xe nhà đến đón, hoặc vẫy taxi đến tận cổng để về nhà. Nếu không có tôi, có lẽ Hồng cũng đi taxi như mấy bạn, nhưng tôi còn ở lại thì bạn cũng chưa về. Đợi mãi, đợi mãi, mưa mỗi lúc càng già, trời mỗi lúc càng tối. Hồng mượn tôi quyển vở, nhanh chóng nhét mấy tờ giấy bạc vào, hấp tấp bước ra cửa rồi quay đầu lại nói với tôi: "Bạn đi taxi về đi, để xe đạp ở trường, mưa này lạnh lắm, bệnh đó". Bạn ấy băng trong làn mưa và chui ngay vào chiếc taxi đỏ xích trước cổng trường. Tôi bất thần nhìn mấy tờ giấy bạc hai mươi đồng kẹp trong quyển vở mà xúc động trước sự quan tâm tế nhị của bạn mình. Rồi cũng một chiều mưa (sao đời tôi trong những tình huống đáng nhớ nhất cũng là chiều mưa vậy), khi nghe tin trong lớp xì xào bàn tán là mật vụ lên văn phòng trường tìm tên tôi. Tôi biết là mình không thể ở lại học được nữa rồi, vì lúc đó tôi có giúp chị tôi phát tán truyền đơn về lời kêu gọi của Mặt trận Dân tộc Giải phóng. Tan học, mọi người ra về, trong lớp chỉ còn tôi và Hồng, tôi cho biết bắt đầu từ ngày mai, tôi sẽ không đi học nữa. Còn đi đâu thì tôi cũng không biết, vì điều này hoàn toàn không tùy thuộc vào tôi mà thuộc vào tổ chức của chị tôi quyết định. Chiếc khăn mùi xoa trắng tinh có thêu

một đóa hoa hồng của bạn tôi đắm nước mắt. Sự chia ly sao quá đột ngột và buồn đến thế. Cổng trường sắp khép, chúng tôi phải ra về. Tôi cất kỹ chiếc khăn tay thấm đắm nước mắt của bạn tôi (mà tôi không giặt) trong chiếc ba lô con cóc, nó đi theo tôi trên mọi nẻo đường kháng chiến suốt một thời gian dài...

Giờ đây đã hơn ba năm rồi. Đây, ngôi trường đầy kỷ niệm. Chiếc xe lam dừng bên lề đường đầy nước mưa để đón một người khách đang vẫy tay. Tôi ngồi gần phía ngoài, một tà áo dài tím tím của một cô gái mảnh dẻ thon thả, tóc uốn xỏa ngang vai bước lên xe và len lỏi vào chỗ ghế trống phía trong. Trời ơi, tôi không ngờ đó chính là người mà tôi vừa nhắc đến. Tim tôi muốn tắc nghẹn. Gặp hay không gặp!? Nhìn nhau hay không nhìn!? Suốt chặng đường, tôi cứ đấu tranh với ý nghĩ ấy và cuối cùng tôi gọi bác tài dừng xe lại, tôi xuống xe trước cửa chợ Trương Minh Giảng. Vài hành khách cũng lục đục xuống xe. Trời ơi, có cả chiếc áo dài tím tím đó nữa. Tôi vội vàng trả tiền rồi lúi nhúi nhanh, nhưng người đó đã đến sát bên lưng tôi, tôi không còn trốn đâu được nữa, chúng tôi sững sờ, nước mắt rưng rưng chực tràn ra. Không thể đứng giữa đường mà nói chuyện được, tôi đành phải đưa Hồng về nhà một người quen gần đó. Qua câu chuyện, tôi biết được Hồng đang học khoa Văn trường Đại học Vạn Hạnh, chị Cúc thì đã học xong Đại học Văn khoa và đang chuẩn bị sang Ý du học. Còn tôi, tôi chỉ nói về mình một cách mơ hồ, còn dặn đừng được kể cho ai biết chúng tôi gặp nhau. Trước khi chia tay, bằng một giọng run run Hồng hỏi: có được nói cho chị Cúc về việc gặp tôi không, và chừng nào chúng tôi sẽ gặp lại nhau. Bạn tôi bao năm rồi vẫn luôn là một con người chân thật, trung hậu biết bao! Còn tôi thì luôn tránh né, giấu giếm khi nói những điều về mình – đó là nguyên tắc khi hoạt động bí mật. Khi nghe bạn hỏi chừng nào gặp lại nữa, tôi xót xa buồn vô hạn. Sinh mệnh và mong muốn của tôi không còn do tôi quyết định. Tổ chức điều đi đâu, tôi đi đó, kể cả vào chỗ chết. Cuộc gặp gỡ này cũng có thể là cuộc gặp gỡ cuối cùng, bởi vì đường đời mỗi người mỗi ngã. Cuộc chiến này còn dai dẳng ác liệt lắm, ngày hòa bình chỉ có trong giấc mơ thôi.

Nhưng rồi gần tám năm sau, tôi đang hoang trở về thành phố thân yêu với tất cả niềm vui rộn ràng. Tôi đã đến nhìn ngôi trường cũ, tôi đến tìm ngôi nhà nho nhỏ có giàn hoa tím tím với bao nỗi hồi hộp xao xuyến. Nhà cửa phố xá giờ đây đã thay đổi quá nhiều. Tôi đi tìm và hỏi thăm, đâu đâu cũng nhận được cái lắc đầu. Tôi quay trở ra đầu ngõ ngẩn ngẩn, ngơ ngơ. Tôi nghĩ có lẽ gia đình Hồng đã đi hết ra nước ngoài rồi, vì gia đình bạn ấy thuộc loại khá giả, Hồng có người anh ruột là phi công.

Tôi viết lên những dòng chữ này thì câu chuyện đã lùi về hơn bốn mươi lăm năm rồi. Tôi không biết Hồng có còn nhớ cái chiều mưa vào tháng 9-1964 và cuộc gặp không hề hẹn trước cũng vào một chiều mưa giữa năm 1967 trong hoàn cảnh trái ngang đó không. Chứ còn tôi, tôi vẫn giữ mãi những hình ảnh ấy trong tim của mình. ■



Lên chùa **hái lộc ngày xuân**

HOA XUYẾN CHI

Trong truyền thống văn hóa tốt đẹp của người Việt Nam ta, hái lộc ngày xuân là một việc làm có ý nghĩa nhân văn sâu sắc. Với những người dân quê tôi, không thể hái lộc ở đâu cũng được mà phải lên chùa, thành tâm thắp một nén nhang, cúi lạy và thầm nguyện những điều tốt đẹp trước khi đưa tay hái một cành lộc biếc, trong ánh nắng ấm áp của buổi sớm mai tinh sương. Từ lâu, nhiều người có quan niệm rằng những cành lộc biếc non xanh được hái đúng thời khắc đẹp đẽ của mùa xuân luôn có một ý nghĩa đặc biệt quan trọng, như báo trước một năm mới nhiều tài lộc.

Những ngày còn bé, tôi luôn theo nội lên chùa hái lộc ngày xuân. Chùa làng nằm lặng lẽ và yên bình bên con đê dài, gần cổng làng, dưới những tán cây đa, cây si, cây dưới cổ thụ. Nhiều người dân trong làng cũng rủ nhau lên chùa hái lộc. Hoàn toàn chẳng nhiều nhận gì, mỗi người chỉ cần tận tay ngắt một cành cây nhỏ với vài chiếc lá non, dăm nụ chồi bé xíu đang nhú lên, rồi giữ gìn, rồi nâng niu, rồi nhìn ngắm, rồi chấp tay nguyện ước một điều gì đấy cho riêng mình và cho người thân, trước đôi mắt hiền từ thăm thẳm bao dung của tượng Phật Quan Âm, trong bảng lảng mùi hương trầm thơm ngát nơi đại điện. Cành lộc đó sẽ được đem về, được cài lên hay đặt vào một chỗ nào đó trang trọng trong nhà, như bàn thờ gia tiên chẳng hạn. Vì còn bé, tôi thường được nội "công kênh" lên vai để bàn tay nhỏ xíu của tôi được ngắt nhẹ một cành lộc biếc xanh non. Nội thường kể cho tôi nghe những câu chuyện về mùa xuân, về ý nghĩa của những cành lộc biếc này. Nội bảo, khi hái lộc, phải nhẹ nhàng và luôn thì thầm tâm sự với cây trước khi hái để cây không bị đau. Cây cũng như con người, mỗi cành lá, lộc biếc, mầm xanh đều là máu thịt; nhưng vì con người, cây đã hi sinh một phần thân thể mình để đem lại hạnh phúc, điều may mắn cho người. Nghe nội nói, thú thực, tôi chẳng hiểu gì, chỉ luôn tay mân mê những lộc biếc mình hái và thỉnh thoảng ngheh cổ lên hỏi, sao cây lại biết đau, như người, hả nội?

Thời gian trôi qua, tôi lớn dần còn nội lại già đi nhưng việc hái lộc ngày xuân thì không bỏ được. Nó đã là một thói quen đẹp đẽ của hai bà cháu suốt nhiều năm dài. Khi ấy, cũng buổi sớm mùa xuân mơ màng hơi sương trên con đê làng, tôi dắt nội lên chùa giữa mùi cỏ non mơn man như sữa và dưới tiếng gió rì rào khe khẽ của hàng phi lao. Mùa xuân phương Bắc luôn có những nét khác biệt và rất dễ nhận ra với các khoảng thời gian khác trong năm. Đó là hương vị thơm tho của cỏ cây, hoa lá



hòa quyện, ngây ngất trong ánh nắng dịu dịu nhiều tâm trạng. Bây giờ, tôi cao hơn còn lưng nội lại còng đi. Thế là, tôi dịu tay để nội hái những cành lộc biếc nhỏ xíu, ở bên sân chùa. Hái xong, cũng như bao lần đã qua, nội lại lẩm rẩm khấn chú vị Bồ-tát phù hộ cho con cháu được nhiều tài lộc trong năm. Còn tôi, dù đã cao lớn nhưng vẫn luôn lơ ngơ trước những thời khắc thiêng liêng, nhất là khoảnh khắc giao thoa của đất trời, vạn vật.

Bây giờ, tôi đã ở rất xa quê, xa gốc cây cổ thụ với những cành lộc biếc quen thuộc nơi cửa chùa ngày xưa. Mùa xuân, mấy người bạn hàng xóm cũng hẹn nhau lên chùa, đi hái lộc. Chẳng hiểu sao, tôi lại thấy buồn. Phần vì nhớ nội lúc sinh thời, phần vì bây giờ người ta hái lộc nhiều quá, nhất là những người trẻ. Có những cây to với cành lá sum suê chỉ sau một đêm đã tả tơi vì những người đi "hái lộc". Những bài báo, những phóng sự về tình trạng chặt phá cây xanh ở công viên ngày một nhiều sau mỗi dịp Tết. Lộc bây giờ không chỉ là những cành cây nhỏ với dăm chiếc lá non mới nhú như tôi vẫn hái ngày xưa mà là cả những cành lớn một người ôm không hết. Phải chăng nhiều lá thì mới nhiều lộc hơn?

Hòa chung trong dòng người kẹt cứng, tôi cũng len chân đến một gốc cây to của ngôi chùa bên đường để hái lộc. Nhưng tôi chỉ đưa tay bàn tay chai sần của mình chạm vào thân cây, rồi vươn những ngón tay ra mơn man trên chồi biếc, khe khẽ thăm nhủ, "chồi biếc ơi, hãy cứ ở yên trên thân cây để mang lại may mắn và hạnh phúc đến với tất cả mọi người, trong đó có tôi!". ■

Mưa xuân

NGUYỄN VĂN VŨ

Chị ơi em nhớ những ngày xưa
Dưới mái chùa yêu rợp bóng dừa
Hai chị em mình đi lễ Phật
Những hôm trời nắng những ngày mưa...

Những dạo xuân về với gấm hoa
Những lần nắng ấm rêu ven nhà
Tim em chị rủ “đi chùa nhé!”
Em nhòe miệng cười chẳng nói ra...

Rồi những năm dài vẫn lặng trôi
Chiều kia giông tố phủ ngang trời
Tim em chị vội hôn lên má
“Chùa nhớ từ nay vắng chị rồi!”

Em hôn em trách cả trời cao
Không nói chia ly, chỉ ghen ngào
“Chị ơi mai một về quê cũ
Nhớ trả cho em một thuở nào!”

Từ đây mỗi lần đi lễ Phật
Mỗi lần hè hội mỗi lần xuân
Mỗi lần trải lộc bên chùa cũ
Mỗi nhớ nhung về mỗi bước chân

Chị ạ mùa xuân đã đến rồi
Đường xưa giăng mắc hạt mưa rơi
“Mưa ơi mưa khóc thay ai đó
Tôi thấy trong mưa bóng một người...”

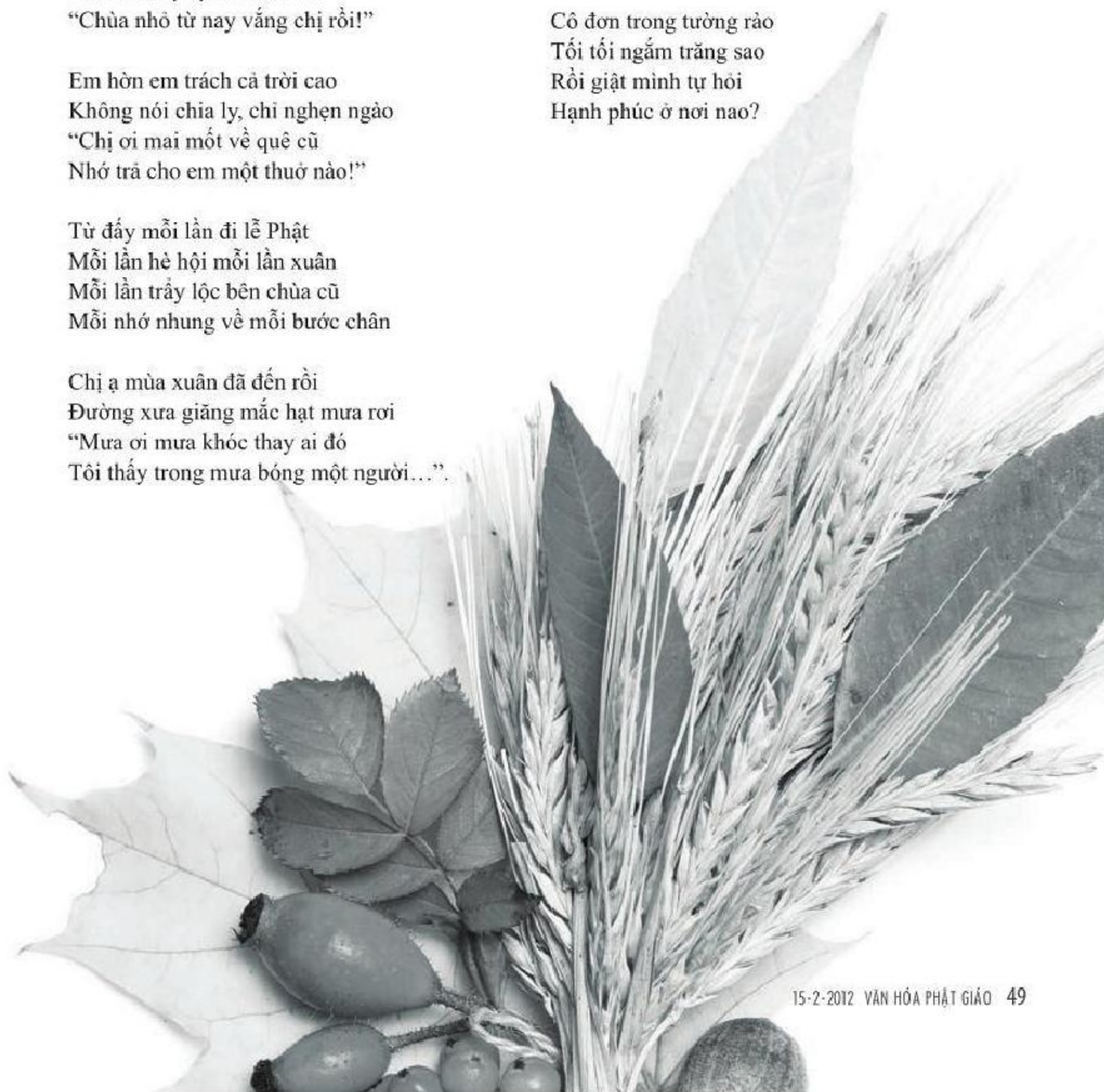
Hạnh phúc

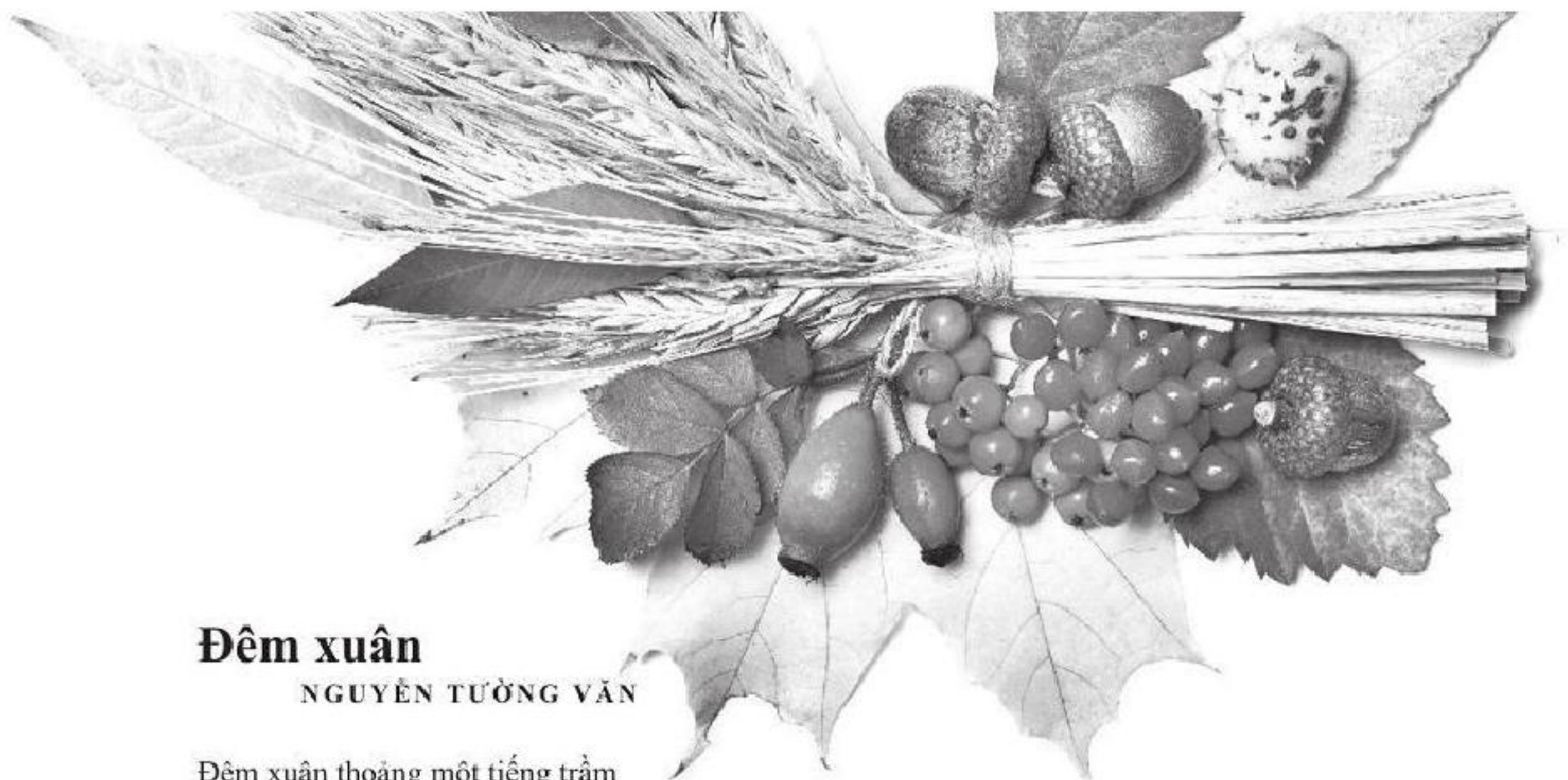
NGUYỄN SĨ CẨM

Hạnh phúc không ngọc ngà
Hạnh phúc không xa hoa
Vừa quen, lại vừa lạ
Đến gần, rồi tách xa.

Hạnh phúc không hẹn mai
Hạnh phúc không tượng đài
Chỉ đến trong khoảnh khắc
Mà ta tưởng nhớ hoài.

Cô đơn trong tường rào
Tối tối ngắm trăng sao
Rồi giật mình tự hỏi
Hạnh phúc ở nơi nào?





Đêm xuân

NGUYỄN TƯỜNG VẤN

Đêm xuân thoảng một tiếng trâm
Bước đường thế kỷ nghe chậm chậm qua
Đong đầy kỷ niệm xưa xa
Hai nghìn năm gặp quê nhà hành tinh.

Sáng xuân

Sớm xuân sợi nắng lung linh
Đóa vô thường vẫn nguyên trinh giữa đời
Lên đèn qua biển luân hồi
Em kiều diễm tự xa xôi hiện về.

Lời ngỏ mùa xuân

NGUYỄN MIÊN THƯỢNG

Đưa em về giữa phố đông
Nghe mưa rung phím tơ đồng lất lay
Ngập ngừng xoa mỗi bàn tay
Tha em lời ngỏ đã gầy ngữ âm
Mới hay giữa cuộc trăm năm
Mùa xuân quạnh vết lằn trăm đời nhau...

Gọi mùa

TRÚC LINH LAN

Con chim sẻ nhặt hạt nắng vàng ươm
Thả vào nụ mầm cánh mai rực sáng,
Cây nêu rung rung tiếng khánh,
Gió gõ cửa bông phúc lộc vào nhà.

Con bướm đa tình lượn mấy khóm hoa
Vạn thọ mừng ông mừng bà thêm tuổi
Cành hồng tặng đêm xuân bồi hồi
Con gái trắng rằm thao thức đếm sương rơi

Cây trúc đào ru câu đối ba mươi
Cuối năm chạm khê khàng trừ tịch
Tiếng hạc đón giao thừa nở xòe lộc biếc
Sông gỏi đầu lên sóng hát lý băng khuâng

Trẻ con đón tuổi mình mặc áo mới đón xuân
Ông Thọ cười vui ban bao nhiêu là phúc
Phong li xì rộn ràng hương Tết
Cây bưởi hiên nhà lúc liu trái đôi mươi

Nén hương trầm rước ông bà về thôi
Trong tâm thức nhớ về nguồn cội
Bánh tét dẻo xanh, ngọt dưa hấu đỏ
Ngũ quả đơm tròn ước nguyện đầy năm

Châu thổ cựa mình thấy hội mùa sang
Chợ Tết làng quê tiết xuân óng ả
Tiếng chuông chùa xa... tâm yên tịnh quá
Năm cũ chạnh lòng "tổng cựu nghinh tân".

Tình nghĩa so đo

MẪU ĐƠN

Mở mắt, anh thấy mình nằm trên cái giường trắng tinh ở bệnh viện. Anh không biết vì sao mình phải vào đây và đã ở đây từ lúc nào, chỉ biết hiện giờ anh một mình trong căn phòng này, một căn phòng vắng người với những vật dụng xa lạ. Nhìn ra ngoài hành lang, anh biết là trời đã về chiều, hình ảnh đầu tiên anh lơ mơ nhận ra là vợ anh đang ngồi với dáng vẻ vô hồn, bên cạnh là đứa con trai út. Anh cố nghiêng người để nhìn cho rõ nhưng sao khó quá, dường như có một tảng đá nặng ngàn tấn đang đè nặng lên người anh. Đầu anh nặng, đôi vai gầy gò đây chẳng đang gánh vác việc nhà của, ruộng đồng, buôn bán mà sao cũng thấy nặng trĩu, chất chứa bao sầu muộn. Anh muốn kêu vợ con vào để hỏi tại sao anh lại nằm ở đây, anh không muốn nằm ở một nơi vắng lạnh như thế này, anh muốn về nhà nằm trên chiếc giường của chính anh, được thấy màu sơn vàng nhạt của cái tường, của căn nhà mà anh mới xây khang trang đẹp đẽ, căn nhà của cả một đời người... nhưng, tại sao anh thấy miệng khô khốc và chẳng nói lên được lời nào. Đứa con út của anh đang lon ton chạy, nó mang cái giày bé tí kêu chít chít nghe vui tai lắm, anh thấy thật hạnh phúc vì mình có một đứa con trai, một đứa con nối dõi tông đường. Nghĩ đến đứa con, anh cảm thấy vui nhưng lại đau lòng, rồi anh thiếp đi...

Anh nghe loáng thoáng tiếng khóc. Âm thanh đó làm cho anh bừng tỉnh, tiếng của đứa con gái lớn nhà anh, nghẹn ngào "mổ sao bác sĩ... ba con sao bác sĩ?". Anh nghe được câu trả lời... nước mắt anh lại chảy dài xuống gò má đen sạm. Thế là hết thật sao? Di chứng của một vụ tai nạn hai tháng trước, anh nằm liệt giường ở nhà uống thuốc nhưng nhất quyết chẳng chịu đi bác sĩ vì không muốn tốn kém vợ con dù nhà anh cũng thuộc dạng khá giả. Bây giờ nằm đây, khi không gian tươi mới mơn mơn ngoài kia như đang đùa cợt với anh, khi bản thân anh chẳng thể nhúc nhích cũng chẳng nói lên được lời nào, toàn thân tê dại, anh mới thấy xót xa cho tuổi già, cái tuổi sắp phải đến với anh, và anh bắt đầu suy nghĩ, anh chẳng biết nữa, có lẽ anh đang mơ, nhưng có khi anh đang trần trụi, những nỗi trần trụi ấy cứ miên man theo anh mãi không dứt.

"Máu chảy trong não!" – tiếng con gái anh thét lên lại một lần nữa làm anh tỉnh giấc. Anh cứ mê man như thế mấy giờ đồng hồ liền, và bây giờ đây, khi chợt tỉnh thì lại nghe thêm một tin sốc với mình. Máu chảy trong não ư? Vợ con anh ngoài kia, mấy đứa nhỏ khóc mắt sưng húp, con gái như muốn ngã xuống rồi khóc không ngớt như

cửa vào tim gan của anh, nó khóc như anh sắp phải rời xa nó thật sự. Vợ anh vẫn ngồi bình thản, chốc chốc lại lấy gương ra soi, chị ta có gương mặt to, đầy phấn, cháy đen vì nắng và cả mỹ phẩm, trên cổ đeo sợi dây chuyền hình tròn đính hạt kim cương, tay đeo những nhẫn vàng... chị ta ngồi thu mình ở đấy ôm bọc tiền của chị như con ốc sên đang ẩn trong cái vỏ của mình, chị ta thờ ơ đợi bác sĩ đến rồi đi, không than khóc, không nuối tiếc, chị ta rất điềm tĩnh và dường như là chấp nhận. Có lẽ trong đầu chị bây giờ đang ngốn ngấm trăm thứ, những thứ có màu óng ánh làm lóa mắt biết bao nhiêu kẻ thêm muốn.

Ngày xưa chị lấy anh cũng vì ba mẹ sắp đặt, đến tuổi thì phải lấy chồng thôi. Ngày đó chị cũng thuộc dạng xinh xắn nhưng ngang bướng lắm, chẳng chịu nhường ai kể cả ba mẹ mình. Nếu không vì nhà anh khá giả, anh lại có tiếng chăm chỉ làm lụng thì chị cũng chẳng dính vào làm gì cho mệt thân ra. Chị thầm trách mình tại sao không đưa anh đi bệnh viện sớm, để bây giờ mổ não tốn kém chẳng ít. Thật là số khổ, ở với nhau mấy chục năm, chị sinh được ba đứa con, con cả đã vào đại học, đứa út mới chập chững biết đi thì gặp cái nạn này. Nghĩ đến đây, chị lại não ruột thờ dài. Mấy bận trước chồng đau ốm, chị để anh nằm ở nhà nghỉ vài hôm rồi bệnh nó tự khỏi chứ có tốn kém gì đâu. Bận này anh ấy đau hơi lâu, cũng đã được hai tháng, chị cũng hơi bất an nhưng đành mặc kệ đợi số trời, trời kêu chống con thì chống con dạ, chỉ tội cho cái thân chị. Nhưng rồi bệnh anh càng ngày càng nặng, đến hôm anh bất tỉnh hoàn toàn thì chị phải đưa anh vào bệnh viện để được cấp cứu. Thế mới ra chuyện!

Nghe tin chi phí lên đến hàng trăm triệu chị muốn xỉu, bác sĩ hỏi chị tính sao, chị chưa muốn trả lời, đành nói hơi chống mặt nên xin lát nữa nói chuyện. Trời đất ơi!!! Bao nhiêu năm nay tiền bạc dành dụm... Chị bật khóc, chị khóc hụ hụ như những cơn khóc ấy là tất cả những tâm tư chị dồn nén bấy lâu, chị uất ức quá, chị nghẹn ngào quá, bao nhiêu năm nay chị chạy ngược chạy xuôi, lừa lọc, mảnh khỏe đủ hạng người cốt mang được tiền về nhà, ngay cả cái việc thất đức là từ chối nuôi mẹ chồng già chị cũng làm, để giờ đây... Chị muốn ngất đi dưới cái tin ghê gớm này.

Nhưng chị chợt bừng tỉnh, chị nhớ lời bác sĩ nhận xét, ca mổ này có tới chín chục phần trăm là người bệnh không vượt qua, nếu đồng ý mổ thì chị phải kí giấy rõ ràng để chịu nhận kết quả dù trường hợp xấu nhất. Chị lẩm nhẩm, chín chục phần trăm ư, vậy là chết chắc rồi còn gì, chống chị phen này xuống suối vàng thật rồi, nhưng, khoan đã, còn số tiền mấy trăm triệu kia thì sao, chị mất



trắng tay à? Đồng tiền đi liến khúc ruột. Chị như đang nghe thấy từng đoạn cơ thể mình đang đứt lìa.

Chị chạy vào nơi anh nằm, vội vàng, hấp tấp, chút nữa vấp phải bậc cửa mà té, nhưng khi chị vấp được cánh cửa phòng để trụ lại được thì cái túi da đắt tiền trên tay chị tuột xuống rồi trượt dài theo sàn nhà. Chị ùa theo cái túi da ấy để nhặt nó lại, khi cho được cái túi da vào lòng mình, chị mới nhớ tới chuyện tại sao mình phải vào trong phòng anh. Chị bắt đầu khóc meo meo, mắt chị trợn lên, tay chân luống cuống, vùng vẫy mặc cho mấy cô y tá can ngăn rằng chị không được vào phòng này, chị không được quá xúc động. Nhưng, sức mạnh trong suy nghĩ đã khiến chị bật tung cánh tay níu giữ của các cô y tá, chị ùa vào chỗ anh nằm rồi tức tức nói: “anh phải sống, anh phải sống, anh không được chết!”. Chị gào lên, đầu tựa vào người anh, tay ôm anh như muốn níu giữ anh lại “anh không được chết!” rồi lại khóc hụ hụ, rồi như mệt quá, chị để cho các cô y tá đưa chị ra ngoài nằm nghỉ. Chị đau đớn quá! Đau đớn quá!

Anh đau xót khi nhìn vợ mình đầu tóc rũ rượi, mắt mũi nhoe nhoet, người ỉu xiu nằm bên ngoài thế kia. Khổ cho thân anh, anh cũng muốn “không được chết” lắm chứ, nhưng nào ai biết được số phận run rủi thế nào. Khi tóc trên đầu đã được cạo sạch, anh thấy cuộc sống cũng như đang dần rời xa mình. Anh nhắm nghiền mắt thật chặt muốn mọi chuyện qua thật nhanh, trong giây phút này thôi, anh muốn tất cả như dừng lại, và ước gì nếu anh biết

trước có ngày anh như thế này, một ngày thật bất ngờ thì anh sẽ làm một việc sửa lỗi dù là đã quá muộn.

Anh nghĩ tới mẹ của anh, người mẹ già của anh, người đã nuôi anh bao nhiêu năm, cho anh trưởng thành nên vóc nên hình một người đàn ông như vậy mà lại... Đúng, anh vì sợ vợ mình, vì sợ mất tiền bạc trong nhà mà vợ anh cất giữ, dành dụm nên đã bỏ mặc mẹ, đã làmoger trước tuổi già ập đến với mẹ, ngày ngày anh đi qua chỗ mẹ làm, một chân quét rác ở chợ, ngủ nhờ trước hiên những tiệm bán tạp hóa lúc đêm về, ăn uống thất thường... Mẹ anh! Tiếng “Mẹ” anh có còn đủ tư cách để gọi nữa không khi đi qua trông thấy mẹ, anh cứ như kẻ qua đường, vô tình, bạc bẽo. Anh đã để nhiều thứ cuốn anh đi và cuốn cả luôn tiếng “Mẹ” thiêng liêng ấy, anh để người đời nhìn anh với con mắt khinh bỉ, anh là một thằng con bất hiếu! Có đứa con trai, đối với anh như ngày hội, anh tổ chức đầy tháng cho nó to không kém một đám linh đình nào, anh còn đi mời cả họ hàng gần xa, tới tận nhà, mừng mừng vui vui ra mặt... nào anh có biết

đâu, đứa con trai của anh cũng như anh ngày xưa là đứa con trai của mẹ anh, anh cũng được quý trọng, nâng niu, cưng chiều như thế. Nhưng anh đâu có biết, ngày anh mở hội cũng là ngày mẹ anh nằm co ro nơi một góc tối tăm của chợ mà khóc. Khóc! Giọt nước mắt của những người già có còn chảy được nữa không khi thằng con trai mình sinh ra lại bỏ mặc mình nơi chợ chiều đen bạc, nó giờ lại có thêm một thằng con...

* * *

“Kìa, chú Sáu đến đây ư? Chú vào thăm tôi à? Chú cũng đã nghe tin rồi sao, tôi chẳng còn được mấy giờ đồng hồ nữa đâu, đâu tôi cũng đã cạo trọc rồi, nhưng kìa, sao chú lại khóc thế, chú tưởng tôi không biết hay sao mà cúi xuống đi vớ cho tôi, tôi biết cả đấy. Mà sao chú giống tôi quá, cứ hờ ra là khóc, chú làm tôi nẫu cả ruột. Giây phút này như giây phút biệt ly... đời người như chiếc lá bay. Mà sao dạo này chú cũng gầy thế nhỉ, chú làm ăn có tốt không, tôi còn nhớ dạo nọ tôi mời chú ăn thôi nôi đứa con trai út, tôi đã bị chú mắng té tát, ừ, lúc ấy chú say nhưng cũng chẳng phải là nói không đúng, mẹ tôi còn nằm ở chợ đấy mà tôi lại mừng con tôi thế kia. Tôi chẳng phải con người nữa rồi chú ạ. Gieo nhân nào thì gặt quả nấy, tôi giờ nằm viện đây mà có ai thương khóc cho đâu, con vợ tôi thì tôi biết, nó có mong ngóng gì tôi khỏe, nó mong là mong cái túi tiền của nó thôi, tôi nằm đây từ đêm hôm qua mà nó có vào mà nhìn cái mặt tôi lấy một cái, rõ khốn nạn. Kìa, chú đừng có nhìn tôi như thế, tôi không nói được với chú đâu, tôi cứng miệng rồi, tôi cũng chả biết mình bị thế này từ bao lâu cả, chắc tôi sắp mất quá chú ơi, tôi sắp về với ba tôi mà chịu lỗi với ông,

dù ông đã hy sinh nơi chiến trường bom đạn oai phong là thế nhưng chắc cũng chẳng nhắm mắt được vì có đứa con bất hiếu như tôi. Kìa, chú khóc làm tôi khóc theo đây này, chú nhìn tôi đi, đừng có kéo áo mà khóc hoài như vậy nữa, tôi biết mình dù không cùng cha mẹ sinh ra nhưng cũng là anh em họ ruột thịt, ngày xưa tôi với chú...”

Có vẻ như khi người ta cận kề cái chết, kí ức tuổi thơ ủa về nhanh nhất, nó như vừa an ủi chở che họ, vừa khuấy động tâm hồn họ. Anh đang nghĩ về những ngày xưa, nhìn đứa em họ và nghĩ về cái thời còn nhỏ dại, chiến tranh bom đạn. Ừ, có những thứ có lúc ngỡ như quên thật nhưng những điều ấy vẫn còn tồn tại ở đây này, trong tim anh.

Lại có tiếng động vang lên, ngoài hành lang, mấy đứa gọi anh là chú đang đùa giỡn ngoài đó, bọn chúng vào thăm anh cũng từ tối qua, đi cho có lệ vì ba mẹ chúng đang bận việc ở xa chưa về được, bọn nó được cử tới để gọi là cho đủ mặt, lỡ có chuyện gì thì không phải xấu hổ với họ hàng là không quan tâm đến chú bác anh em. Ai chả biết nghĩa tử là nghĩa tận. Và thế là bọn chúng ở đây, ủa vào nhau như một đám hội, giày cao gót va đập trên nền bê tông bệnh viện mang lại những âm thanh giòn tan thú vị, thỉnh thoảng lại vang lên những âm thanh lảnh lót của tiếng cười, nhưng khi ái ngại bắt gặp những gương mặt ủ rũ với đôi mắt sưng húp, những âm thanh không tình người ấy mới thôi vang dội như từng nhát dao chém vào lòng người đau đớn. Cũng phải thông cảm cho bọn chúng, bắt đầu dĩ đêm hôm phải theo bà cô lên bệnh viện “chăm nom” ông chú chứ chúng nào có muốn thế, đứa nào đứa nấy đang tuổi ăn ngủ, chơi đùa, toàn các cậu ấm cô chiêu, ngồi không mà chờ đợi với gương mặt bị thương thì chúng nó cũng chả quen, vậy nên chúng lén rủ nhau ra ngoài sân nói chuyện, nhưng có những khi câu chuyện lên đến cao trào thì bọn nó lại rủ lên với nhau, rượt đuổi nhau làm rộn khắp một dãy hành lang bệnh viện.

Mấy người lớn tuổi ngồi gần đấy lắc đầu ngán ngẩm.

...

Bác sĩ yêu cầu người nhà bệnh nhân nhanh chóng quyết định để ca mổ được tiến hành. Lần này chẩn đoán có vẻ chắc chắn hơn, nếu mổ thì khả năng sống cũng không bao nhiêu mà không mổ thì chắc chắn cái chết. Người nhà và họ hàng nhìn nhau băn khoăn, nhưng băn khoăn hơn cả là vợ anh, chị đang miên man trong giấc ngủ bỗng bị kêu dậy, chị hoàn hồn và cay đắng chấp nhận sự thật, chị phải tiếp tục đối mặt với nó. “Chị quyết định thế nào?” - vị bác sĩ hỏi lại phá tan không gian nặng nề bao trùm nơi đây. “Tôi đồng ý!” - tiếng chú Sáu vang lên làm mọi người ngỡ ngàng. Bác sĩ nhìn vào đôi mắt đỏ hoe của chú Sáu mà nói: “Anh là gì của bệnh nhân?”, “Tôi là em”. Trách nhiệm nặng nề ấy liệu chú Sáu có gánh nổi không khi quyết định một việc vô cùng hệ trọng như vậy, một con người, cả một đồng tiền, nhờ không may ca mổ không thành công thì ai đây, ai là người chịu trách nhiệm. Giờ phút này đây đối với chú Sáu không còn quan trọng ở trách nhiệm, mà đó là tình thương, tình thương với con người đã cùng anh qua suốt

quãng đời niên thiếu, người sau này tuy không gần gũi anh nhiều nhưng anh vẫn không tài nào cầm lòng được khi nhìn vào đôi mắt mệt mỏi chỉ biết khóc ấy của anh cùng cái đầu không còn cọng tóc, thân thể héo mòn. Thế là chú Sáu quyết định. Nhanh chóng, ca mổ được tiến hành. Mọi người lặng im ngồi một chỗ, chị vợ không nói lời nào, vẫn lẳng lặng như cũ, nhưng quái lạ rằng giờ đây chị lại không ngủ thiếp đi được nữa, lòng chị cũng nao nao khó tả, chị đang mừng thầm trong bụng, nhưng cũng ngạc nhiên tại sao có người lại mang gánh nặng ấy giùm cho mình... chị nghĩ hoài không ra bởi bấy lâu nay gia đình chú Sáu có mắc nợ gì chị cho cam mà giờ đây sống chết cũng phải trả nợ, chị càng thắc mắc hơn khi chú ấy lại dứt khoát cứu chống chị đến thế dù chị là vợ đang hoang của anh ấy!

* * *

“Lúc vào đây tôi thấy thương cho anh nhiều lắm, anh đau bệnh thế kia mà bọn chúng chẳng hề thương tiếc, tôi nói thật, có vợ như vợ anh cũng bằng không. Mà thôi, anh đừng buồn, tôi thương thì tôi khóc thế thôi chứ cũng phải là do bệnh anh khó chữa đâu, tôi đã nói chuyện với bác sĩ rồi, họ sẽ cố hết sức cứu anh trai của tôi, cứu sống anh. Đừng có nhìn tôi mà chảy nước mắt nữa, anh tin tôi đi, mổ xong anh lại gặp mọi người thôi. Không sao đâu mà. Ấy, chân anh làm sao thế này, anh moi chân à, thôi, đừng có cử động, anh không nhắc lên được đâu, để tôi bóp chân cho anh, khổ, chân với cẳng sao mà lại... đừng lo nhé, không sao thật mà. Thôi, để tôi ôm anh cho anh tin nhé, tôi có nói sai bao giờ. Thôi, đừng có buồn, mọi người sẵn sàng giúp anh mà...”

Thế rồi anh vào phòng mổ. Một tiếng. Hai tiếng.

Chú Sáu đi ra ngoài hút thuốc, khói thuốc lan rộng, dày đặc như những nỗi niềm. Chẳng thể nào quên được những hình ảnh ấy, lúc rời anh để người ta đưa anh đi, gần nhau gang tấc mà như xa vời vợi, nói là nói cho anh an lòng thế chứ có biết đâu thế nào, lỡ như đây là lần gặp cuối cùng thì sao, lần gặp cuối cùng... Mấy nay người ta xa nhau sao mà nhiều thế, đi về miền ấm áp thì thích hơn ở lại nơi đây chẳng. Đời người cũng có những phút cuối như thế, những phút cuối chia lìa thật xót xa.

Nhưng may mà anh không chết, anh vẫn còn ở đây, sống qua những cơn đau dữ dội, những trận mổ ác liệt. Anh còn nợ nhiều lắm, nhiều những ân tình, anh cần làm một điều gì đó để sửa lỗi với mẹ anh, với chú Sáu, và anh cũng cần phải về với con anh, với vợ anh dù với vợ anh chẳng mặn mà tình cảm. Thế thôi, anh chẳng nghĩ được nhiều, chỉ biết sống trên đời sống cần phải có tấm lòng, mà anh thì bỏ phí thời gian của mình để làm những việc ấy lâu quá rồi. Anh mở mắt sau cơn mê dài, anh cảm nhận được đôi tay nhăn nheo già nua đang lấn mò trên gương mặt anh, anh ứa nước mắt khi biết đó chính là người mà anh đã bạc bẽo bao nhiêu năm trời, và bên cạnh đó là vợ con anh, họ hàng, nhưng anh không nhắm mắt vào đâu được cái đáng người nhỏ nhắn, ngăm đen của chú Sáu. Anh mấp máy môi nhưng vẫn chẳng nói được gì. ■



Ấm áp tình người

LÂM HẠNH NHIÊN

Đối với người Việt Nam, giờ giao thừa luôn có một ý nghĩa vô cùng thiêng liêng: trong đêm cuối năm, người người sum vầy với gia đình mình tại nơi cư ngụ để bày tỏ tình yêu thương, lòng biết ơn, sự gắn bó với nhau, và cùng nhau đón tiếp thời khắc chấm dứt năm cũ chuyển sang năm mới với niềm tin vào một tương lai tươi sáng. Đêm giao thừa là đêm sum họp gia đình sau một năm dài với nhiều sự kiện vui buồn.

Nhiều người nghĩ rằng dù đi những đâu xa xôi đến mấy chẳng nữa, vào dịp cuối năm ai ai cũng phải trở về nhà trước giờ giao thừa để gặp mặt mọi người thân trong gia đình. Thực tế cho thấy không phải ai cũng có thể về đến nhà trước ngày cuối năm để sum họp với gia đình. Lý do thì có nhiều, nhưng có những lý do khiến người không về kịp vẫn không cảm thấy mình thiếu bốn phần hay phải mang bất kỳ một mặc cảm nào. Bên cạnh đó, có những nguyên nhân làm cho con người cảm thấy lẻ loi, mang tâm trạng u uất của người bị bỏ rơi, đã được nêu lên trong bản thông cáo báo chí

của Tập đoàn Hoa Sen khi kêu gọi hỗ trợ về mặt truyền thông trong việc tổ chức chương trình Mái ấm Gia đình Việt Xuân Nhâm Thìn 2012.

Theo các nhà tổ chức, Chương trình Mái ấm Gia đình Việt mùa xuân là một hoạt động mang tính cách chia sẻ, chủ yếu nhằm đến những em nhỏ đang có mặt tại các mái ấm, nhà mở - nơi nuôi dưỡng che chở những mảnh đời thiếu may mắn của các em nhỏ - và những bạn sinh viên xa nhà phải ở lại TP.HCM chưa có điều kiện sum họp với người thân trong dịp cuối năm, giữa lúc mọi người đều vui mừng đón xuân. Đến nay chương trình này đã thực hiện được ba năm liền.

Mặc dù nhận được thư mời tham dự Chương trình Mái ấm Gia đình Việt Xuân Nhâm Thìn 2012 vào lúc 19 giờ ngày 22-01-2012 (đêm giao thừa, 29 tháng Chạp năm Tân Mão), nhưng biết rằng sinh hoạt của các em nhỏ sẽ diễn ra từ buổi chiều nên mới hơn 17g30 tôi đã có mặt tại sân 4A Nhà Văn hóa Thanh niên TP.HCM trên đường Phạm Ngọc Thạch, quận Nhất. Không khí rộn ràng của sinh hoạt văn nghệ đang diễn ra trên sân



khẩu thu hút sự chăm chú theo dõi của hơn một ngàn cử tọa thiếu niên và nhi đồng trên sân 4A. Đây đó có những bóng áo lam của các vị sư cô hướng dẫn tập thể các em nhỏ thuộc phạm vi quản lý của mình; các sư cô chú ý quan sát bấy trẻ trong lúc các em nhỏ say sưa theo dõi phần biểu diễn, đồng thời thưởng thức hương vị truyền thống của ngày Tết với các loại bánh mứt và trái cây được những tình nguyện viên trao tận tay. Trên sân khấu, tôi chú ý nhất tiết mục ca múa do các em thuộc Mái ấm chùa Diệu Giác và tiết mục xiếc do các em ở Nhà mở Hoa Mẫu Đơn thực hiện. Có thể nói phần biểu diễn của các em đã vượt xa tính cách nghiệp dư mà còn thể hiện được mầm tài năng đang chớm nở. Chung quanh sân, tôi đoán có nhiều bạn sinh viên xa nhà hiện diện trong vai trò của những người tham gia điều hành ở những phần việc khác nhau, chứ không chỉ có mặt với tính cách người thụ hưởng chương trình; và tôi cho rằng cách sắp xếp để các bạn sinh viên xa nhà tham gia vào việc điều hành hoạt động của chương trình đã thể hiện sâu sắc nhất tính nhân văn của các nhà tổ chức.

Gần bảy giờ, các vị lãnh đạo trong ban tổ chức có mặt trên sân 4A rồi lặng lẽ vào chỗ của mình trên hàng ghế danh dự dành sẵn trước sân khấu. Sau đó, buổi sinh hoạt dành cho các em nhỏ tạm gián đoạn một lúc để chương trình chính thức được khai mạc. Tôi đã được nghe nói nhiều về các hoạt động tốt đẹp của Tập đoàn

Hoa Sen, nhưng quả thật, qua những hình ảnh giới thiệu về tập đoàn được trình chiếu, tôi mới hiểu được sức mạnh tiềm tàng của một tập đoàn kinh doanh được người Phật tử quản lý trên tinh thần hành Bồ-tát đạo. Tất nhiên Tập đoàn Hoa Sen đã phát triển nhờ vào tầm nhìn và chiến lược kinh doanh đúng, nhưng, trong giai đoạn suy thoái kinh tế toàn cầu, hẳn là tinh thần 'lợi mình, lợi người, lợi cả hai' của người Phật tử đã tạo được niềm tin cho tất cả những ai có quan hệ với tập đoàn này khiến các hoạt động kinh doanh của tập đoàn vẫn vững vàng trước sóng gió. Tinh thần đó cũng bàng bạc ngay trong việc tổ chức chương trình hôm ấy.

Qua những lời lẽ bình dị, các nhà tổ chức giới thiệu Chương trình Mái ấm Gia đình Việt Xuân Nhâm Thìn 2012 như một hành động chia sẻ đến với những thân phận kém may mắn bằng thâm tình. Trong chương trình này, không chỉ các mái ấm và nhà mở đã nhận được sự hỗ trợ của Tập đoàn Hoa Sen, mà nhiều em nhỏ ở hoàn cảnh đặc biệt đã nhận được những phong bao lì xì ân cần trao tận tay. Trong phần sinh hoạt, phong cách của những người dẫn chương trình đã làm cho các em nhỏ khi thì phấn khởi, lúc lại buồn ngủ nhưng rõ ràng các em thể hiện niềm tin vào việc các em không hề bị bỏ quên.

Liên tưởng đến những chương trình tìm kiếm tài năng đang được quảng cáo rầm rộ trên các phương tiện truyền thông mà lúc thể hiện đôi khi làm rơi rớt những hạt sạn gây nên cảm giác gờn gợn nơi khán giả, lại nhớ đến phong cách hết sức đĩnh đạc của những diễn viên tí hon thuộc các mái ấm, nhà mở trên sân khấu buổi tối 29 tháng Chạp năm Tân Mão ở sân 4A Phạm Ngọc Thạch, tôi ngỡ ngợ, phải chăng từ việc tổ chức Chương trình Mái ấm Gia đình Việt đến việc tìm kiếm tài năng và nhân cách, những tài năng và nhân cách đang nhú mầm nơi thân phận trẻ mái ấm nhà mở, là một bước không xa? Tài năng cần phải đi kèm với nhân cách. Tài năng cũng như nhân cách đều phải được rèn luyện, hun đúc, chứ không thể tự nhiên mà có. Tôi nghĩ rằng, nếu huy động được chất xám và nhiệt tình nơi những em sinh viên khó khăn, hy sinh những giờ nghỉ để cùng góp sức chăm sóc những mầm tài năng vừa nhú nơi các mái ấm, nhà mở, theo một chương trình tài trợ dài hơi, biết đâu xã hội chẳng thu hoạch được những mùa tài năng và nhân cách cùng âm thầm này nở mà chẳng quá tốn kém. Được biết, Chương trình Mái ấm Gia đình Việt sẽ còn được tiếp tục lâu dài; như vậy, việc xây dựng một kế hoạch phát triển tài năng nơi các mái ấm, nhà mở với sự nhiệt tình đóng góp chất xám của các sinh viên xa nhà hẳn là một điều có thể thực hiện được.

Mong sao cho những chương trình như thế này sẽ được nhân rộng trên khắp các tỉnh thành khác để đủ thấp lên những đốm niềm tin cho mọi phận người. ■

Về thăm chùa Tùng Vân

Bài và ảnh: QUẢNG TÂM – DIỆU MỸ

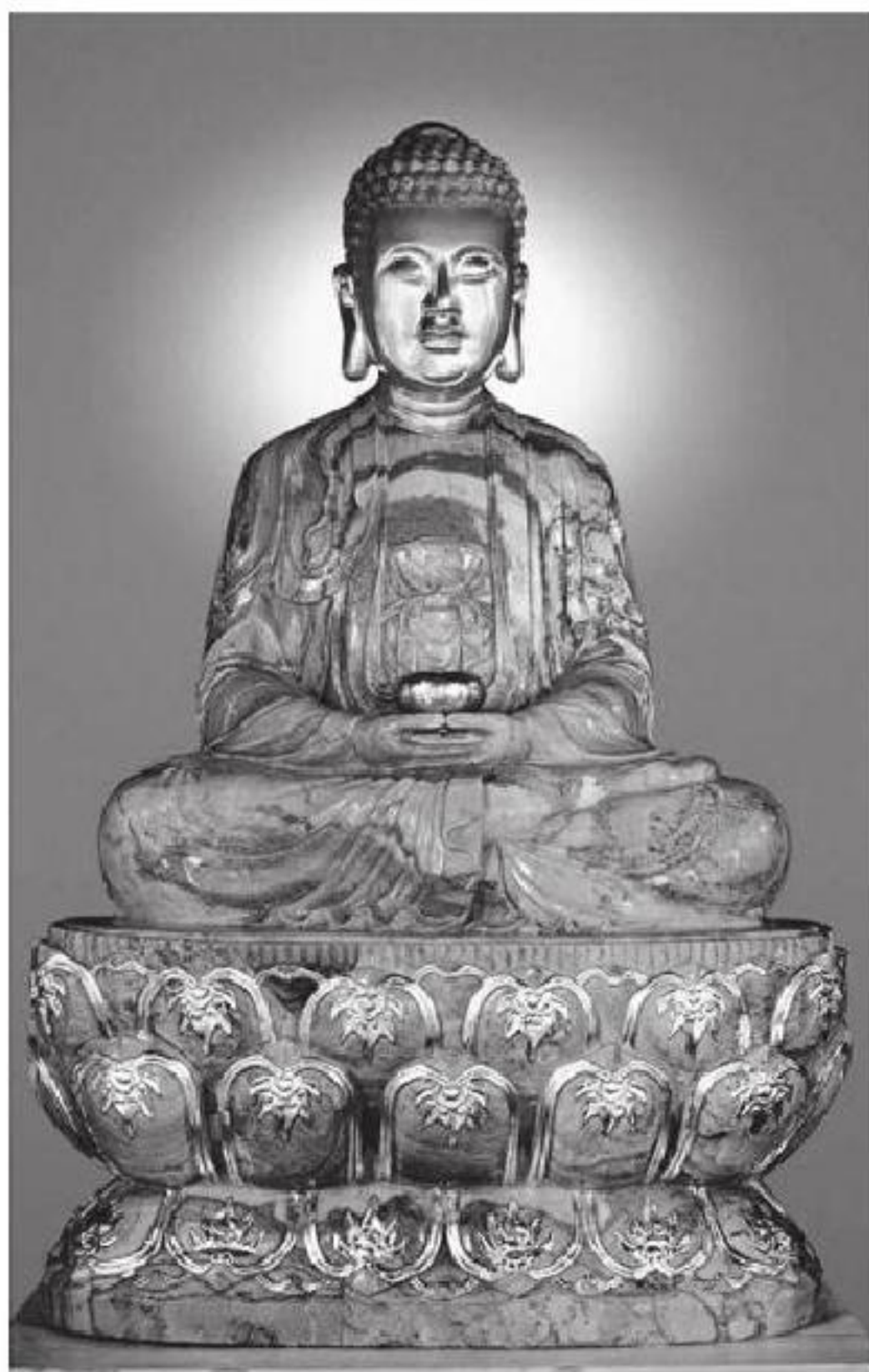
Trong tiết trời se lạnh và mưa phùn của những ngày đầu xuân, chúng tôi đã có chuyến du hành đầu năm đi lễ Phật. Đi lễ chùa đầu năm là một nét đẹp văn hóa truyền thống của người Việt. Đến với khung cảnh thiêng liêng ấy, người ta không chỉ cầu mong cho gia đình an khang thịnh vượng, mà còn có tâm nguyện cầu chúc cho đất nước được thanh bình, an lạc.

Tỉnh Vĩnh Phúc nằm cách trung tâm Hà Nội 30km về phía Bắc, gần liền với nhiều địa danh nổi tiếng mà du khách trong và ngoài nước từng biết đến, như khu nghỉ mát Tam Đảo, khu du lịch hồ Đại Lải... Cả tỉnh

có gần 400 ngôi chùa gắn liền với lịch sử văn hóa dân tộc, có những danh lam như thiền viện Trúc Lâm Tây Thiên, chùa Phù Nghi Tây Thiên, chùa Hà Tiên... Tọa lạc trên một khuôn viên 2.500m² nằm tại thị trấn Thổ Tang huyện Vĩnh Tường, chùa Tùng Vân là một trong số những ngôi chùa nổi tiếng ấy. Gần đây, với pho tượng ngọc Phật bằng đá cẩm thạch, chùa Tùng Vân được biết đến nhiều hơn cả ở trong nước lẫn ngoài nước.

Cổng chùa uy nghi với những bậc đá xanh rêu phong và cánh cổng gỗ chạm trổ những hoa văn tinh xảo. Ngày đầu xuân, chùa tấp nập Phật tử và du khách đến chiêm bái. Bước vào cổng chùa, ấn tượng đầu tiên của chúng tôi là một không gian thanh tịnh và tinh khiết. Khoảng sân rộng lát gạch gốm đỏ khiến cho ngôi chánh điện hiện rõ với các góc mái đao cong vút, trầm mặc... Cụ Vân hơn 80 tuổi, một Phật tử của chùa Tùng Vân nhiệt tình giới thiệu đây là ngôi chùa cổ và có quy mô nhất trong cả huyện Vĩnh Tường. Chùa Tùng Vân được xây dựng cách đây hơn ba trăm năm – dưới thời vua Lê Huy Tông trong khoảng niên hiệu Chính Hòa ở cuối thế kỷ thứ 17, đã được chính thức công nhận là di tích văn hóa cấp quốc gia từ năm 1992. Trải qua nhiều thăng trầm, chùa Tùng Vân đã nhiều lần được trùng tu và gần đây nhất là đợt khởi công tu bổ vào năm 2008. Trong chùa hiện vẫn lưu giữ nguyên vẹn nhiều bảo vật như chuông đồng, khánh đồng... đặc biệt có những pho tượng bằng đất nung, trong đó quan trọng nhất là pho tượng Phật Thích-ca Mâu-ni có niên đại trên 300 năm. Khác với nhiều ngôi chùa trong vùng, chùa Tùng Vân gồm bảy gian hai chái với hệ thống kết cấu hàng trăm cột gỗ và đá, là một kiểu kiến trúc Phật giáo đặc trưng ở miền trung du Bắc Bộ.

Nói về ý nghĩa và vai trò của chùa Tùng Vân trong lòng dân chúng và Phật tử trong vùng, Đại đức Thích Nguyên Cao, trụ trì chùa Tùng Vân bộc bạch: “Trong nhịp sống hối hả ngày nay, đôi khi người ta cần được thư giãn. Họ đến chùa ngắm cảnh để được sống chậm lại, cho tâm an lạc, lấy lại sự cân bằng trong cuộc sống. Cảnh trí nơi đây được bố trí theo ý nghĩa ấy để những thông điệp bình dị có thể len lỏi vào tâm hồn mỗi người. Cái riêng của cảnh chùa là sự giao thoa giữa tâm và cảnh. Tâm cảnh viên dung thì thế giới mới tròn đầy và mùa xuân thường tại khắp thế gian. Cảnh quan ở đây cổ kính kín đáo, không lộng lẫy tân thời mà uy nghi trầm mặc như tính cách bình dị của người Thổ Tang. Kiến trúc tâm linh của ngôi chùa

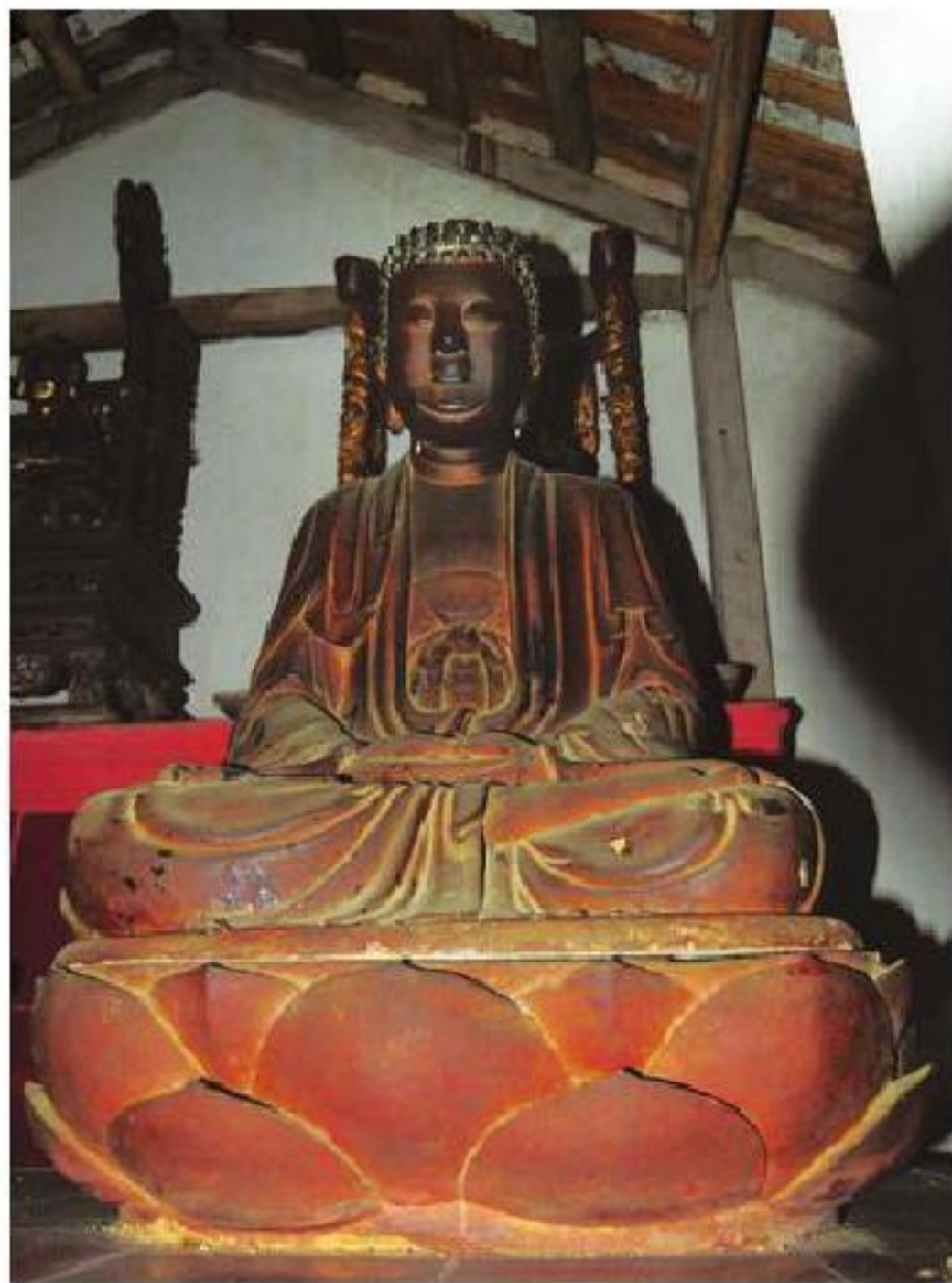


thể hiện ngay ở con đường dẫn. Qua khỏi cổng chùa, ngay trước mặt khách văn cảnh là bức tượng của Bồ-tát Quán Thế Âm đang nở nụ cười an nhiên tự tại đầy che chở bao dung. Kế đến là không gian của đá, những tảng đá được sắp xếp với chủ ý tạo nên một thế giới riêng. Mái chùa giữ nguyên vẻ cổ kính với lớp ngói nâu trầm rêu phong. Toàn bộ cảnh chùa tạo cho khách một cảm giác yên bình”.

Như một mối nhân duyên lạ kỳ, vào năm 2008 trong một lần đi khảo sát kinh doanh, doanh nhân Nguyễn Văn Phước, người quê gốc ở Vinh Phúc, đã phát hiện một khối đá cẩm thạch nặng trên 20 tấn. Ông đã vận động được sự trợ giúp của chính quyền tỉnh Yên Bái và huyện Văn Chấn với ý nguyện đưa khối đá về ngôi chùa cổ tại quê hương để tạc thành pho tượng Phật. Được sự đồng ý của Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Đại đức Thích Nguyên Cao và doanh nhân Nguyễn Văn Phước đã tổ chức tiến hành chế tác pho tượng Phật bằng đá quý. Tốp thợ chế tác pho tượng Phật được thành lập, đứng đầu là nghệ nhân Nguyễn Xuân Tráng quê huyện Lập Thạch tỉnh Vĩnh Phúc, một nghệ nhân điêu khắc học nghề tại Trung Quốc có nhiều kinh nghiệm. Dưới sự giám sát và chỉ đạo của thầy trụ trì, trong khoảng thời gian một năm, từ khối đá cẩm thạch, các nghệ nhân và tốp thợ đã chế tác thành công pho tượng Phật Thích-ca Mâu-ni nặng gần 5 tấn phóng theo pho tượng cổ bằng gỗ của chùa có từ hơn 300 năm trước; ngoài ra còn làm được một pho tượng Bồ-tát Quán Thế Âm nhỏ hơn. Sau khi chế tác, phần gương mặt của pho tượng và phần đài sen làm bệ đỡ được dát vàng. Pho tượng đã được công nhận là công trình điêu khắc lớn nhất Việt Nam tạc từ ngọc.

Trong gian nhà khách ấm cúng, chúng tôi được thầy trụ trì giới thiệu với hai vị Phật tử đã vào độ trung niên, là những người rất thân thiết với chốn già-lam. Theo lời thầy trụ trì thì chùa Tùng Vân được trùng tu và giữ được diện mạo như ngày nay là có công lớn của người dân Thổ Tang và Phật tử cả nước. Chỉ vào vị Phật tử có dáng người thấp đậm vẫn ngồi nghiêm trang nghe thầy nói chuyện, Đại đức Nguyên Cao bảo đây chính là người đã cung tiến cho nhà chùa khối ngọc xanh dùng tạc tượng. Thì ra đây chính là doanh nhân Nguyễn Văn Phước. Ông khẽ nghiêng người chào chúng tôi. Bằng lời lẽ khiêm tốn, ông cho biết vốn là người ở Thổ Tang huyện Vĩnh Tường tỉnh Vĩnh Phúc nhưng hiện mưu sinh tại Hà Nội. Do việc làm ăn, ông đã từng đặt chân đến khắp những nơi có đá quý ở nước ta, nhất là vùng Yên Bái. Ông đã may mắn phát hiện khối ngọc được coi là vô giá. Ông kể, đúng vào ngày 10-4-2010, chùa Tùng Vân đã làm lễ khởi công chế tác tượng Đức Phật Tổ từ nguyên khối ngọc xanh, dựa trên nguyên mẫu pho tượng cổ đang được lưu giữ tại chùa. Trong quá trình thi công, mỗi chi tiết mỹ thuật chạm khắc đều được các nghệ nhân lành nghề cố gắng thể hiện điêu dụng và thần sắc đúng với 32 hảo tướng của Đức Phật được mô tả trong kinh điển.

Đưa chúng tôi chiêm bái bức tượng Phật ngọc được đặt trang trọng giữa chánh điện, Đại đức Thích Nguyên Cao



cho biết: “Từ khi khánh thành pho tượng đến nay, đã có hàng vạn lượt Phật tử và người dân từ mọi miền đất nước với tấm lòng khao khát đổ về đây để tận mắt chiêm bái”.

Trong thời gian lưu lại ở chùa Tùng Vân, chúng tôi cũng gặp gỡ nhiều vị Phật tử thân thiết khác của nhà chùa. Như bác Vân gần bó với chùa từ khi lên ba mà nay đã ngoài 80 tuổi, hàng ngày bác có mặt ở chùa từ 5 giờ sáng, giúp nhà chùa quét sân, dâng hương và hướng dẫn du khách. Hay bác Lan, ở tận thị xã Vinh Yên, cách chùa gần 30km vẫn hàng ngày đến hộ tự. Thấy trụ trì cho biết thêm rằng hàng tháng có không ít Phật tử là các nhà doanh nghiệp thành đạt và các văn nghệ sĩ nổi tiếng đến chùa dâng hương lễ Phật với sự chân thành của người có tín tâm, muốn hướng đến cuộc sống có sự an lạc của tâm hồn.

Đất nước càng phát triển, đời sống vật chất của người dân càng được nâng cao thì nhu cầu về văn hóa tâm linh càng trở nên phong phú. Du khách đến với chùa Tùng Vân cũng như bao ngôi chùa khác đều tìm cách gạt đi những bụi trần còn đeo bám, gạt đi những lo toan trong cuộc sống thường ngày, ai ai cũng thành tâm nguyện cầu mong những điều tốt lành sẽ đến. ■

Lời cảm ơn cuộc sống

Chiều 27 tháng Chạp năm Tân Mão, tôi có chút việc phải lên phà An Phú Đông sang quận 12. Bến phà ở cả hai đầu tuyến đường thủy nối quận Gò Vấp với quận 12 bằng ngang đoạn sông Vàm Thuật đều đông nghịt người đợi phà nhưng chỉ có một chiếc phà hoạt động. Mỗi khi chiếc phà cập bến, một dòng hành khách trên phà lập tức xuống bờ trong khi dòng hành khách khác trên bờ cũng hối hả lên phà. Chuyển phà tôi lên có một người đàn ông đi chiếc xe Dream có lẽ mãi nhìn sông nước không kịp xuống bờ bị hành khách mới lên phà chặn mất đường. Chiếc xe đậu trước mặt ông ta ở mò phà là một chiếc Attila do một cô gái trẻ cầm lái. Khi phát hiện ra mình bị chặn đường xuống bờ phía bến Gò Vấp, người đàn ông quát tháo ầm ỉ với những lời lẽ thô tục khiến cô gái càng quỳnh trong lúc những chiếc xe khác tiếp tục chạy lên chặn hết mọi đường ra của chiếc xe Dream. Đâu xe bên cạnh ông ta là hai thanh niên đi chiếc xe Cub cũ kỹ, ra dáng công nhân. Người thanh niên lái xe quay qua nói, “Tìm cách giải quyết đi chứ, đừng dấy chửi rủa thô tục coi sao được”. Người đàn ông đang chửi rủa bỗng trừng mắt, tỏ thái độ hung hãn, khiến nhiều người trên phà lo lắng có thể xảy ra ẩu đả. Ngay lúc đó, người thanh niên ngồi yên sau nháy xuống xe, chạy tới phía chiếc xe Attila. Anh bảo cô gái xuống xe, rồi dùng tất cả sức lực lần lần dịch chuyển chiếc xe của cô gái qua chỗ còn trống ở bên phải đủ để mở đường xuống bến cho chiếc xe Dream của người đàn ông đang quát tháo. Ngay khi người đàn ông rời phà thì chiếc phà bắt đầu tách bến Gò Vấp. Mọi người thở phào nhẹ nhõm. Chỉ chưa đầy năm phút sau, tôi đã thông dong trên con đường Vườn Lài dẫn ra An Phú Đông. Trên đường đi, tôi nhớ đến hành vi của hai người thanh niên có vẻ công nhân ấy. Họ lam lũ nhưng thái độ của họ thật can đảm, quyết liệt và có hành động đúng, xứng đáng nhận sự cảm ơn của nhiều người.

Lưu Thanh Dũng, quận Gò Vấp, TP.HCM

Rời khỏi nhà bạn sau bữa tiệc tất niên kéo dài từ trưa, tôi gọi xe ôm ra trạm xe buýt, hy vọng có xe về thành phố thì cũng đỡ tốn tiền. Đã chạng vạng tối của một ngày gần Tết, trạm xe buýt thật vắng khách; đứng chờ xe chỉ có một người phụ nữ chắc đã ngoài sáu mươi dẫn theo một đứa trẻ chừng ba bốn tuổi và một anh thanh niên khoảng ngoài hai mươi. Hỏi thăm thì biết hai bà cháu đã chờ xe gần một tiếng đồng hồ còn anh thanh niên là một sinh viên cũng đã đứng đó hơn hai chục phút. Họ cho biết vẫn thấy xe từ thành phố về nhưng hoàn toàn chưa thấy một chiếc xe nào từ thị xã lên. Quanh trạm vẫn có một ông chạy xe ôm này giờ cứ lượn lờ mời mọc hai bà cháu đi xe ôm về thành phố vì sẽ không còn xe buýt đâu. Tôi nói với những người bạn đồng hành, “Chờ khoảng mười phút nữa mà không có xe buýt thì tôi sẽ đón xe taxi về thành phố, khi ấy thì xin mời quý vị cùng đi với tôi cho trọn một chuyến xe”. Nghe vậy, nét phẫn khởi hiện lên mặt cả hai người bộ hành. Hơn mười phút trôi qua vẫn không thấy xe buýt, tôi dùng điện thoại di động gọi taxi và thật may mắn chỉ hai phút sau là xe taxi có mặt. Tôi mời hai người và đứa trẻ ngồi ở băng sau rồi mới lên ngồi ở băng trước cạnh tài xế. Khi tôi vừa cho người lọt vào chiếc taxi và chưa kịp đóng cửa xe, người đàn ông chạy xe ôm vọt xe gần máy tôi bên cạnh tôi, mắng, “Đồ Việt kiêu huênh hoang đập đồ chén cơm của người ta”. Nghe mắng, tôi bỗng sùng người: mình làm việc tốt mà bị chửi! Và lại, tôi đâu có phải là “Việt kiêu”? Tuy nhiên, sau khi xe chạy được một lúc, đã bình tĩnh hơn, tôi ngẫm nghĩ và nhận ra, đúng là đôi khi một việc làm giúp ích cho người này lại gây ảnh hưởng xấu đến người khác. Cuộc đời thật rộng lớn và quyền lợi của con người vô cùng mâu thuẫn nhau, nếu ta không suy xét kỹ càng trước từng hành vi của mình thì đôi khi điều mình tưởng là lợi nhưng hóa ra có hại, nếu việc mình làm chỉ mang lại lợi ích cho ít người mà gây hại nhiều cho nhiều người. Cũng may, việc tôi làm hôm ấy chưa rơi vào trường hợp này. Lại nữa, thái độ của người chạy xe ôm cũng có phần lỗ mãng; cho dù hoàn cảnh của ông ta có bị thúc ép thế nào chăng nữa lẽ ra cũng không nên hành xử như vậy. Dù sao, tôi cũng cảm ơn những nhân duyên đã giúp cho tôi ngộ ra một việc tưởng chừng đơn giản!

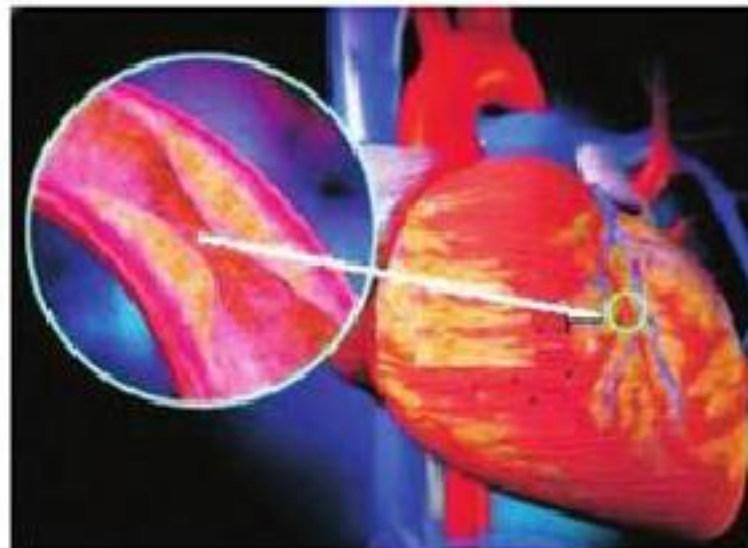
Châu Hiệp Phố, thành phố Cần Thơ, tỉnh Hậu Giang

Để sớm biết mắc bệnh tim

BS. Nguyễn Văn Kiêm

Y HỌC PHỔ THÔNG

Bệnh tim là chỉ những kết cấu của tim, ví dụ như màng tim, cơ tim, niêm mạc tim, van tim thay đổi từ đó gây nên những biến đổi về nhịp đập, cũng như chức năng tim, đồng thời xuất hiện những biểu hiện bệnh lý lâm sàng. Khi mắc bệnh tim, thường xuất hiện hiện tượng nhịp tim thất thường, nhịp tim đập không theo quy luật, nhanh quá (hơn 100 lần/phút) hoặc chậm quá (ít hơn 60 lần/phút).



Những ảnh hưởng của bệnh tim tới các cơ quan trong cơ thể

- **Mệt mỏi:** Sự rối loạn nhịp đập của tim sẽ làm cho máu do tim bơm đi cũng sẽ giảm, gây nhức đầu, chóng mặt, mệt mỏi. Có nhiều trường hợp còn bị liệt, không nói được.

- **Khó thở, thở dốc:** Nếu tim bị suy yếu (suy tim) nó sẽ không thực hiện được chức năng là bơm máu đi khắp cơ thể; máu ở phổi do không kịp về tim nên xuất hiện chứng tắc máu ở phổi, làm cho chức năng trao đổi của cơ thể giảm, người bệnh thở rất khó khăn, tức ngực, thậm chí ho ra máu. Ho ra máu là do máu bị ứ tĩnh mạch khí quản và các tế bào ở mạch máu phế nang phổi bị tổn thương gây nên.

- **Buồn nôn, chán ăn:** Chức năng tim suy giảm cũng sẽ làm cho lượng máu từ gan, ruột về tim giảm, gây nên hiện tượng ứ máu ở gan, ruột; chức năng của các cơ quan này cũng bị ảnh hưởng theo, có hiện tượng đau ở gan, buồn nôn, chán ăn, đau bụng, tiêu chảy và các triệu chứng về đường tiêu hóa khác.

- **Phù chi dưới:** Nếu các mạch máu trong cơ thể bị ứ máu thì toàn thân sẽ bị phù thũng, đặc biệt là ở chi dưới. Những người bị suy giảm chức năng tim sẽ thấy tức ngực, thở dốc, mệt mỏi. Có người về đêm còn thấy hiện tượng bồng tỉnh thở dốc một hồi lâu rồi mới đỡ khó chịu, có những người lại có biểu hiện đó kéo dài.

Đặc biệt ở người già phần nhiều bị xơ cứng và hẹp động mạch vành, do đó cơ tim có nguy cơ bị thiếu máu và thiếu oxy. Khi nhịp tim đập thất thường, chức năng tim suy giảm, lúc đó sẽ xuất hiện hiện tượng tức ngực, thở dốc, đau phía sau xương ức, đó chính là lúc các cơn đau tim phát tác.

Chú ý: Các triệu chứng nêu trên là các triệu chứng tổng hợp của bệnh tim. Nhưng đó không hẳn là các biểu hiện riêng biệt của bệnh tim. Các bệnh ở hệ thần kinh, tiêu hóa, hô hấp đều có thể có những biểu hiện lâm sàng giống như trên, do đó cần phải hết sức chú ý phân biệt để có cách xử lý đúng đắn.

Tham gia chuyên đề này: Nguyễn Bổng - Nguyễn Trung Toàn và:

Triệu chứng của bệnh tim

Đau tim: Nguyên nhân ban đầu gây cơn đau tim là do các mảng xơ vữa (tiểu cầu lắng đọng) trong thành vách động mạch tăng lên, gây tắc nghẽn đường máu lưu thông. Và khi cơ tim bị thiếu máu sẽ làm cho tim bị ngừng đập, phát sinh cơn đau tim đột ngột.

- **Cách điều trị:** Nếu thành động mạch tắc nghẽn càng lâu thì cơ tim càng có nguy cơ bị tổn thương nặng, bởi vậy cần phải đi khám và điều trị kịp thời. Thông thường, người ta dùng Aspirin để phòng ngừa sự lắng đọng tiểu cầu chống hiện tượng tắc nghẽn. Ngoài thuốc có thể phẫu thuật để mở rộng các mạch máu bị chít hẹp.

- **Chứng đau thắt:** Đây là triệu chứng thường thấy khi lồng ngực bị đau do tim không được cung cấp đủ máu và oxy, là dấu hiệu ban đầu của bệnh đau tim.

- **Cách điều trị:** Dùng nitroglycerin mỗi khi thấy đau ngực, thuốc này có tác dụng giãn rộng mạch máu để tăng lượng oxy đưa đến cho tim. Ngoài ra còn dùng các loại thuốc khác như thuốc ức chế beta có tác dụng làm giảm hoạt động của tim và giảm nhu cầu tiêu thụ oxy và máu.

Bệnh đột quỵ: Giống như bệnh đau tim đột ngột, bệnh đột quỵ thường xảy ra khi động mạch bị tắc nghẽn, nguồn cấp oxy và máu lên não bị chậm lại, người ta gọi đây là đột quỵ xuất huyết và một kiểu khác nữa gọi là đột quỵ thiếu máu cục bộ. Tất cả hai triệu chứng này đều bắt nguồn từ tim. Nếu tất cả các tế bào não bị kiệt quệ nguồn oxy lâu dài thì nó có thể bị chết não và làm tê liệt các chức năng não, cuối cùng là gây hủy hoại toàn bộ não. Do vậy chỉ định điều trị thuốc tiêu cục máu phải được tiến hành sớm trong 3 giờ đầu để giúp tái tưới máu nhanh hơn.

Sự cố đau tim xung huyết: Đối với những người mà tim bị yếu không làm được chức năng cung cấp máu tới các cơ quan trong cơ thể thì tim có thể phải làm việc quá sức, suy

yếu dần. Do lượng máu đến tim không đủ nên phát sinh hiện tượng xung huyết ngay trong các mô của cơ thể trong đó có tim. Bởi vậy, ở những người mắc bệnh này thì tay chân, khớp gối bị sưng to.

- **Cách điều trị:** Cho đến thời điểm hiện nay chưa có liệu pháp đặc trị đối với căn bệnh nói trên, giải pháp tình thế thường là dùng thuốc giảm đau, lợi tiểu, thuốc ức chế men chuyển angiotensin (ACE) hoặc phẫu thuật nối vành qua da...

Người bệnh tim mạch hãy thực hiện biện pháp "ba nửa phút, ba nửa giờ" để hạn chế biến chứng nguy hiểm

"Ba nửa phút" là: Ban đêm khi tỉnh dậy, sau khi mở mắt tiếp tục nằm yên thêm nửa phút nữa, sau đó ngồi dậy và ngồi thêm nửa phút nữa, khi thả chân xuống khỏi giường thì ngồi thêm nửa phút nữa, cuối cùng mới bước xuống đất vận động. Bởi nói chung các bệnh tim mạch thường hay xảy ra vào ban đêm. Điều này chủ yếu là do sự thay đổi đột ngột tư thế người bệnh làm cho não và tim không được cung cấp đủ máu, đặc biệt là do sự điều tiết ở người già chậm, sẽ càng dễ bị nguy hiểm hơn. Ngay cả người bình thường cũng phải hết sức cẩn thận, tránh thay đổi tư thế đột ngột, dễ làm cho người bị choáng (do hạ huyết áp tư thế).

"Ba nửa giờ" là: Buổi sáng đi bộ nửa giờ, buổi trưa ngủ nửa giờ và sau bữa ăn tối đi dạo nửa giờ.

Qua nghiên cứu, các nhà khoa học Thụy Điển cho rằng, những người mắc bệnh động mạch vành mà mỗi ngày ngủ trưa nửa giờ thì tỷ lệ tử vong giảm 30% so với người bệnh không ngủ trưa.

Theo y học hiện đại thì những người xơ cứng động mạch, nhất là ở thời kỳ đầu là một quá trình có thể đảo ngược được, từ nhẹ đến nặng và ngược lại. Thực tế đã chứng minh rằng, người bệnh sau một năm đi bộ đều đặn, xơ cứng động mạch giảm tới hơn 10%.

Nguyễn Vinh tổng hợp
từ www.camnangkykhoe.vn

VÌ ĐAU MÀ BỊ ĐAU TIM?

Một nghiên cứu của các nhà khoa học thuộc Đại học McMaster (Canada) đã công bố 9 yếu tố nguy hiểm gây bệnh tim. 3 yếu tố hàng đầu là lượng cholesterol cao, hút thuốc và stress. Những người có lượng lipid cao trong máu hay hút thuốc chiếm 60% số người bị bệnh tim. Những ai có lượng cholesterol trong máu cao có nguy cơ bị đau tim cao gấp 3,25 lần, trong khi những người hút thuốc là 2,9 lần so với những người khác.

Tiếp đến là tiểu đường, gia đình có tiền sử huyết áp cao và bụng bự. Nghiên cứu cho thấy, tiêu thụ trái cây hằng ngày, năng tập thể dục có thể giúp giảm nguy cơ đau tim.



NGHỈ ĐẾN DU LỊCH HÀNH HƯƠNG
NGHỈ ĐẾN ZENFLOWER TRAVEL
HÃY ĐỂ CHÚNG TÔI CHĂM SÓC CHO CHUYẾN HÀNH HƯƠNG TÂM LINH NHIỀU Ý NGHĨA CỦA QUÝ VỊ

Xin cam kết gửi Quý Tăng Ni, Phật tử và Quý khách những hành trình du lịch hành hương độc đáo nhất cùng những trải nghiệm tinh tế tại nơi Phật tích với chất lượng và dịch vụ hoàn mỹ nhất.

Liên hệ: (84 8) 3977 1513 - (84 8) 3977 1796
Đ/C: R4, Ba Vì, phường 15, quận 10, TP. HCM
Email: info@zenflower.vn - Website: www.zenflower.vn

Viên Thông Tự

Bài & ảnh GIÁNG HƯƠNG



HT. Hạnh Hải hội kiến Đức Đạt Lai Lạt Ma

10 năm trước, tôi rời xa quê hương đi định cư ở Philadelphia. Hành trang mang theo chỉ vỏn vẹn mấy bộ áo quần, những kiến thức nhất định về chuyên môn và lời dạy vàng ngọc của Sư phụ là Hòa thượng Thích Hạnh Hải, trụ trì chùa Viên Thông, ở 22B đường 762 Hồng Bàng, P.1, Q.11, TP.HCM. Nhờ biết vận dụng lời dạy của Sư phụ trong cuộc sống mà nơi xứ lạ quê người, tôi đã hòa nhập nhanh vào cộng đồng, đồng nghiệp thương mến, bạn bè xa gần thân thiết... Nghệ thuật sống của thầy được đúc kết qua bài **"Sự biến thiên trong cuộc sống"** xin trích đăng để chia sẻ cùng bạn đạo, tùy duyên rút ra sự phù hợp cho bản thân mình:

"Sống không giận, không hờn, không oán trách

Sống mỉm cười với thử thách, chông gai
Sống vươn lên theo kịp ánh ban mai
Sống chan hòa với những người chung sống

Sống là động nhưng lòng luôn bất động
Sống là thương nhưng lòng chẳng vấn vương

Sống yên vui danh lợi mãi coi thường
Tâm bất biến giữa dòng đời vạn biến.

Bạn biết không, tôi đã, đang và sẽ tiếp tục tin rằng sống như vậy mới thực sự là sống và tôi cũng tin rằng tôi đã đặt niềm tin của mình vào đúng chỗ. Thế còn bạn, bạn thì sao? Hãy sống thật, sống tốt, sống hết mình các bạn ạ, bởi mỗi người chỉ có duy nhất một lần được sống mà thôi, hãy sống làm sao để khi ngoảnh mặt lại ở cuối chặng đường ta không hổ thẹn, không nuối tiếc vì những gì đã trải qua. Thay vào đó, những niềm vui và hạnh phúc ngọt ngào sẽ ngập tràn trong trái tim vì cuộc sống của ta đã từng trải qua như thế...

Tôi cũng muốn tặng các bạn những điều này:

- Tôi đã học được rằng: cho dù hôm nay có chuyện gì xảy ra, có tội tề đến đâu đi nữa thì cuộc sống vẫn tiếp tục và nó sẽ tốt đẹp hơn vào ngày mai.

- Tôi đã học được rằng: thỉnh thoảng cuộc sống sẽ đem đến cho ta một cơ hội thứ hai.

- Tôi đã học được rằng: "kiếm sống" không đồng nghĩa với "sống". Vì thế không phải cứ kiếm được nhiều tiền là đã có một cuộc sống tốt.

- Tôi đã học được rằng: nếu bạn theo đuổi hạnh phúc thì nó sẽ lẫn trốn bạn, nhưng nếu bạn yêu thương gia đình, quý mến bạn bè và mọi thứ xung quanh mình thì mọi việc bạn làm sẽ diễn ra tốt đẹp và hạnh phúc.

- Tôi đã học được rằng: những lúc tôi quyết định một điều gì đó với trái tim rộng mở, tôi thường có quyết định đúng.

- Tôi đã học được rằng: những khi tôi đau khổ, tôi không phải chỉ có một mình.

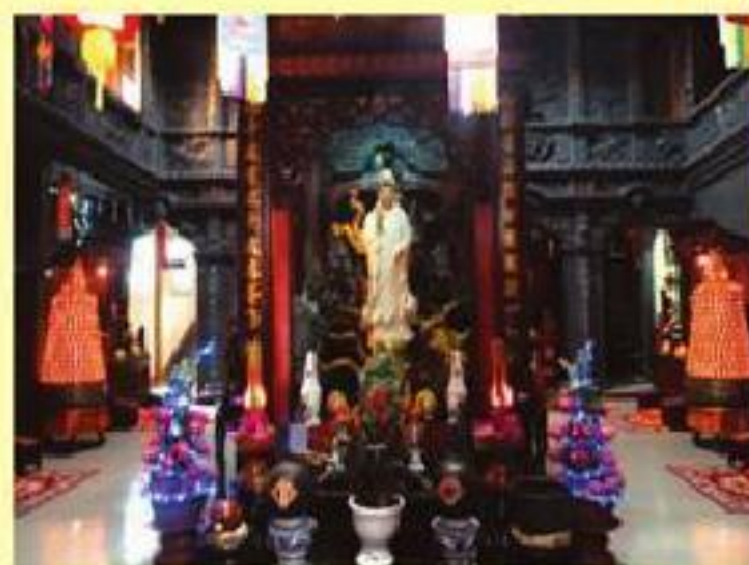
- Tôi đã học được rằng: tôi vẫn còn phải học nhiều điều.

Với những nụ cười mà bạn có, những giọt nước mắt mà bạn khóc và tất cả những điều bạn thấy. (Đó là cuộc sống)".

Hôm nay tôi có phước duyên về thăm quê hương. Chùa xưa nay đã khang trang, vật thể được tôn trí hài hòa, giá trị cổ vật quý hiếm, đậm nét nhân văn lẫn giá trị nghệ thuật cao. Tiến đường với tấm bia ký về 5 bài kệ Lăng Nghiêm bằng tiếng Tạng được khắc trên đá hoa cương. Chánh điện tôn trí Đức Phật với ánh từ quang tỏa sáng, Quan Âm các nét đẹp trang nghiêm diễm lệ, giảng đường rộng lớn, Tầng kinh các với nhiều sách quý, phương trượng uy nghi... Tất cả như hòa quyện và nổi lên sự thăng hoa phát triển không ngừng của chốn thiền môn.

Chúng tôi ngồi quay quần chung quanh Sư phụ kính yêu, sung sướng kể những chuyện vui buồn nơi xứ người, thấy lắng nghe và khuyến tấn: "Trong cuộc sống phải có tri thức, kiến thức và nhận thức, mà nhớ rằng tri thức là phải hiểu biết cách nhìn. Vì đạo Phật là vô ngã. Cho nên đã là con Phật phải biết nhận chịu sự thị phi, mai mỉa, âu cũng là chuyện bình thường. Theo Tông Tổ giáo truyền: Y luật, giới truyền, trong tu học: có đặc thù cốt cách không bị xâm thực bởi tiền tài mà cần phải có sự minh triết. Trong sạch từ lời nói cho đến việc làm. Muốn làm người quân tử: không cúi đầu khuất phục, nô lệ, đối với trên không nịnh và người dưới không khi. Nhân nghĩa không dối mình, liêm chính không làm bậy, không sĩ diện nhưng cũng không sợ sĩ nhục. Người tu là không được chê lý tưởng sống của người khác (tránh chê trách nhau)...".

Giã từ Sư phụ thật buồn ngủi, cảm



Quan Âm các



Phương trượng



Đảnh lễ



Bia ký

động. Chúng con nguyện theo lời dạy, thúc liễm thân tâm, sống có ích cho đời và luôn quan tâm vun bồi công đức, trưởng dưỡng từ bi và trí tuệ để không phụ công thầy dạy dỗ...

THÀNH HỘI PHẬT GIÁO TP. HỒ CHÍ MINH

TỔ IN ẤN & PHÁT HÀNH KINH SÁCH

PHÒNG PHÁT HÀNH TRỰC TIẾP

380/1 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3
Tel: (08) 38 48 32 28 - 38 48 38 00

VĂN PHÒNG CHÍNH TẮNG TRỆT
THIỆN VIỆN QUẢNG ĐỨC

294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3
Tel: (08) 38 46 97 21 - 38 46 32 18



Nuôi lớn mầm yêu thương
Nourish compassion

ĐT: (08) 3848 3399 - 0913 808338

www.vietchay.vn



DU LỊCH TÂM LINH
NGỌC VIỆT TRAVEL

- ĐẤT PHẬT AN ĐIÒ - NEPAL
- VỮNG TÂM LINH TÂY TANG HUYỀN BÍ
- VƯƠNG QUỐC PHẬT GIÁO BHUTAN
- TỰ ĐÀI PHẬT SƠN TRUNG QUỐC
- MIỀN ĐIỆN - THÁI LAN

Vui lòng liên hệ:

Đoàn Tấn (PĐ: Chánh Tâm): 0933 88 33 63

Email: ngọcviet_travel@yahoo.com

Tel: (08) 38 48 33 88 - www.vietchay.vn



- 40 Cù Lao, P.2, Q. Phú Nhuận
Đối diện **QUAN AM TU VIỆN**
Tel: (08) 3517 2828
- 711 Lê Hồng Phong, Q.10
Đối diện **VIỆT NAM QUỐC TỰ**
Tel: (08) 397 97 168
- 94 Phan Đình Phùng, P.2, Q. PN
CHUYÊN BÁN SỈ
Tel: (08) 3990 3888
Email: trungtamphatngoc@yahoo.com
- 110 Sương Nguyệt Ánh, Q.1
Tel: (08) 3926 0637
- 38 Lão Tử, P.11, Q.5, TP.HCM
Bên cạnh **CHÙA QUAN AM**
(Hội Quán Ôn Lăng)
Tel: (08) 3853 9328

Nhà hàng Chay **Vajra**

PHONG CÁCH TÂY TANG
HƯƠNG VỊ VIỆT CHAY



Quan cảnh Vajra Q.5 ngày Rằm tháng Giêng



BUFFET 38 (*) vào ngày Rằm hàng tháng với 38 món tự chọn

- Vajra Q.5 - 38 Lão Tử, P.11, Q.5 - Bên cạnh **Chùa Quan Âm** - Tel: (08) 385 38 329
- Vajra Q.10 - 711 Lê Hồng Phong, Q.10 - Đối diện **Việt Nam Quốc Tự** - Tel: (08) 397 97 128

(*) BUFFET 38: menu buffet có 38 món, tại địa chỉ số 38 và theo người Hoa số 38 là số may mắn

PHÁP PHỤC HIỆU ĐỘC QUYỀN
LAM HIỀN®
Lam Hiền tỏa sáng bước trang nghiêm...



Chư Tôn Đức đến thăm Xưởng may pháp phục Lam Hiền ở Củ Chi

ĐT: (08) 3990 3888 - 012345 80888

SHOP MAY & VĂN PHÒNG:
Tại Siêu Thị Pháp Hoa - CHÙA PHỔ QUANG
64/3 Phổ Quang, Q. Tân Bình

XUỐNG MAY:
Tại Ấp An Hòa, Xã An Phú, Huyện Củ Chi

BUFFET CHAY & NGHE PHÁP

"CHẤT LƯỢNG CUỘC SỐNG" (Quality of Life)

Tại Nhà hàng Chay MANDALA, vào lúc 13h30 thứ 7 cách tuần

THỜI GIAN:

11h00 - 13h00: Buffet trưa;
13h15 - 13h30: Ôn định chỗ ngồi;
13h30 - 14h30: Nghe giảng;
14h30 - 15h00: Hỏi đáp

Vui lòng liên hệ đăng ký trước:

ĐT: 0977 994 233 gặp Thanh



Nhà hàng chay Mandala xin ra mắt
"BUFFET THIÊN NHIÊN" vào ngày **RẪM** hàng tháng

110 Sương Nguyệt Ánh, Q.1, TP.HCM - Tel: (08) 3926 0638

Email: veg.mandala@yahoo.com



Thật bất ngờ!
Thật mới lạ!
Thật đáng tin!

SỐNG KHỎE VÔ BỆNH KHÔNG DÙNG THUỐC

Sách và đĩa ca nhạc Rừng Tiên.
Nói về Nguồn Phúc Chân Thiện Mỹ.
Nó tác dụng trị hết bệnh đau.
Phát huy tinh thần thân thương nhau.
Văn minh cao thượng vì mọi người.
Cùng nhau chung hưởng an vui cuộc đời.



Sách và đĩa có bán tại tiệm đàn
Số 34A đường Phan Đăng Lưu, P.6, Q.Bình Thạnh
TP. Hồ Chí Minh, ĐT: 3803.1421 - 35108164

Khu ẩm thực chay sân vườn Thiên Ý

- ❑ Phục vụ các món ăn thuần chay ngon lạ, hấp dẫn
- ❑ Thử Bày & Chủ nhật hàng tuần có món bánh xèo rau rừng, bánh canh Trảng Bàng
- ❑ Buffet ngày Rằm và Mừng Một hàng tháng từ 10 giờ sáng đến 22 giờ

Đặc biệt có chương trình hòa tấu nhạc cụ dân tộc (từ 18h – 21h)

Nhận đặt tiệc

- Liên hoan – Sinh nhật – Hội nghị và phục vụ đón tận nơi theo yêu cầu
- Sân vườn thoáng mát, phong cảnh đẹp, không khí thiên nhiên trong lành, thanh tịnh

Diện tích lớn, bãi đậu xe ô tô thuận tiện tổ chức các buổi hội nghị lớn



PHÒNG PHÁT HÀNH VHP PHẬT GIÁO HƯƠNG SEN

- ❖ Phục vụ các ấn phẩm Phật giáo: Kinh sách, băng đĩa, pháp phục, vật dụng thờ cúng, tranh tượng Phật, v.v.
 - ❖ Đặc biệt: **TRANG SỨC TÂM LINH** (trang sức vàng bạc có khắc câu thần chú của Bồ-tát Quán Thế Âm Om Mani Padme Hum)
- 36 Trần Quý Cáp, P.11, Q. Bình Thạnh, TP.HCM**
ĐT: 08.3516.7475 - 0913916036

QUÁN CHAY

pháp uyển

Nơi thưởng thức ẩm thực chay
tốt sức khỏe, nhẹ tinh thần

17/4 Nguyễn Huy Tưởng, Phường 6, Bình Thạnh, TP.HCM
website: www.phapuyen.com, email: lienhe@phapuyen.com
QUÁN CHAY PHÁP UYỂN - ĐT. 35 035 579



Công ty TNHH SX-TM
QUANG NGHỆ
QUANG NGHỆ CO., LTD.
NỀN THƠM NGHỆ THUẬT

Chân thành cảm ơn Quý khách đã ủng hộ sản phẩm
Nến Quang Nghệ trong suốt thời gian qua
NGÔ HUỆ PHƯƠNG - DD: 0989 183 398

- ❑ Cung cấp nguyên vật liệu dùng trong sản xuất nến: Hương liệu, dầu paraffin, sáp, rau câu, ly thủy tinh, tem, tim đèn...
 - ❑ Chuyên sản xuất các loại sáp nến thơm nghệ thuật, nến ly cao cấp... Nhận đơn đặt hàng theo yêu cầu của quý khách.
- Đặc biệt:** Có giá ưu đãi đặc biệt đối với quý khách mua số lượng nhiều.

Cần tìm đại lý ở các chùa, tỉnh thành trong cả nước

Nhà xưởng: 205B/28 Âu Cơ, P.5, Q.11, TP.HCM
Điện thoại: (08) 62738.228 - 38656.506 - Fax: (08) 3865.6506
Email: quangnghecandle@yahoo.com.vn
Website: www.quangnghecandle.com



Ngọc Bích-Nephrite

Website: www.ngocbich-nephrite.com

Quý khách có nhu cầu thỉnh tượng Phật và Bồ tát bằng ngọc bích và ngọc trắng Miến Điện (cửa hàng sẽ có giá ưu đãi)

Nơi chuyên cung cấp nhiều loại mẫu mã, kiểu dáng đẹp về trang sức bằng ngọc bích và các tôn tượng ngọc trắng Miến Điện

- Cửa hàng 1: 10 Khu B, Trường Sơn, P.15, Q.10 - ĐT: (08) 3970.5471 - 39700354
- Cửa hàng 2: 359 Nguyễn Thiện Thuật, P.1, Q.3 - ĐT: (08) 5404.3752
- Cửa hàng 3: 237 Ông Ích Khiêm, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng - ĐT: (0511) 3692.799
- Cửa hàng 4: Siêu thị Hoàng Lan, 615 - 616 QL 1A, Trảng Bàng, Đồng Nai



Hương Thiên

Nhà hàng chay Thái Lan

- ✦ Thực đơn chay phong phú
- ✦ Không sử dụng bột ngọt, không hóa chất độc hại
- ✦ Nhận tổ chức tiệc chay theo yêu cầu...

ĐC: B10 Trường Sơn, P.15, Quận 10
Tel: 08.3970.5471 - 08.3970.0354

Web: www.huongthien.net
Email: info@huongthien.net

❑ Quý độc giả có nhu cầu QUẢNG CÁO

○ Xin vui lòng liên hệ: **Cô Thu Sương**

○ ĐTDD: **0918 032 040**

✉ Email: thusuong69@gmail.com

BOOKING SUBJECT

VĂN HÓA
PHẬT GIÁO

Tạp chí của tất cả những ai chấp nhận tư tưởng Phật giáo, quyết tâm xây dựng một xã hội lành mạnh, hiền hòa và bảo vệ, phát huy văn hóa truyền thống của dân tộc.